



BẢN TIN CÁI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN NỘI BỘ CỦA VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO CÁI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 45/2024

Từ 11/11 - 15/11/2024

TIN NỘI BẬT CÁI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

*

ÔNG PHẠM MINH HÙNG

VỤ TRƯỞNG

VỤ CÁI CÁCH HÀNH CHÍNH

BỘ NỘI VỤ

CHÁNH VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO

CÁI CÁCH HÀNH CHÍNH

CỦA CHÍNH PHỦ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY

*

TRUNG TÂM THÔNG TIN

BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT

QUẬN NAM TỪ LIÊM - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI

024.62821016

EMAIL

BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN

WEBSITE

HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

TỔNG BÍ THƯ:

**KHẨN TRƯỞNG THỰC HIỆN TINH GỌN TỔ CHỨC,
BỘ MÁY VỚI QUYẾT TÂM CHÍNH TRỊ CAO**

Tổng Bí thư đề nghị, khẩn trương thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW về tinh gọn tổ chức, bộ máy với quyết tâm chính trị cao, hành động quyết liệt.



Tổng Bí thư Tô Lâm phát biểu tại buổi làm việc

Ngày 11/11/2024, tại Trụ sở Trung ương Đảng, Tổng Bí thư Tô Lâm đã làm việc với Tiểu ban Văn kiện và Tiểu ban Điều lệ Đảng, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

Tổng Bí thư nêu rõ yêu cầu, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp xây dựng các văn kiện theo hướng khoa học, cụ thể, rõ định hướng, rõ chủ trương chiến lược, ngắn gọn, dễ hiểu, dễ thực hiện để triển khai được ngay trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

Trên cơ sở báo cáo của thường trực Tổ Biên tập các Tiểu ban trình bày Tờ trình về tiếp thu, giải trình, hoàn thiện dự thảo Báo cáo chính trị; Báo cáo những nội dung cốt lõi, quan trọng trong dự thảo Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng và ý kiến phát biểu; kết luận cuộc họp Tổng Bí thư Tô Lâm ghi nhận, đánh giá cao hai Tiểu ban đã nỗ lực làm việc với tinh thần chủ động, trách nhiệm; tích cực phối hợp với các tiểu ban khác để bảo đảm sự thống nhất giữa các Báo cáo, trong đó Báo cáo chính trị là văn kiện trung tâm, Báo cáo kinh tế - xã hội, Báo cáo công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng là các báo cáo chuyên đề quan trọng. Để tiếp tục hoàn thiện dự thảo Báo cáo chính trị và Báo cáo công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng, Tổng Bí thư đánh giá, ý kiến của các thành viên Tiểu ban Văn kiện tại cuộc họp là hết sức quý báu, đề nghị các Thường trực Tiểu ban và Thường trực Tổ biên tập nghiêm túc nghiên cứu, chất lọc tiếp thu để tiếp tục hoàn thiện dự thảo Báo cáo.

Tổng Bí thư yêu cầu, thống nhất nhận định về tầm vóc, ý nghĩa của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, đây là Đại hội gắn liền với bối cảnh đất nước sau 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới, 50 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất đất nước, 80 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, nay là Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 95 năm thành lập Đảng, hướng tới kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng, mở ra một kỷ nguyên phát triển mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam, đó là kỷ nguyên phát triển, kỷ nguyên giàu mạnh, thịnh vượng dưới sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản, nhân dân tin tưởng, tự hào chung sức, đồng lòng xây dựng thành công nước Việt Nam hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội, sánh vai với các cường quốc năm châu.

Tổng Bí thư Tô Lâm yêu cầu: "Trong dự thảo báo cáo chính trị cần tiếp tục làm sâu sắc hơn những quan điểm mục tiêu lớn về kinh tế làm cơ sở để triển khai trong báo cáo kinh tế - xã hội đảm bảo nhất quán, phù hợp với mục tiêu đề ra, cũng như nguồn lực hiện có và giải pháp thực hiện để mục tiêu đặt ra phải thực hiện được, không vẽ vời những mục tiêu viễn vông, xa rời thực tế. Vấn đề xuyên suốt là thực hiện thắng lợi 2 mục tiêu 100 năm phát triển nhanh bền vững tránh nguy cơ tụt hậu. Và tiếp tục nghiên cứu trình bày nhóm vấn đề kinh tế cân bằng với phát triển văn hóa con người nâng cao đời sống vật chất tinh thần của nhân dân, bảo vệ môi trường chống biến đổi khí hậu, thể hiện rõ nhân dân là trung tâm là chủ thể là mục tiêu là nguồn lực là động lực của mọi chính sách phát triển và nhân mạnh hơn nữa phát triển kinh tế đi đôi với phát triển xã hội, thực hiện các chính sách an sinh xã hội với vấn đề rất cụ thể".

Một lần nữa nhấn mạnh, ưu tiên hàng đầu trong kỷ nguyên mới là thực hiện thắng lợi các mục tiêu chiến lược đến năm 2030, Việt Nam trở thành nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045 trở thành nước xã hội chủ nghĩa phát triển, có thu nhập cao; khơi dậy mạnh mẽ hào khí dân tộc, tinh thần tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, khát vọng phát triển đất nước nhanh và bền vững; kết hợp chặt chẽ sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, Tổng Bí thư cho rằng, nguồn lực và động lực quan trọng để đất nước vươn mình phát triển trong kỷ nguyên mới là ứng dụng mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đẩy mạnh phát triển lực lượng sản xuất mới; thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển xanh, chuyển đổi năng lượng; phát huy sức mạnh văn hóa, con người, mọi người dân Việt Nam chung sức đồng lòng, tranh thủ tối đa thời cơ, thuận lợi, đẩy lùi nguy cơ, thách thức, đưa đất nước phát triển toàn diện, mạnh mẽ, bứt phá và cất cánh.

Tổng Bí thư Tô Lâm đề nghị: "Phải tiếp tục làm sâu sắc cụ thể thêm 3 giải pháp đột phá chiến lược về thể chế, nhân lực và hạ tầng; đặc biệt là đổi mới tư duy trong việc xây dựng thể chế tháo gỡ điểm nghẽn khơi thông nguồn lực, kiên quyết không để cơ chế bó tay, bó chân kìm hãm sự phát triển, dứt khoát từ bỏ tư duy không quản được thì cấm. Riêng về nhóm vấn đề xây dựng Đảng, hệ thống chính trị cần nhấn mạnh vai trò đặc biệt quan trọng của Đảng trong giai đoạn lịch sử này; cần tiếp tục nghiên cứu làm sâu sắc hơn công tác quan điểm công tác chỉ đạo của Đảng với yêu cầu mới cao hơn, tinh thần là Đảng không bao biện làm thay nhưng cũng không buông lỏng quản lý".

Về báo cáo công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng, Tổng Bí thư yêu cầu, tiếp tục nâng cao năng lực hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng, đổi mới mạnh mẽ việc ban hành, quán triệt, thực hiện nghị quyết của Đảng, làm cho mỗi nghị quyết mới ban hành phải giải quyết được những vấn đề đặt ra từ thực tiễn, mang hơi thở cuộc sống, có tính dẫn dắt, mở đường và được thực hiện hiệu quả trên thực tế, bảo đảm cho các nhân tố mới phát triển; đẩy mạnh cải cách hành chính trong Đảng, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của Đảng, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tăng cường củng cố niềm tin của Nhân dân, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng.

Nhấn mạnh tập trung hoàn thiện mô hình tổng thể tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới, Tổng Bí thư đề nghị, khẩn trương thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW về tinh gọn tổ chức bộ máy với quyết tâm chính trị cao, hành động quyết liệt, thống nhất về tư tưởng của cả hệ thống chính trị, đây là công việc khó khăn, phức tạp, đòi hỏi sự đoàn kết, thống nhất, dũng cảm, hy sinh của từng cán bộ, đảng viên, trước hết là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể các cấp, tất cả vì sự phát triển của đất nước.

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, trong đó chú trọng công tác thẩm định, đánh giá cán bộ; tập trung nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ cấp chiến lược, cán bộ cấp cơ sở; tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách phát hiện, thu hút, trọng dụng nhân tài, khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung làm động lực cho sự phát triển nhanh, bền vững đất nước.

Đặc biệt, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị, nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng, tăng cường củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng. Chú trọng và tăng cường đoàn kết trong Đảng, lấy đoàn kết trong Đảng là cơ sở, nền tảng xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Tăng cường công tác dân vận, thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân; phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Tổng Bí thư cũng yêu cầu, tăng cường siết chặt kỷ luật, kỷ cương, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, kiểm soát quyền lực chặt chẽ, hiệu quả; thực hiện kiểm tra, giám sát có trọng tâm, trọng điểm và có tính đột phá; đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực với phương châm "không ngừng, không nghỉ", "không có vùng cấm", "không có ngoại lệ". Trong đó, cần đẩy mạnh phòng, chống lãng phí như phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, đưa thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trở thành "tự giác", "tự nguyện", "com ăn nước uống, áo mặc hàng ngày". Tinh thần là nhiệm vụ phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực để Đảng mạnh hơn, đoàn kết hơn, phục vụ tốt hơn mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống của Nhân dân.

Nguồn: vov.vn

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ: PHÂN CẤP, PHÂN QUYỀN PHẢI ĐI ĐÔI VỚI PHÂN BỐ NGUỒN LỰC

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính cho rằng phân cấp, phân quyền phải đi đôi với phân bổ nguồn lực, nâng cao năng lực thực thi của các cấp.

Chiều ngày 12/11/2024, Quốc hội chất vấn Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính. Đại biểu Mai Thị Phương Hoa (tỉnh Nam Định) cho biết Chính phủ đặt ra nhiệm vụ muốn nâng cao hiệu lực, hiệu quả một cách thực chất của bộ máy hành chính thì phải gắn với phân cấp, phân quyền hợp lý giữa các cấp.

Tuy nhiên, quá trình triển khai còn một số tồn tại, hạn chế như việc rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật về chuyên ngành còn chậm.

Đại biểu chất vấn Thủ tướng Chính phủ về giải pháp để đẩy mạnh hơn nữa phân cấp, phân quyền giữa Chính phủ với các bộ ngành, địa phương thời gian tới.

Theo Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính, phân cấp, phân quyền là vấn đề lớn, đã nói nhiều và thực hiện. Đến nay, Chính phủ đã trình Quốc hội ban hành 14 luật liên quan, 9 nghị quyết, bổ sung thay thế 27 nghị định.

Tuy nhiên, Thủ tướng Chính phủ cho rằng vẫn còn vướng mắc về phân cấp, phân quyền. “Vướng chủ yếu tập trung ở Trung ương, phải nói thật là như vậy. Đây là nút thắt lớn”, Thủ tướng Chính phủ nhìn nhận.

Về giải pháp, Thủ tướng Chính phủ nêu rõ cần rà soát lại các quy định của pháp luật; rà soát lại thể chế, chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan... để tính toán lại việc phân cấp, phân quyền; hoàn thiện tiêu chuẩn, quy chuẩn; tăng cường giám sát kiểm tra.

Thủ tướng Chính phủ cho rằng, phân cấp, phân quyền phải đi đôi với phân bổ nguồn lực, nâng cao năng lực thực thi của các cấp.

Tăng trưởng 6 - 7% thì khó đạt được mục tiêu 100 năm

Tiếp đó, đại biểu Nguyễn Thị Yến (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) nêu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xác định cải cách thể chế là một trong những nhiệm vụ trọng tâm và đã đạt được những kết quả quan trọng để tháo gỡ rào cản, tạo môi trường, động lực phát triển kinh tế xã hội. Đại biểu hỏi những điểm nhấn quan trọng nhất thời gian tới, Thủ tướng chọn vấn đề gì?

Trả lời chất vấn, Thủ tướng Chính phủ cho biết ưu tiên đầu tiên là phân cấp, phân quyền. Về ưu tiên phát triển đất nước, Thủ tướng cho hay cần tháo gỡ điểm nghẽn thể chế - “điểm nghẽn của điểm nghẽn” như Tổng Bí thư Tô Lâm đề cập, thì ưu tiên chính là tăng trưởng.

“Ưu tiên tăng trưởng thì phải có nguồn lực. Nếu tăng trưởng như hiện nay 6 - 7% thì rất khó đạt được hai mục tiêu khi kỷ niệm 100 năm thành lập nước. Ưu tiên cho tăng trưởng thì phải tháo gỡ thể chế để huy động mọi nguồn lực của nhà nước, của Nhân dân, của xã hội, nguồn lực hợp tác công tư, nguồn lực đầu tư nước ngoài trực tiếp và gián tiếp”, Thủ tướng Chính phủ phân tích.

Nói về chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, kinh tế tuần hoàn, Thủ tướng Chính phủ khẳng định đây là xu thế mới, quá trình triển khai có nhiều khó khăn vì chưa có kinh nghiệm, thể chế pháp luật chưa hoàn chỉnh.

Vì thế, Thủ tướng Chính phủ cho rằng cần hoàn thiện thể chế, coi đó là mục tiêu, động lực và nguồn lực cho sự phát triển. “Muốn đột phá, phải đột phá từ thể chế”, Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh.

Quan điểm trong xây dựng thể chế được Thủ tướng Chính phủ quán triệt là quy định rõ, cụ thể những gì được làm, những gì có thể linh hoạt và mở ra không gian phát triển để giúp người dân, doanh nghiệp yên tâm khi làm.

Chủ trương xuyên suốt của Đảng là bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho người dân, doanh nghiệp; không hình sự hóa các quan hệ kinh tế, dân sự và hành chính. “Muốn vậy phải xây dựng thể chế rõ ràng”, Thủ tướng Chính phủ khẳng định.

Liên quan việc xây dựng thể chế trong quản lý trên không gian mạng, Thủ tướng Chính phủ đồng tình với ý kiến của Bộ trưởng Thông tin và Truyền thông "không gian thực thể nào thì không gian ảo như vậy", quản lý đời thực thể nào phải quản lý không gian mạng như thế.

Thủ tướng Chính phủ cũng dẫn lại chỉ đạo của Tổng Bí thư Tô Lâm phải bỏ tư duy "không quản được thì cấm".

Thủ tướng Chính phủ lưu ý xây dựng thể chế phải vừa phục vụ quản lý, vừa mở ra không gian sáng tạo để khuyến khích các chủ thể. “Đổi mới để bay cao, sáng tạo để vươn xa, hội nhập để tiến lên”, Thủ tướng Chính phủ bày tỏ.

Đại biểu Nguyễn Thị Kim Thúy (TP. Đà Nẵng) nêu vấn đề cấp bách hiện nay là chống lãng phí, trong đó có xử lý các dự án chậm tiến độ. Cừ tri đánh giá cao sự quyết liệt, quyết tâm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ qua việc xử lý các dự án vướng mắc, tồn đọng. Tuy nhiên, một số dự án tồn đọng và một số tổ chức tín dụng yếu kém vẫn chưa được xử lý. Đại biểu đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho biết nguyên nhân, giải pháp và tiến độ.

Thủ tướng Chính phủ cho biết, có nhiều dự án tồn đọng kéo dài. Có 12 đại dự án tồn đọng kéo dài đã cơ bản xin chủ trương của Bộ Chính trị, trên cơ sở đó Chính phủ đang thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn. Nội dung nào vượt nhiệm vụ, quyền hạn, Chính phủ sẽ báo cáo, xin ý kiến Quốc hội.

Chính phủ cũng sẽ rà soát các dự án tương tự, xử lý trên tinh thần tôn trọng hiện trạng, "thất thoát, mất mát rồi, ai vi phạm xử lý rồi", phải tiếp tục tháo gỡ vướng mắc của pháp luật.

Thủ tướng Chính phủ nói xử lý như tinh thần xử lý các dự án đường sắt Cát Linh - Hà Đông, Trung tâm Nhiệt điện Ô Môn, Mỏ khí lô B, Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2...

Về các ngân hàng yếu kém, Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh mục tiêu đảm bảo an toàn hệ thống, bảo vệ quyền lợi của người dân, kiểm soát chặt chẽ tài sản, không để thất thoát. Hiện tại, hai ngân hàng đã được chuyển giao, còn lại hai ngân hàng và SCB đang được xem xét.

Nguồn: vietnamnet.vn

KẾT QUẢ

CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA THÁNG 10 NĂM 2024

Trong tháng 10/2024, đã ban hành thêm 03 Nghị định, 05 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Về hoàn thiện thể chế, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số, trong tháng 10/2024, đã ban hành thêm: 03 Nghị định, 05 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, nổi bật là: Nghị định số 137/2024/NĐ-CP ngày 23/10/2024 quy định về giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước và hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử; Quyết định số 1087/QĐ-TTg ngày 02/10/2024 phê duyệt Đề án “Tăng cường chuyển đổi số lĩnh vực công tác dân tộc đến năm 2030”; Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 09/10/2024 phê duyệt Chiến lược hạ tầng số đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030; Quyết định số 1236/QĐ-TTg ngày 22/10/2024 ban hành Chiến lược quốc gia về ứng dụng và phát triển công nghệ chuỗi khối (blockchain) đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành văn bản số 4338/BTTTT-CĐSQG ngày 14/10/2024 hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương về Khung triển khai dịch vụ công trực tuyến.

Về cung cấp dịch vụ công trực tuyến, có 83/83 Bộ, tỉnh đã ban hành danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần theo Nghị định số 42/2022/NĐ-CP. Đến hết 19/10/2024, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình của cả nước đạt 43,8%, trong đó khối bộ đạt tỷ lệ 61,1%, khối tỉnh đạt tỷ lệ 18,2%.

Toàn quốc có 63/63 địa phương ban hành chính sách giảm, miễn phí, lệ phí sử dụng dịch vụ công trực tuyến; 15/63 tỉnh đã ban hành chính sách giảm thời gian để khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến; TP. Hà Nội ban hành chính sách quy định việc hỗ trợ phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp qua ứng dụng VNeID trên địa bàn TP. Hà Nội.

Từ ngày 01/10/2024, mở rộng thí điểm trên toàn quốc, người dân cả nước có thể đăng ký cấp Phiếu lý lịch tư pháp trên ứng dụng VNeID cấp cho công dân Việt Nam có tài khoản định danh điện tử mức độ 2 mà không phải đến trực tiếp Sở Tư pháp để làm các thủ tục, hồ sơ đến việc cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

Về các nền tảng, hệ thống phục vụ công tác quản lý, điều hành, tác nghiệp trong cơ quan nhà nước trên môi trường số, trao đổi văn bản điện tử giữa các cơ quan nhà nước: 100% hệ thống quản lý văn bản và điều hành của các Bộ, ngành, địa phương đã được kết nối thông suốt qua Trục liên thông văn bản quốc gia.

Về phát triển dữ liệu số, đến nay hầu hết các Bộ, ngành, địa phương đã hoạch định rõ và ban hành danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung với tổng số gần 3 nghìn cơ sở dữ liệu. Triển khai Chiến lược dữ liệu quốc gia, đến thời điểm tháng 9/2024 đã có 10 địa phương ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh: Hải Dương, Sơn La, Hà Giang, Lạng Sơn, Nghệ An, Ninh Thuận, Thừa Thiên - Huế, Yên Bái, Hà Nam, Đắk Lắk.

Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) là nền tảng quan trọng trong phát triển Chính phủ số; đã kết nối với 103 Bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức ở Trung ương (cơ bản hết cơ quan cấp I); đã kết nối 10 cơ sở dữ liệu, 15 hệ thống thông tin cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu trên NDXP.

Đối với dữ liệu hộ tịch, theo thống kê của Bộ Tư pháp, tính đến hết tháng 9/2024, đã có 14 địa phương hoàn thành số hóa dữ liệu hộ tịch với 111,5 triệu dữ liệu, trong đó có 17,1 triệu dữ liệu được số hóa trên nền dân cư (chiếm 15,39%). 20 địa phương cơ bản hoàn thành, đang hoàn tất việc đẩy dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử; 19 địa phương đang đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự kiến hoàn thành trước ngày 01/01/2025.

Đối với kết quả số hóa dữ liệu đất đai, đã hoàn thành số hóa trên 46 triệu thửa đất tại 461/705 huyện trên toàn quốc.

Đối với dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, trong tháng 10/2024, Bộ Nội vụ tiếp tục phối hợp với 36 Bộ, ngành, cơ quan Trung ương và 63 địa phương kết nối, đồng bộ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức viên chức với 2.390.142 hồ sơ. Đối khớp 1.091.481 hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức với Cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư.

Tổ chức thực hiện Chiến lược dữ liệu quốc gia: Đến thời điểm tháng 10/2024, đã có 12 địa phương ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh: Hải Dương, Sơn La, Hà Giang, Lạng Sơn, Nghệ An, Ninh Thuận, Thừa Thiên - Huế, Yên Bái, Hà Nam, Đắk Lắk, Cao Bằng, Cà Mau.

Trực liên thông văn bản quốc gia, trong tháng, số lượng văn bản điện tử gửi, nhận trên Trục là 1.078.654 văn bản (302.765 văn bản gửi và 775.889 văn bản nhận). Từ ngày 01/01/2024 đến 20/10/2024 số lượng văn bản điện tử gửi, nhận trên Trục là trên 9 triệu văn bản. Lũy kế đến nay đã có hơn 44,2 triệu văn bản gửi, nhận trên Trục liên thông văn bản quốc gia.

Cổng dịch vụ công quốc gia, trong tháng (từ ngày 20/9 đến 23/10), Cổng dịch vụ công quốc gia đã có hơn 11,6 triệu hồ sơ đồng bộ trạng thái; hơn 2,4 triệu hồ sơ trực tuyến thực hiện từ Cổng; hơn 982,5 triệu giao dịch thanh toán trực tuyến với số tiền hơn 994 tỷ đồng. Đến nay, Cổng dịch vụ công quốc gia đã cung cấp 4.522 dịch vụ công trực tuyến; hơn 373 triệu hồ sơ đồng bộ; 63,3 triệu hồ sơ trực tuyến từ Cổng; hơn 37,9 triệu giao dịch thanh toán trực tuyến với số tiền hơn 18.383 tỷ đồng; hơn 565 nghìn cuộc gọi tới tổng đài.

Có 63/63 địa phương, 14/20 Bộ, ngành đã hoàn thành việc kết nối Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh với Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại các Bộ, ngành đạt 52,57%, tại các địa phương đạt 65,70%; tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả bản điện tử có giá trị pháp lý để tái sử dụng tại các Bộ, ngành đạt 53,42%, tại các địa phương đạt 67,39%; tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin dữ liệu số hóa tại các Bộ, ngành đạt 1,28%, tại các địa phương đạt 13,74%.

Văn phòng Chính phủ đã báo cáo Chính phủ thông qua việc giao Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh tổ chức triển khai thí điểm mô hình Trung tâm phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh từ ngày 01/11/2024 đến ngày 30/11/2025. Hội đồng

nhân dân TP. Hồ Chí Minh và Hội đồng nhân dân TP. Hà Nội đã thông qua Nghị quyết về việc triển khai thí điểm mô hình Trung tâm phục vụ hành chính công một cấp trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố.

Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ, trong tháng 10/2024, Hệ thống đã phục vụ 03 phiên họp và xử lý 135 Phiếu lấy ý kiến thành viên Chính phủ, thay thế hơn 40,2 nghìn hồ sơ, tài liệu giấy. Trong 10 tháng năm 2024, Hệ thống đã phục vụ 21 phiên họp và xử lý 577 Phiếu lấy ý kiến thành viên Chính phủ, thay thế hơn 207,6 nghìn hồ sơ, tài liệu giấy. Lũy kế đến nay, Hệ thống đã phục vụ 108 hội nghị, phiên họp của Chính phủ và thực hiện xử lý 2.578 phiếu lấy ý kiến thành viên Chính phủ, thay thế khoảng 893,5 nghìn hồ sơ, tài liệu giấy.

Hệ thống thông tin báo cáo Quốc gia, Trung tâm thông tin chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ: Trong tháng, đã cập nhật 292 file dữ liệu lên kho dữ liệu nội dung; tiếp tục xây dựng và cập nhật kho dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; Đến nay, đã có 69/179 chế độ báo cáo được tích hợp hoặc nhập liệu trực tiếp trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ. Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã kết nối, liên thông với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành của 15 Bộ, cơ quan, tập đoàn, tổng công ty nhà nước và 63 địa phương để cung cấp thông tin, dữ liệu với 38 chỉ tiêu thông tin trực tuyến; hình thành 04 bộ chỉ số điều hành, thống kê, theo dõi, giám sát kinh tế - xã hội địa phương.

Về phát triển công dân số, theo thống kê của Bộ Công an, đến nay, toàn quốc đã cấp 9,8 triệu thẻ Căn cước cho công dân dưới 16 tuổi.

Manh Tuyền, Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ

“MUỐN CHUYỂN ĐỔI SỐ, BẮT BUỘC PHẢI LÀM CHỦ CÔNG NGHỆ”

Theo Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, muốn phát triển bền vững, muốn chuyển đổi số, bắt buộc chúng ta phải làm chủ công nghệ. Người Việt Nam giỏi công nghệ thông tin và hoàn toàn có thể làm chủ các ứng dụng, làm chủ công nghệ.

Sáng ngày 12/11/2024, nêu câu hỏi chất vấn nhóm vấn đề thuộc lĩnh vực thông tin và truyền thông, đại biểu Nguyễn Minh Tâm (đoàn tỉnh Quảng Bình) cho biết, thời điểm làm quyền Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ trưởng Nguyễn Mạnh Hùng đưa ra nhận định nếu không có hệ sinh thái số mạng xã hội Việt Nam thì không có sức mạnh đàm phán với Google, Facebook... Khi đó, họ sẽ tiếp tục không tuân thủ pháp luật Việt Nam, còn chúng ta không dám cắt dịch vụ.

“Tôi thấy, đây là một chiến lược lớn và rất đúng để không phụ thuộc và có thể cạnh tranh với các ông lớn như Google, Facebook, Youtube. Đặc biệt là đảm bảo chủ quyền, an ninh

mạng quốc gia. Vậy, đề nghị Bộ trưởng cho biết, lúc nào chiến lược này trở thành hiện thực”, đại biểu đoàn tỉnh Quảng Bình nêu câu hỏi.

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Nguyễn Mạnh Hùng cho biết, khi mới tạm quyền Bộ trưởng, ông có nói sức mạnh đàm phán bao giờ cũng dựa trên thực lực, không có thực lực thì khó đàm phán. “Nếu như có mạng xã hội mạnh trong tay thì sức ảnh hưởng trong quá trình đàm phán với mạng xã hội nước ngoài sẽ tốt hơn”, Bộ trưởng Nguyễn Mạnh Hùng cho hay.

Người đứng đầu ngành Thông tin và Truyền thông cho biết, hiện nay chúng ta đã cấp phép gần 1.000 mạng xã hội. Lý giải vì sao lại cấp phép nhiều như vậy, theo Bộ trưởng, mạng xã hội Việt Nam đi vào thị trường ngách. Trong số đó, có 20 mạng xã hội lớn. Tổng số người dùng mạng xã hội của Việt Nam tương đương số người Việt dùng Facebook, Youtube, Tiktok. Còn nếu tính cả 38 nền tảng số quốc gia thì số người dùng mạng xã hội Việt Nam còn lớn hơn nữa.

“Muốn phát triển bền vững, muốn chuyển đổi số, bắt buộc chúng ta phải làm chủ công nghệ, bắt buộc chúng ta phải làm chủ các nền tảng, không có con đường nào khác. Rất may, người Việt Nam giỏi công nghệ thông tin, hoàn toàn có thể làm chủ các ứng dụng và từ làm chủ các ứng dụng đến làm chủ công nghệ”, Bộ trưởng Thông tin và Truyền thông Nguyễn Mạnh Hùng nói.

Mạng xã hội có trách nhiệm làm lành mạnh hóa không gian mạng

Tại phiên chất vấn, đại biểu Châu Quỳnh Dao (đoàn tỉnh Kiên Giang) cho hay, Luật An ninh mạng đã nghiêm cấm sử dụng không gian mạng để hoạt động mê tín dị đoan. Mặc dù, thời gian qua nhiều Bộ, ngành đã nỗ lực ngăn chặn, nhưng hiện nay dịch vụ tâm linh, dịch vụ bói toán, tử vi trực tuyến có dấu hiệu nở rộ, với lực lượng thầy bói online khá hùng hậu, gây ra nhiều hậu quả cho xã hội.

“Đây là không gian màu mỡ để kẻ xấu lừa đảo, khiến người dân tiền mất, tật mang. Đề nghị Bộ trưởng cho biết giải pháp căn cơ nhất để xử lý dứt điểm tình trạng này?”, đại biểu Châu Quỳnh Dao nêu câu hỏi chất vấn.

Trả lời nội dung này, Bộ trưởng Thông tin và Truyền thông Nguyễn Mạnh Hùng chia sẻ “tôi có nói là nhà nào quản nhà đấy” và cho rằng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phải vào cuộc xác định hành vi đó có phải là mê tín dị đoan hay không để xử lý.

“Khi xác định hành vi rồi mà cần xác định danh tính, hoặc là cần ngăn chặn thì cần phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông. Chúng tôi làm cái này rất nhanh. Chúng ta đã có quy chế, có phối hợp và đã có công cụ để xử lý”, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Nguyễn Mạnh Hùng khẳng định.

Cũng theo Bộ trưởng Thông tin và Truyền thông, khi có tiêu chí thế nào là mê tín dị đoan bằng văn bản, bằng lời, bằng hình ảnh... thì căn cứ vào đó, Bộ Thông tin và Truyền thông cũng có những công cụ để rà quét.

“Hiện nay, các doanh nghiệp số của Việt Nam đã phát triển được công cụ, phần mềm mà nhìn vào hình ảnh có thể đánh giá được hành vi, để xem những hoạt động này có phải là mê tín dị đoan không, để báo sang Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xử lý”, Bộ trưởng Thông tin và Truyền thông Nguyễn Mạnh Hùng cho hay.

Bộ trưởng Nguyễn Mạnh Hùng cũng cho biết, Bộ Thông tin và Truyền thông đang làm việc với các mạng xã hội, để khi các tiêu chí về mê tín dị đoan đã rõ rồi thì cơ quan này sẽ yêu cầu các mạng xã hội, các nền tảng xã hội sẽ phải phát triển công cụ tự rà quét, tự hạ xuống.

“Đây là một bước tiến mới, trước đây là chúng ta phát hiện và yêu cầu họ hạ, còn bây giờ họ phải có trách nhiệm. Mạng xã hội, các nền tảng kinh doanh lợi nhuận rất nhiều thì phải có trách nhiệm làm lành mạnh hoá không gian mạng”, Bộ trưởng Nguyễn Mạnh Hùng nói.

Cùng với đó, Bộ trưởng Thông tin và Truyền thông cũng nhấn mạnh giải pháp xử lý mạnh tay đối với các đối tượng mê tín dị đoan, trong đó có biện pháp xử lý từ hành chính đến hình sự nếu gây hậu quả nghiêm trọng.

Nguồn: vietnamnet.vn

KHO BẠC NHÀ NƯỚC: CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TOÀN DIỆN

Kho bạc Nhà nước tiếp tục nghiên cứu, xây dựng cơ chế chính sách, quy trình nghiệp vụ theo hướng đơn giản hóa thủ tục thu, chi ngân sách nhà nước, tạo thuận lợi cho các đơn vị giao dịch.

Kho bạc Nhà nước cho biết sẽ tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính toàn diện trên các lĩnh vực cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính, cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, cải cách chế độ công vụ, cải cách tài chính công và hiện đại hóa hành chính.

Bên cạnh đó, cũng duy trì các hệ thống công nghệ thông tin hoạt động ổn định, thông suốt, đáp ứng hoạt động nghiệp vụ; hỗ trợ người sử dụng vận hành hệ thống; Triển khai diện rộng bài toán liên thông chi đầu tư xây dựng cơ bản. Đồng thời, nghiên cứu nâng cấp chương trình phục vụ triển khai mở rộng thanh toán tự động theo định kỳ cho các nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ điện, nước, viễn thông... theo văn bản ủy quyền của đơn vị sử dụng ngân sách.

Kho bạc Nhà nước cho biết, trong thời gian qua, cải cách hành chính, hiện đại hóa công nghệ thông tin nhằm nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng tiếp tục được hệ thống Kho bạc Nhà nước đẩy mạnh và đạt được nhiều kết quả khả quan.

Theo đó, Kho bạc Nhà nước tiếp tục nghiên cứu, xây dựng cơ chế chính sách, quy trình nghiệp vụ theo hướng đơn giản hóa thủ tục thu, chi ngân sách nhà nước, tạo thuận lợi cho các đơn vị giao dịch; cung cấp 100% thủ tục thực hiện dịch vụ công trực tuyến của Kho bạc Nhà nước toàn trình và tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia.

Đồng thời, hệ thống Kho bạc Nhà nước tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; tiếp tục thực hiện kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính; duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.

Kho bạc Nhà nước đã thực hiện khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của hệ thống Kho bạc Nhà nước. Kết quả khảo sát đợt 1/2024 cho thấy, mức độ hài lòng đạt 99,91%, tăng 3,96% so với năm 2023 (85,85%). Kết quả đó thể hiện sự đúng đắn trong các giải pháp của Kho bạc Nhà nước đề ra để cải cách hành chính.

Kho bạc Nhà nước đang tiếp tục hoàn thiện đề án nâng cấp TABMIS (Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc) và các hệ thống ứng dụng liên quan để hình thành hệ thống thông tin ngân sách và kế toán nhà nước số; xây dựng dịch vụ lưu trữ hồ sơ, chứng từ chi điện tử Kho bạc Nhà nước và tích hợp với hệ thống dịch vụ công trực tuyến, chương trình quản lý kiểm soát chi đầu tư; triển khai Chương trình quản lý văn bản điều hành tập trung của Kho bạc Nhà nước và chương trình thông tin chỉ đạo, điều hành của Kho bạc Nhà nước.

Đặc biệt, để góp phần đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công của cả nước và tiến tới kho bạc số vào năm 2030, Kho bạc Nhà nước đang thực hiện nâng cấp quy trình nhận, xử lý hồ sơ chứng từ chi đầu tư.

Kho bạc Nhà nước cũng đã hoàn thành việc triển khai thí điểm quy trình về kiểm soát, thanh toán, chi trả cho cá nhân qua tài khoản; Tiếp tục nghiên cứu, dự thảo Quy trình chi trả các khoản thanh toán cá nhân (lương, phụ cấp...) trực tiếp từ Kho bạc Nhà nước đến đối tượng thụ hưởng theo thỏa thuận giữa Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại.

Trong Quý III/2024, toàn hệ thống Kho bạc Nhà nước tiếp tục triển khai diện rộng chương trình thanh toán tự động các khoản chi điện, nước, dịch vụ viễn thông theo văn bản ủy quyền của đơn vị sử dụng ngân sách với VietinBank; đồng thời, hoàn thiện quy trình để nâng cấp chương trình phục vụ triển khai mở rộng thanh toán tự động theo định kỳ cho các nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ (điện, nước, viễn thông...).

Trong năm 2023, Kho bạc Nhà nước đã thực hiện khảo sát, đánh giá 2 đợt về mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của hệ thống Kho bạc Nhà nước. Cụ thể, đợt 1/2023, kết quả mức độ hài lòng đạt 95%, tăng 0,5% so với năm 2022 (94,5%). Đợt 2/2023, kết quả mức độ hài lòng đạt 95,85%, tăng 1,35% so với năm 2022 (94,5%).

Cùng với đó, Kho bạc Nhà nước đã được Bộ Tài chính đánh giá xếp thứ 2 trong số các đơn vị thuộc khối Tổng cục thực hiện tốt cải cách hành chính trong năm 2022.

Nguồn: bnews.vn/ttxvn

CHUYỂN ĐỔI KÉP ĐẢM BẢO CHO MỘT QUỐC GIA PHÁT TRIỂN NHANH VÀ BỀN VỮNG

Chuyển đổi số, chuyển đổi xanh là hai quá trình song hành, nhưng có quan hệ mật thiết, hữu cơ và không thể tách rời nhau. Đồng thời, hai chuyển đổi này sẽ đảm bảo cho một quốc gia phát triển nhanh và bền vững.

Ngày 12/11/2024, Báo Đầu tư đã tổ chức Hội thảo thường niên về Phát triển bền vững với chủ đề “Tiên phong Chuyển đổi kép vì một Việt Nam xanh hơn”. Chia sẻ tại Hội thảo, Vụ

trưởng Vụ Khoa học, giáo dục, tài nguyên và môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư Lê Việt Anh cho biết, chủ đề của Hội thảo là rất thời sự, được thảo luận rất nhiều trong thời gian gần đây. Có thể nói, chuyển đổi xanh và chuyển đổi số là những yêu cầu bức thiết trong bối cảnh hiện nay, khi nền kinh tế và xã hội đang đối mặt với nhiều thách thức về môi trường và sự phát triển bền vững.

Trong những năm gần đây, chuyển đổi xanh đã trở thành mục tiêu hướng tới của nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Để triển khai mục tiêu này, Việt Nam hiện đang thực hiện nhiều chiến lược quan trọng như Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050. Vấn đề chuyển đổi xanh đã được tích cực lồng ghép và thúc đẩy triển khai thông qua các Chiến lược, Quy hoạch, Kế hoạch, Chương trình, Đề án của quốc gia, ngành/lĩnh vực và địa phương; và bước đầu đã đạt được một số kết quả nhất định.

Mặc dù đi sau chuyển đổi xanh, nhưng trong mấy năm trở lại đây, đặc biệt dưới tác động của đại dịch COVID-19, chuyển đổi số đang trở thành xu hướng chính trong quá trình phát triển của các quốc gia trên thế giới.

Nhận thức được chuyển đổi số là quá trình phát triển tất yếu trên toàn cầu và Việt Nam cũng không thể nằm ngoài lộ trình ấy, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã đặt ra yêu cầu thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, xã hội số để tạo bứt phá về nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế. Theo đó, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã chỉ rõ mục tiêu phấn đấu đến năm 2030 hoàn thành xây dựng chính phủ số, kinh tế số đạt khoảng 30% GDP và đứng trong nhóm 50 quốc gia hàng đầu thế giới và xếp thứ 3 trong khu vực ASEAN về chính phủ điện tử và kinh tế số.

“Thực tiễn thời gian qua tại Việt Nam cho thấy, chuyển đổi số góp phần tạo chuyển biến mạnh mẽ trong hoạt động của cả khu vực nhà nước và khu vực tư nhân. Chẳng hạn, trong lĩnh vực cải cách hành chính, sau khi trực liên thông văn bản quốc gia và Cổng dịch vụ công quốc gia đi vào vận hành đã góp phần tiết kiệm hàng nghìn tỷ đồng và hàng chục triệu giờ công lao động. Các hoạt động xúc tiến thương mại trực tuyến đã giúp doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam tiết kiệm chi phí xúc tiến thương mại mà vẫn duy trì và phát triển tốt quan hệ với đối tác nước ngoài ở khắp các thị trường.

Theo tính toán của Bộ Thông tin và Truyền thông, năm 2020, kinh tế số của Việt Nam đóng góp 12% GDP, nhưng đến năm 2023, kinh tế số đã đóng góp 16,5% GDP và với tốc độ tăng trưởng trên 20% một năm”, ông Việt Anh cho biết.

Báo cáo của Ngân hàng Thế giới năm 2023 về xu hướng Chuyển đổi kép chỉ ra sự liên hệ giữa công nghệ số và công nghệ xanh. Trong đó, dựa trên những nghiên cứu, đánh giá sử dụng dữ liệu bằng sáng chế, 16 công nghệ xanh và 11 công nghệ số được lựa chọn là nền tảng cho chuyển đổi kép.

Cũng theo báo cáo này, trong giai đoạn 2017 - 2021, Việt Nam nắm giữ 15% trong tổng số 493 bằng sáng chế xanh tại các thị trường mới nổi, xếp sau Malaysia (51%) và Thái Lan

(20%). Hầu hết các bằng sáng chế về công nghệ chuyển đổi xanh của Việt Nam liên quan đến các lĩnh vực như năng lượng gió, quản lý chất thải, giảm ô nhiễm không khí và nguồn nước, công trình xanh. Trong khi đó, xét về các công nghệ chuyển đổi số, Việt Nam chỉ chiếm 8% trong tổng số 537 bằng sáng chế của các nền kinh tế đang phát triển, xếp sau Malaysia (58%), Philippines (16%) và Thái Lan (11%).

Phân tích từ Báo cáo của Ngân hàng Thế giới cho thấy, chuyển đổi số chính là động lực quan trọng để thúc đẩy sự thành công chuyển đổi xanh và xu hướng Chuyển đổi kép - chuyển đổi số song hành cùng chuyển đổi xanh - là xu hướng tất yếu mà cộng đồng doanh nghiệp ở Việt Nam cũng cần nắm bắt để tận dụng các cơ hội kinh doanh mới cũng như mang lại lợi ích bền vững cho xã hội và môi trường.

“Với quyết tâm và cam kết chính trị cao, Việt Nam phấn đấu thực hiện thành công các mục tiêu phát triển bền vững vào năm 2030 và Net Zero vào năm 2050 nhằm hướng tới cuộc sống an toàn và tốt đẹp hơn cho hôm nay và mai sau, không chỉ của người dân Việt Nam mà còn vì lợi ích chung của toàn nhân loại”, ông Việt Anh nhấn mạnh.

Nguồn: tinnhanhchungkhoan.vn

BỘ NỘI VỤ: ĐỀ XUẤT MỨC HỖ TRỢ ĐỐI VỚI NGƯỜI LÀM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ, AN TOÀN, AN NINH MẠNG

Bộ Nội vụ đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân trên Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ về hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định quy định về mức hỗ trợ đối với người làm công tác chuyên trách về chuyển đổi số, an toàn, an ninh mạng.

Bộ Nội vụ cho biết, đội ngũ chuyên trách về công nghệ thông tin thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số, an toàn, an ninh mạng có vai trò hết sức quan trọng trong việc triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị để thực hiện mục tiêu chuyển đổi số quốc gia, Chính phủ điện tử. Để có thể tận dụng tối đa và phát huy hiệu quả của công nghệ trong quá trình chuyển đổi số, việc tiếp nhận, đào tạo, duy trì và phát triển đội ngũ nguồn nhân lực là hết sức cần thiết. Do đó, bên cạnh việc xây dựng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ, hiện đại; môi trường làm việc có chất lượng thì một yêu cầu cấp thiết đặt ra hiện nay là phải có chế độ, chính sách hợp lý đối với đội ngũ làm công tác chuyển đổi số, an toàn, an ninh mạng trong các cơ quan nhà nước để có thể giữ chân và tạo điều kiện để cán bộ, công chức, viên chức yên tâm công tác.

Tuy nhiên, trên thực tế, ngoài các chế độ, chính sách chung như đối với người làm công nghệ thông tin, người làm công tác chuyển đổi số, an toàn, an ninh mạng chưa có chính sách hỗ trợ riêng mặc dù đặc thù công việc đòi hỏi kiến thức, kỹ năng chuyên sâu và kinh nghiệm về công nghệ thông tin. Có rất ít các cơ quan, địa phương đã ban hành chính sách hỗ trợ (chính sách hỗ trợ hằng tháng hoặc thu hút 01 lần, đào tạo) cho đội ngũ làm công nghệ thông

tin như: Bộ Khoa học Công nghệ, Bộ Xây dựng, tỉnh Đồng Tháp, tỉnh Phú Yên, tỉnh Lạng Sơn, tỉnh Nghệ An... Tuy nhiên, nhìn chung, chế độ chính sách chưa đủ sức thu hút người có trình độ công nghệ thông tin.

Từ thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số hiện nay cho thấy vấn đề cần thiết đặt ra là phải xây dựng, tăng cường nguồn nhân lực có trình độ công nghệ thông tin. Căn cứ các văn bản chỉ đạo của Đảng, quy định của pháp luật và chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, việc xây dựng, ban hành chính sách cho đội ngũ làm công tác chuyên trách chuyển đổi số, an toàn, an ninh mạng hiện nay là cần thiết. Tuy nhiên, do hiện nay đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và những người đang công tác trong lực lượng vũ trang thực hiện nhiệm vụ quản trị hệ thống dữ liệu chuyển đổi số đều bổ trí kiêm nhiệm (chưa có mã số và chức danh riêng) nên việc quy định chế độ phụ cấp (gắn với tiền lương hiện hưởng) cho các đối tượng này là rất phức tạp. Vấn đề này sẽ được nghiên cứu xem xét khi cải cách chính sách tiền lương (theo hướng có quy định chức danh và mã số riêng cho các đối tượng này). Trong thời gian chưa thực hiện cải cách chính sách tiền lương theo Nghị quyết số 27- NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị Trung ương 7 khóa XII thì việc quy định chế độ hỗ trợ đối với các đối tượng này là khả thi và phù hợp.

Theo đó, Bộ Nội vụ đề xuất xây dựng Nghị định quy định về mức hỗ trợ đối với người làm công tác chuyên trách về chuyển đổi số, an toàn, an ninh mạng.

Nghị định này áp dụng đối với các đối tượng sau:

Một là, người làm công tác chuyên trách về chuyển đổi số, an toàn mạng, gồm: Cán bộ, công chức, viên chức đảm nhiệm vị trí việc làm chuyên trách về công nghệ thông tin (bao gồm: công nghiệp công nghệ thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số); an toàn thông tin mạng hoặc an toàn thông tin; giao dịch điện tử theo quy định về vị trí việc làm chuyên môn dùng chung và vị trí việc làm chuyên ngành của cơ quan có thẩm quyền.

Hai là, người làm công tác chuyên trách về chuyển đổi số, an toàn, an ninh mạng, gồm: Sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật thuộc Công an nhân dân; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, viên chức quốc phòng thuộc Quân đội nhân dân; người làm công tác cơ yếu thuộc Quân đội nhân dân hưởng lương từ ngân sách nhà nước, đang phục vụ tại ngũ theo vị trí việc làm.

Ba là, các đối tượng quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 2 Nghị định này gọi chung là người làm công tác chuyên trách.

Mức hỗ trợ Người làm công tác chuyên trách theo vị trí việc làm được hưởng mức hỗ trợ là 5.000.000 (năm triệu đồng)/tháng.

Bộ Nội vụ sẽ phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất phương án phù hợp với điều kiện ngân sách nhà nước.

Đồng thời, dự thảo Nghị định quy định thời gian không được tính hưởng chế độ hỗ trợ, gồm: (i) Thời gian nghỉ việc không hưởng lương liên tục từ 1 (một) tháng trở lên. (2) Thời gian nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội. (3) Thời gian bị tạm giữ, tạm giam, tạm đình chỉ công tác hoặc đình chỉ công tác từ 1 (một) tháng

trở lên. (4) Thời gian được cơ quan có thẩm quyền điều động đi công tác, học tập, làm việc mà không trực tiếp làm công tác chuyên đổi số, an toàn, an ninh mạng liên tục từ 1 (một) tháng trở lên.

Anh Cao - Trung tâm Thông tin

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI: ĐỀ XUẤT VỀ CƠ SỞ DỮ LIỆU GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ vào dự thảo Thông tư quy định về cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cho biết, việc xây dựng cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

Bên cạnh đó, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; đẩy mạnh thực hiện việc kết nối, tích hợp, chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, hệ thống định danh và xác thực điện tử.

Theo dự thảo, Danh mục cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng, quản lý thống nhất trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp bao gồm: 1. Cơ sở dữ liệu chung của cơ sở giáo dục nghề nghiệp. 2. Cơ sở dữ liệu về cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp. 3. Cơ sở dữ liệu về người học trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp. 4. Cơ sở dữ liệu kỹ năng nghề quốc gia.

Trong đó, nội dung của cơ sở dữ liệu kỹ năng quốc gia nghề gồm: 1. Thông tin về tổ chức đánh giá kỹ năng nghề quốc gia gồm: Thông tin chung, tên, địa chỉ loại hình giáo dục/doanh nghiệp, các thông tin về trụ sở chính, các trụ sở khác (nếu có), danh sách nghề được tổ chức đánh giá kỹ năng nghề quốc gia, lịch trình đánh giá kỹ năng nghề quốc gia hằng năm và các thông tin khác theo quy định của pháp luật. 2. Thông tin về đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia: Họ và tên, ngày tháng năm sinh, căn cước/căn cước công dân (số, ngày cấp, nơi cấp), nghề được cấp thẻ đánh giá viên, bậc trình độ kỹ năng nghề được đánh giá, ngày tháng năm được cấp thẻ đánh giá viên, cơ quan cấp thẻ đánh giá viên, người ký thẻ đánh giá viên; trình độ chuyên môn, trình độ kỹ năng nghề, đơn vị công tác và các thông tin khác theo quy định của pháp luật. 3. Thông tin về người được cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia: Họ và tên, ngày tháng năm sinh, căn cước/căn cước công dân (số, ngày cấp, nơi cấp), số chứng chỉ, nghề, bậc trình độ, ngày tháng năm cấp, cơ quan cấp, người ký chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, tên trung tâm tham dự đánh giá kỹ năng nghề và các thông tin khác theo quy định của pháp luật.

Tài khoản trên cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp

Theo dự thảo, tài khoản trên cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp) cấp cho tổ chức, cá nhân dùng để quản trị, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp.

Tài khoản quản trị cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp) quản lý.

Về tài khoản cập nhật, khai thác sử dụng dữ liệu, dự thảo nêu rõ, tài khoản cấp cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp để đăng nhập cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp và thực hiện việc cập nhật dữ liệu; khai thác, theo dõi, sử dụng dữ liệu.

Tài khoản cấp cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để đăng nhập cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp và thực hiện việc sử dụng, theo dõi, rà soát, kiểm tra tính chính xác của các thông tin liên quan đến cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại địa bàn trên cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp.

Dự thảo nêu rõ, người đứng đầu cơ quan, tổ chức và cá nhân được giao tài khoản chịu trách nhiệm bảo mật tài khoản, bảo mật dữ liệu và quản lý, sử dụng tài khoản theo đúng mục đích, chức năng quy định.

Khai thác, sử dụng thông tin trên cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp

Theo dự thảo, các nội dung trong cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp được sử dụng thống nhất trên toàn quốc, có giá trị pháp lý trong quản lý giáo dục nghề nghiệp.

Hình thức khai thác sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp được thực hiện thông qua tài khoản được cấp, qua trực kết nối trao đổi dữ liệu hoặc văn bản.

Việc sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp phải tuân thủ các quy định của pháp luật về sở hữu dữ liệu và bảo vệ an toàn thông tin cá nhân.

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân ngoài lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp có nhu cầu sử dụng thông tin từ cơ sở dữ liệu giáo dục nghề nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin.

Đối với thông tin liên quan các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, việc báo cáo, khai thác, sử dụng thông tin cần đảm bảo quy định về bảo mật thông tin an ninh, quốc phòng theo quy định của pháp luật.

Nguồn: baohinhphu.vn

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN: ĐỀ XUẤT BÃI BỎ MỘT SỐ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT DO BỘ TRƯỞNG BAN HÀNH

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Thông tư bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng ban hành, liên tịch ban hành trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ.

Đề xuất bãi bỏ toàn bộ 11 thông tư, thông tư liên tịch

Theo đó, tại dự thảo Thông tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất bãi bỏ toàn bộ 11 thông tư, thông tư liên tịch sau đây:

1. Thông tư số 11/2006/TT-BNN ngày 14/02/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ di dân, ổn định dân cư các xã biên giới Việt -Trung theo Quyết định số 60/2005/QĐ-TTg ngày 24/3/2005 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Thông tư số 75/2009/TT-BNNPTNT ngày 02/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm trong sản xuất nông sản.

3. Thông tư số 86/2009/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn xây dựng đề án khuyến nông, khuyến ngư thuộc Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo.

4. Thông tư số 23/2010/TT-BNNPTNT ngày 04/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

5. Thông tư số 37/2010/TT-BNNPTNT ngày 25/6/2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chỉ tiêu vệ sinh an toàn thực phẩm nông sản.

6. Thông tư số 43/2013/TT-BNNPTNT ngày 22/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện quản lý nhiệm vụ khoa học công nghệ, quản lý tài chính của nhiệm vụ khoa học công nghệ và công tác tổ chức cán bộ của tổ chức khoa học công nghệ công lập trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

7. Thông tư số 29/2014/TT-BNNPTNT ngày 05/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung Điều 7 Thông tư số 23/2010/TT-BNNPTNT ngày 07/4/2010 về công nhận tiến bộ kỹ thuật công nghệ sinh học của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

8. Thông tư liên tịch số 66/2012/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHHCN ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thực hiện một số điều Quyết định số 846/QĐ-TTg ngày

02/06/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện thí điểm đặt hàng một số sản phẩm khoa học và công nghệ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

9. Thông tư liên tịch số 93/2016/TTLT-BTC-BNNPTNT ngày 27/6/2016 của liên Bộ trưởng Bộ Tài chính - Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2020.

10. Quyết định số 59/2002/QĐ-BNN ngày 03/7/2002 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định mức nước thiết kế cho các tuyến đê thuộc hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình.

11. Quyết định số 83/2007/QĐ-BNN ngày 04/10/2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về nhiệm vụ công chức Kiểm lâm địa bàn cấp xã.

Bên cạnh đó, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cũng đề xuất bãi bỏ một phần một số văn bản quy phạm pháp luật sau đây:

1. Bãi bỏ một số nội dung quy định tại Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc bảo vệ thực vật:

a) Bãi bỏ Điều 51, Điều 52, Điều 53, Điều 54, Điều 55, Điều 58, Điều 59; Khoản 7 Điều 80; khoản 2 Điều 82;

b) Bãi bỏ Phụ lục XXIX, Phụ lục XXX; Phụ lục XXXI; Phụ lục XXXII; Phụ lục XXXIII ban hành kèm theo Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc bảo vệ thực vật.

2. Bãi bỏ khoản 17 Điều 1 Thông tư số 16/2014/TT-BNNPTNT ngày 05/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Kiểm dịch và Bảo vệ thực vật.

Anh Cao - Trung tâm Thông tin

BỘ CÔNG THƯƠNG: ĐỀ XUẤT THỜI HẠN LƯU TRỮ HỒ SƠ, TÀI LIỆU NGÀNH CÔNG THƯƠNG

Bộ Công Thương đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Thông tư quy định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu ngành Công Thương.

Theo đó, Bộ Công Thương cho biết, nhằm thực hiện nhiệm vụ được giao tại Luật Lưu trữ và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, việc xây dựng và ban hành Thông tư quy định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu ngành Công Thương là cần thiết và có ý nghĩa quan trọng trong việc hoàn thiện quy định về thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

Việc xây dựng và ban hành Thông tư quy định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu ngành Công Thương nhằm hoàn thiện quy định pháp luật, nâng cao hiệu quả trong việc quản lý, lưu trữ hồ sơ, tài liệu cũng như làm cơ sở xác định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu ngành Công Thương.

Dự thảo Thông tư nêu rõ, thời hạn lưu trữ hồ sơ thẩm định xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; hồ sơ xây dựng, ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định về hoạt động công nghiệp và xuất nhập khẩu; hồ sơ phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch; kế hoạch quy hoạch phát triển đề án, dự án các lĩnh vực ngành Công Thương... là vĩnh viễn.

Lưu trữ vĩnh viễn đối với hồ sơ đàm phán để ký kết các văn kiện trong lĩnh vực điện, than, dầu khí, năng lượng mới, năng lượng tái tạo và năng lượng khác; hồ sơ quản lý hoạt động trung tâm Điều độ hệ thống điện quốc gia (AO); hồ sơ phê duyệt nội dung hợp đồng dầu khí và cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; hồ sơ phê duyệt điều chỉnh nội dung hợp đồng dầu khí và cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh...

Thời hạn lưu trữ đối với hồ sơ tổ chức thực hiện vận hành thị trường điện lực cạnh tranh và tổ chức thực hiện; hồ sơ chỉ đạo xây dựng kế hoạch cung cấp điện, kiểm tra và giám sát tình hình cung cấp điện; hồ sơ vận hành hệ thống điện đảm bảo cân bằng cung cầu điện; hồ sơ hướng dẫn điều kiện, trình tự ngừng cấp điện, cắt điện hoặc giảm mức tiêu thụ điện... là 20 năm.

Hồ sơ chỉ định, chỉ định lại cơ quan kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu; hồ sơ kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu; hồ sơ chỉ định, chỉ định lại, chỉ định bổ sung chỉ tiêu đối với cơ sở kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm... thời hạn lưu trữ là 10 năm.

Bên cạnh đó, dự thảo cũng nêu rõ, việc áp dụng các quy định về thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu được thực hiện như sau:

Thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu dùng để xác định thời hạn lưu trữ cho các hồ sơ, tài liệu ngành Công Thương.

Mức xác định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu không được thấp hơn mức thời hạn lưu trữ được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Đối với hồ sơ, tài liệu hình thành trong hoạt động của cơ quan, tổ chức chưa được quy định tại Thông tư này, cơ quan, tổ chức áp dụng thời hạn lưu trữ tương đương với nhóm hồ sơ, tài liệu tương ứng có trong Thông tư này và các quy định của pháp luật khác có liên quan để xác định.

Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

BỘ Y TẾ: ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ, CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN TỈNH

Bộ Y tế đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Thông tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Y học cổ truyền cấp chuyên sâu và cấp cơ bản thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Theo đó, Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh là đơn vị sự nghiệp y tế, trực thuộc Sở Y tế tỉnh; cấp chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh bằng y, dược cổ truyền cao nhất của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh có tư cách pháp nhân, có trụ sở làm việc tại địa bàn tỉnh, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh thực hiện khám bệnh, chữa bệnh đa khoa và phục hồi chức năng; khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền; kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại; nghiên cứu khoa học, bảo tồn và phát triển y, dược cổ truyền; đào tạo, chỉ đạo tuyến về chuyên môn kỹ thuật và là cơ sở thực hành về y, dược cổ truyền của các cơ sở đào tạo thuộc khối ngành sức khỏe và các đơn vị có nhu cầu.

Cụ thể, về khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng, Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh tổ chức cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh với các hình thức điều trị ngoại trú, điều trị nội trú, điều trị ban ngày bằng các phương pháp, kỹ thuật chuyên môn của y học hiện đại và các phương pháp, kỹ thuật chuyên môn y học cổ truyền; kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại; chăm sóc, truyền thông, tư vấn, giáo dục sức khỏe theo quy định. Chú trọng sử dụng thuốc nam, châm cứu, xoa bóp, bấm huyệt và các phương pháp điều trị khác theo đúng quy chế chuyên môn; tổ chức khám và cấp Giấy khám sức khỏe theo quy định tại Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

Trong nghiên cứu khoa học, bảo tồn và phát triển y, dược cổ truyền, Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh có nhiệm vụ: Triển khai nghiên cứu khoa học, nghiên cứu kế thừa, nghiên cứu ứng dụng và kết hợp Y học cổ truyền với Y học hiện đại; phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức nghiệm thu, đánh giá tính an toàn và hiệu quả của các đề tài nghiên cứu khoa học về y, dược cổ truyền trong tỉnh; phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu cho Giám đốc Sở Y tế xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch bảo tồn, phát triển y, dược cổ truyền trên địa bàn; chuyển giao các kết quả nghiên cứu khoa học, bảo tồn, kế thừa, ứng dụng theo quy định của pháp luật.

Trong công tác dược, Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, lập dự trù hàng năm về dược liệu, vị thuốc cổ truyền, thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu, thuốc hóa dược nhằm cung ứng đủ thuốc phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền; kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại trình Giám đốc bệnh viện. Đồng thời, tổ chức chế biến, bào chế vị thuốc cổ truyền, thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu đáp ứng nhu cầu của người

bệnh và Nhân dân trên địa bàn đáp ứng điều kiện theo quy định; tổ chức sắc thuốc thang cấp cho người bệnh điều trị ngoại trú, điều trị ban ngày, điều trị nội trú...

Cơ cấu tổ chức

Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh có Giám đốc và các Phó giám đốc; Giám đốc chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Y tế và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của bệnh viện; Phó Giám đốc được Giám đốc phân công phụ trách từng lĩnh vực công tác và chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về những lĩnh vực được phân công.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức chức danh Giám đốc, các Phó Giám đốc thực hiện theo phân cấp quản lý cán bộ của tỉnh và theo quy định của pháp luật.

Phòng chức năng, Bộ phận chuyên môn

Một là, đối với bệnh viện có quy mô từ 100 giường bệnh đến dưới 150 giường bệnh sẽ có 20 phòng chức năng, bộ phận chuyên môn sau: Phòng Tổ chức cán bộ; Phòng Kế hoạch tổng hợp - Công nghệ thông tin; Phòng Hành chính Quản trị; Phòng Vật tư thiết bị y tế; Phòng Tài chính - Kế toán; Phòng Đào tạo, Nghiên cứu khoa học, Chỉ đạo tuyến; Phòng Điều dưỡng; Khoa Khám bệnh đa khoa hoặc Khoa Khám bệnh; Khoa Hồi sức cấp cứu hoặc Hồi sức tích cực - Chống độc; Khoa Nội tổng hợp hoặc Khoa Nội - Lão khoa; Khoa Nhi; Khoa Ngũ quan; Khoa Ngoại tổng hợp; Khoa Phụ; Khoa Châm cứu - Dưỡng sinh; Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng hoặc Khoa Phục hồi chức năng; Khoa Cận lâm sàng; Bộ phận Kiểm soát nhiễm khuẩn; Khoa Dược; Khoa Dinh dưỡng.

Hai là, đối với bệnh viện có quy mô từ 150 giường bệnh đến dưới 300 giường bệnh: Bao gồm các khoa, phòng nêu tại mục 1 và các khoa, phòng sau: Phòng Kế hoạch tổng hợp; Phòng Công nghệ thông tin; Phòng Quản lý chất lượng hoặc Bộ phận Quản lý chất lượng; Phòng Công tác xã hội hoặc Bộ phận Công tác xã hội; Khoa Hồi sức cấp cứu hoặc Hồi sức tích cực - Chống độc; Khoa Lão; Khoa Xét nghiệm; Khoa Chẩn đoán hình ảnh - Thăm dò chức năng; Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn; Khoa Dược hoặc Trung tâm bào chế, chế biến thuốc cổ truyền.

Ba là, đối với bệnh viện có quy mô từ 300 giường bệnh đến dưới 500 giường bệnh: Bao gồm các khoa, phòng quy định tại mục 2 và các khoa, phòng sau: Phòng Quản lý chất lượng; Phòng Công tác xã hội; Khoa Da liễu; Khoa Ung bướu.

Bốn là, đối với bệnh viện có quy mô từ 500 giường bệnh đến dưới 1.000 giường bệnh: Bao gồm các khoa, phòng quy định tại mục 3 và các khoa, phòng sau: Khoa Hồi sức tích cực - Chống độc; Khoa Hồi sức cấp cứu; Khoa Nội; Khoa Nội Tim mạch; Khoa Nội Tiêu hóa; Khoa Nội Cơ - xương - khớp; Khoa Nội Thận - tiết niệu; Khoa Nội tiết; Khoa Thần kinh; Khoa Tâm lý lâm sàng; Khoa Dược hoặc Khoa Dược lâm sàng; Trung tâm bào chế thuốc.

Năm là, đối với bệnh viện có quy mô từ trên 1.000 giường bệnh: Bao gồm các khoa, phòng quy định tại mục 4 và Trung tâm thử nghiệm lâm sàng.

Dự thảo nêu rõ: Nhân lực của Bệnh viện thực hiện theo hướng dẫn vị trí việc làm, định mức số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự

nghiệp y tế công lập quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BYT ngày 17/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

Nguồn: baohinhphu.vn

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ: ĐỀ XUẤT HƯỚNG DẪN VỀ GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP TRONG LĨNH VỰC KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ vào dự thảo Thông tư hướng dẫn một số nội dung về giám định tư pháp trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.

Dự thảo Thông tư này quy định về tiêu chuẩn, hồ sơ, trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp và việc cấp, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp; lập, công bố và đăng tải danh sách giám định viên tư pháp theo vụ việc, người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc; quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên môn, quy trình thực hiện giám định tư pháp trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư; tiếp nhận trung cầu giám định tư pháp; hồ sơ, kết luận giám định tư pháp; thủ tục cử người tham gia giám định tư pháp và các nội dung khác liên quan đến giám định tư pháp trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 89/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Theo dự thảo, công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam được lựa chọn, xem xét bổ nhiệm giám định viên tư pháp trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư phải có đủ các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1 Điều 7 và không thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 7 Luật Giám định tư pháp, bao gồm: 1. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt; 2. Có trình độ đại học trở lên do cơ sở giáo dục của Việt Nam đào tạo theo quy định của pháp luật hoặc do cơ sở giáo dục của nước ngoài đào tạo và được công nhận để sử dụng tại Việt Nam; 3. Có thời gian hoạt động chuyên môn ở lĩnh vực được đào tạo từ đủ 05 năm trở lên tính từ ngày bổ nhiệm ngạch công chức, viên chức trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư, phù hợp với lĩnh vực giám định tư pháp.

Hồ sơ bổ nhiệm giám định viên tư pháp theo quy định tại Điều 8 Luật Giám định tư pháp và 02 ảnh chân dung cỡ 2cm x 3cm của người được đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp theo quy định tại Thông tư số 11/2020/TT-BTP quy định về mẫu thẻ, trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại thẻ giám định viên tư pháp.

Trình tự, thủ tục bổ nhiệm giám định viên tư pháp tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư như sau:

Vụ Pháp chế gửi văn bản đề nghị cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư lựa chọn người có đủ tiêu chuẩn quy định;

Người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư lựa chọn người có đủ tiêu chuẩn quy định, lập 01 bộ hồ sơ đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp theo quy định gửi Vụ Tổ chức cán bộ;

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định và đáp ứng tiêu chuẩn quy định, Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì, phối hợp với Vụ Pháp chế xem xét hồ sơ và trình Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quyết định bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp. Trường hợp từ chối không bổ nhiệm, Vụ Tổ chức cán bộ trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do cho cơ quan, đơn vị đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp;

Trên cơ sở quyết định bổ nhiệm giám định viên tư pháp, Vụ Tổ chức cán bộ lập danh sách giám định viên tư pháp và gửi Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đồng thời gửi Bộ Tư pháp để tổng hợp vào danh sách chung theo quy định.

Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH: ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH MỚI VỀ CÔNG TÁC GIA ĐÌNH

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 02/2013/NĐ-CP quy định về Công tác gia đình.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cho biết, sau hơn 10 năm triển khai Nghị định số 02/2013/NĐ-CP ngày 03/01/2013 về công tác gia đình đã đạt được những thành tựu đáng kể, công tác xây dựng chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý về gia đình; việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác gia đình các cấp; Tuyên truyền, vận động, phổ biến kiến thức về công tác gia đình,... được quan tâm thực hiện hiệu quả.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc triển khai thực hiện công tác gia đình theo quy định tại Nghị định số 02/2013/NĐ-CP cũng đã bộc lộ những bất cập đó là: Nghị định số 02/2013/NĐ-CP đến nay không còn phù hợp, nhiều nội dung như: Một số nội dung quy định trong Nghị định thiếu đồng bộ, thống nhất với nội dung trong văn bản làm căn cứ ban hành hoặc một số nội dung không còn phù hợp với chủ trương, chính sách pháp luật liên quan đến công tác gia đình trong tình hình mới. Cụ thể, về nội dung công tác gia đình tại Khoản 1 Điều 6 là "thực hiện kế hoạch hóa gia đình" không còn phù hợp với chủ trương của Đảng trong công tác dân số hiện nay theo tinh thần của Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII; Về tổ chức, cơ quan cung ứng dịch vụ công thuộc lĩnh vực gia đình quy định tại Điều 7 của Nghị định không còn phù hợp với quy định tại Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28/6/2012 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập, Luật doanh nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan...).

Bên cạnh những bất cập về nội dung trong Nghị định thì vẫn còn những khoảng trống chưa được quy định khiến cho việc tổ chức thực hiện gặp nhiều khó khăn. Cụ thể: (1) Nghị định

chưa quy định về cơ chế phối hợp giữa các cơ quan có liên quan trong thực hiện Công tác gia đình, chưa thống nhất công tác chỉ đạo, điều hành từ trung ương, đến địa phương. (2) Gia đình là một trong 4 lĩnh vực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nhưng hiện nay, tại các tỉnh thành phố trực thuộc trung ương, Công tác gia đình được ghép với một bộ phận của lĩnh vực văn hóa. (3) Giá trị của gia đình được xác định là một trong 4 giá trị quan trọng cần được ưu tiên để xây dựng trong tình hình mới. Vì vậy, cần phải bổ sung quy định này vào nhiệm vụ của Công tác gia đình để có cơ sở tổ chức thực hiện. (4) Đảng và Nhà nước đang đẩy mạnh việc chuyển đổi số, môi trường gia đình là nền tảng, là trường học ban đầu trong giáo dục nguồn nhân lực cho đất nước. Nghị định tuy quy định về xây dựng cơ sở dữ liệu nhưng chưa quy định cụ thể và đặc biệt chưa định hướng trong việc ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai Công tác gia đình, thực hiện số hóa trong quản lý nhà nước về gia đình. (5) Công tác gia đình chủ yếu triển khai ở cộng đồng, tuy nhiên, nguồn nhân lực hiện nay chưa đáp ứng. Việc phối hợp cùng xây dựng mạng lưới cộng tác viên ở cộng đồng là giải pháp thúc đẩy Công tác gia đình. Luật Phòng, chống bạo lực gia đình khuyến khích sử dụng đội ngũ cộng tác viên dân số tham gia công tác gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình. Bên cạnh đó, căn cứ pháp lý để ban hành Nghị định số 02/2013/NĐ-CP đến nay hầu hết đã hết hiệu lực thi hành cần được thay thế bằng văn bản mới. Vì vậy, việc cụ thể hóa quy định này không chỉ là để triển khai Luật mà còn là giải pháp để nâng cao hiệu quả của Công tác gia đình.

Việc tổ chức thực hiện các quy định của Nghị định số 02/2013/NĐ-CP chưa được đồng bộ, thống nhất tại các Bộ, ngành, địa phương, cụ thể: Tại một số địa phương, Ban Chỉ đạo công tác gia đình chưa phát huy hiệu quả, việc chỉ đạo, lãnh đạo chưa quyết liệt và việc phối hợp giữa các thành viên Ban Chỉ đạo và các cấp, các ngành còn nặng về hình thức, chưa thiết thực. Một số địa phương đã sáp nhập Ban Chỉ đạo công tác gia đình vào Ban chỉ đạo Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa. Tuy nhiên, sau khi sáp nhập thì hoạt động liên quan đến gia đình vẫn không có khởi sắc, thậm chí còn mờ nhạt hơn. Bản chất của vấn đề trên là do một số địa phương cấp ủy đảng, chính quyền, cơ quan, ban, ngành, đoàn thể chưa thực sự quan tâm đến Công tác gia đình do chưa xác định được tầm quan trọng của lĩnh vực này đối với phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, trật tự của địa phương. Nguồn lực đầu tư cho công tác gia đình còn hạn chế, năng lực đội ngũ cán bộ thực hiện công tác gia đình chưa cao; chưa có chế độ bồi dưỡng cho mạng lưới cộng tác viên, tình nguyện viên tại cộng đồng.

Các mô hình về xây dựng gia đình đã được nhiều cơ quan, tổ chức xây dựng, thí điểm và triển khai thực hiện nhằm hỗ trợ gia đình phát triển bền vững và thực hiện phòng, chống bạo lực gia đình. Tuy nhiên, việc thực hiện chưa có sự chuẩn hóa dẫn đến chông chéo và tính bền vững chưa cao. Cụ thể, mô hình "Xây dựng gia đình thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa" được thí điểm tại 08 tỉnh, thành phố nhưng khi đề án hỗ trợ của trung ương kết thúc cũng không phát huy được hiệu quả; các mô hình về phòng, chống bạo lực gia đình giảm cơ bản hoạt động sau khi hết giai đoạn hỗ trợ từ các dự án, chương trình thí điểm; mạng lưới "Địa chỉ tin cậy tại cộng đồng" được báo cáo bao phủ hầu khắp các xã, phường, thị trấn và ngày càng tăng về số lượng nhưng việc hỗ trợ người bị bạo lực gia đình còn hạn chế, chưa tương xứng với quy mô của địa chỉ tin cậy đã được công nhận.

Từ những thực trạng nêu trên, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cho rằng việc ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị định số 02/2013/NĐ-CP ngày 03/01/2013 của Chính phủ về công tác gia đình là hết sức cần thiết. Việc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị định sẽ tạo cơ sở pháp lý đồng bộ, thống nhất cho công tác gia đình; đồng thời khắc phục những hạn chế còn tồn tại trong công tác gia đình thời gian qua.

Theo đó, tại dự thảo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề xuất 2 chính sách, bao gồm:

Chính sách 1: Hoàn thiện nội dung quản lý nhà nước về gia đình, tăng cường cơ chế phối hợp và các điều kiện bảo đảm để thực hiện công tác gia đình.

Chính sách 2: Khuyến khích xã hội hóa và đẩy mạnh phân cấp trong thực hiện Công tác gia đình.

Nguồn: baocinhphu.vn

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO: ĐỀ XUẤT, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA VĂN PHÒNG, CÁC PHÒNG THUỘC TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN

Tòa án nhân dân tối cao đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Thông tư quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng, các phòng thuộc Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; bộ máy giúp việc của Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương, Tòa án nhân dân sơ thẩm chuyên biệt trên Cổng Thông tin điện tử Tòa án nhân dân tối cao.

Theo dự thảo Thông tư, bộ máy giúp việc của Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương, bao gồm: Văn phòng; Phòng Theo dõi thi hành án hình sự.

Phòng Theo dõi thi hành án hình sự được thành lập tại Tòa án nhân dân thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương, thành phố là thủ phủ của tỉnh, có số lượng biên chế từ 50 người trở lên.

Dự thảo nêu rõ, cơ cấu tổ chức của Văn phòng Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương gồm Chánh Văn phòng, 01 Phó Chánh Văn phòng (đối với Văn phòng có từ 05 biên chế trở lên), công chức và người lao động.

Thẩm phán không được kiêm nhiệm làm Chánh Văn phòng.

Văn phòng Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố có nhiệm vụ, quyền hạn:

Giúp Chánh án Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương thực hiện các công tác văn thư, lưu trữ, quản lý con dấu, công tác kế toán - quản trị, bảo vệ; đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc của Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương;

Thực hiện việc tiếp nhận, thụ lý các đơn khởi kiện, thụ lý hồ sơ vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương;

Giúp Chánh án Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương tổ chức công tác xét xử; tổ chức công tác tiếp công dân theo quy định của pháp luật;

Thực hiện công tác thống kê, tổng hợp tình hình hoạt động của Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương; giúp Chánh án Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương xây dựng các báo cáo công tác của Tòa án nhân dân cấp huyện để báo cáo Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Hội đồng nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan hữu quan khác;

Thực hiện công tác theo dõi thi hành án theo quy định của pháp luật (đối với các đơn vị không đủ điều kiện thành lập Phòng Theo dõi thi hành án hình sự);

Giúp Chánh án Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương tổng kết thực tiễn xét xử, đề xuất án lệ;

Thực hiện các công việc khác theo sự phân công của Chánh án Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.

Dự thảo nêu rõ: Cơ cấu tổ chức của Phòng Theo dõi thi hành án hình sự Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương gồm Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng (đối với phòng có từ 05 biên chế), Thư ký Tòa án.

Thẩm phán không được kiêm nhiệm làm Trưởng phòng.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Theo dõi thi hành án hình sự: a) Giúp Chánh án Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương thực hiện công tác thi hành án hình sự theo quy định của pháp luật; b) Phối hợp với cơ quan thi hành án, Viện kiểm sát nhân dân và các cơ quan liên quan rà soát, đối chiếu, tổng hợp và đề xuất hướng giải quyết đối với các bản án, quyết định tuyên không rõ ràng, gây khó khăn cho công tác thi hành án; c) Thực hiện các công việc khác theo sự phân công của Chánh án Tòa án nhân dân cấp huyện.

Nguồn: baochinhphu.vn

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH: TRIỂN KHAI THÍ ĐIỂM CẤP PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP TRÊN ỨNG DỤNG VNeID

Nhằm thực hiện Kế hoạch triển khai thí điểm cấp Phiếu lý lịch tư pháp qua VNeID trên phạm vi toàn quốc của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh đã ban hành kế hoạch về triển khai thực hiện thí điểm cấp Phiếu lý lịch tư pháp trên ứng dụng định danh quốc gia VNeID trên địa bàn thành phố.

Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh cho biết, kế hoạch được ban hành để tổ chức triển khai đầy đủ, nghiêm túc, hiệu quả việc thí điểm cấp Phiếu lý lịch tư pháp qua VNeID trên phạm vi toàn quốc theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, TP. Hồ Chí Minh sẽ hoàn thành quá trình thí điểm để chính thức cấp Phiếu lý lịch tư pháp qua VNeID, tạo điều kiện thuận lợi để người dân lựa chọn phương thức yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp phù hợp.

Bên cạnh phương thức yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính và trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính TP. Hồ Chí Minh, người dân có thể thực hiện thủ tục yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp qua VNeID. Qua đó, góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của công chức, viên chức và người lao động đối với công tác cải cách hành chính, phát huy tối đa những lợi ích mà Đề án 06 mang lại. Đây còn là dịp để tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính trong cấp Phiếu lý lịch tư pháp để tạo thuận lợi cho người dân, tiết kiệm chi phí và thời gian cho người dân và Nhà nước.

Để việc triển khai thực hiện thí điểm cấp Phiếu lý lịch tư pháp trên ứng dụng định danh quốc gia VNeID trên địa bàn thành phố diễn ra thuận lợi và đạt hiệu quả, Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh cũng yêu cầu việc thực hiện cấp Phiếu lý lịch tư pháp qua VNeID phải đảm bảo theo quy định của Luật Lý lịch tư pháp và các văn bản hướng dẫn thi hành; bám sát nhiệm vụ cụ thể theo chỉ đạo Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh để triển khai thí điểm cấp Phiếu lý lịch tư pháp qua VNeID; phối hợp chặt chẽ, thường xuyên, hiệu quả với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc triển khai thí điểm cấp Phiếu lý lịch tư pháp qua VNeID, bảo đảm thời gian, tiến độ của từng nhiệm vụ.

Song song đó, TP. Hồ Chí Minh cần chuẩn bị đầy đủ các nguồn lực để tham gia triển khai thí điểm cấp Phiếu lý lịch tư pháp qua VNeID có hiệu quả; đồng thời, xác định cụ thể nhiệm vụ, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan; bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan, đơn vị; kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai.

Theo kế hoạch, TP. Hồ Chí Minh sẽ tập trung tuyên truyền, phổ biến, quán triệt việc mở rộng thí điểm cấp Phiếu lý lịch tư pháp qua VNeID, gồm: tăng cường công tác tuyên truyền về sự tiện ích của việc cấp phiếu lý lịch tư pháp qua VNeID bằng nhiều hình thức sinh động, phong phú để người dân tích cực tham gia thực hiện; vận động người dân thực hiện cấp Phiếu

lý lịch tư pháp qua VNeID, thực hiện cấp căn cước, đăng ký và kích hoạt tài khoản định danh điện tử để làm cơ sở cho việc triển khai thực hiện cấp Phiếu lý lịch tư pháp qua VNeID.

Ngoài ra, sẽ bố trí trang thiết bị, nhân sự thực hiện cấp Phiếu lý lịch tư pháp qua VNeID; triển khai các giải pháp bảo mật, an ninh an toàn thông tin, không để lộ lọt thông tin của công dân khi thực hiện thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp qua ứng dụng VNeID; kết nối, tích hợp, đồng bộ dữ liệu giữa VNeID với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thành phố và Phần mềm quản lý lý lịch tư pháp dùng chung; cập nhật, bổ sung dữ liệu căn cước can phạm đảm bảo dữ liệu "đúng, đủ, sạch, sống" phục vụ công tác cấp Phiếu lý lịch tư pháp qua VNeID nhằm rút ngắn thời gian xác minh, giải quyết thủ tục hành chính phục vụ tốt nhất cho người dân; cập nhật, bổ sung dữ liệu lý lịch tư pháp phục vụ công tác cấp Phiếu lý lịch tư pháp qua VNeID; tra cứu xác minh thông tin lý lịch tư pháp và tổ chức đánh giá tình hình thực hiện thí điểm cấp Phiếu lý lịch tư pháp qua VNeID; kịp thời báo cáo khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn và đề xuất, kiến nghị giải pháp hoàn thiện.

Theo Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh Dương Ngọc Hải, để kế hoạch trên đạt được hiệu quả cao, Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân quận, huyện, TP. Thủ Đức từng nhiệm vụ cụ thể cũng như công tác phối hợp khi triển khai thực hiện thí điểm cấp Phiếu lý lịch tư pháp trên ứng dụng định danh quốc gia VNeID trên địa bàn thành phố.

Trong đó, Sở Tư pháp được giao nhiệm vụ chủ trì tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao; theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch đã ban hành. Riêng Công an TP. Hồ Chí Minh, cần khẩn trương bố trí nguồn nhân lực hỗ trợ, phối hợp hướng dẫn, xử lý các vấn đề liên quan đến thông tin tài khoản VNeID, cài đặt VNeID cho người dân khi thực hiện giao dịch cấp Phiếu lý lịch tư pháp tại Sở Tư pháp thành phố; chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan cập nhật, bổ sung dữ liệu căn cước can phạm đảm bảo dữ liệu "đúng, đủ, sạch, sống" phục vụ công tác cấp Phiếu lý lịch tư pháp qua VNeID; đồng thời, chỉ đạo các phòng, bộ phận liên quan, Công an TP. Thủ Đức, quận, huyện cung cấp kịp thời, đầy đủ thông tin lý lịch tư pháp cho Sở Tư pháp xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, cấp phiếu lý lịch tư pháp theo quy định.

Nguồn: congan.com.vn

"TRỢ LÝ ẢO" CỦA CÔNG AN TỈNH QUẢNG NINH - BƯỚC ĐỘT PHÁ TRONG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Bộ Công an ban hành quyết định chính thức công nhận sáng kiến "Trợ lý ảo (AI) trên máy tính hỗ trợ thực hiện dịch vụ công trực tuyến các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Căn cước, cư trú trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh" là sáng kiến cải cách hành chính cấp bộ.

Sáng kiến do Công an tỉnh Quảng Ninh phát triển, đánh dấu một bước đột phá quan trọng trong việc ứng dụng công nghệ thông tin vào cải cách hành chính, góp phần nâng cao hiệu

quả và chất lượng dịch vụ công trực tuyến, mang lại trải nghiệm thuận tiện và hiện đại cho người dân.

"Trợ lý ảo" được phát triển dựa trên nền tảng trí tuệ nhân tạo (AI), mang đến giải pháp toàn diện giúp người dân tiếp cận dễ dàng với các dịch vụ công trực tuyến. Với giao diện thân thiện và khả năng xử lý thông tin linh hoạt, "Trợ lý ảo" hỗ trợ người dân thực hiện các thủ tục như tra cứu thông tin, nộp hồ sơ trực tuyến và theo dõi tiến trình xử lý hồ sơ, đảm bảo việc hỗ trợ liên tục, kịp thời, giúp người dân tiết kiệm thời gian và chi phí đi lại.

Sự ra đời của "Trợ lý ảo" không chỉ giúp tối ưu hóa quy trình làm việc tại các cơ quan hành chính mà còn nâng cao tính minh bạch và hiệu quả trong việc phục vụ người dân. Mọi thông tin và thao tác đều được số hóa, giúp giảm thiểu sai sót trong quá trình nhập liệu và tăng cường khả năng giám sát, theo dõi tiến độ xử lý hồ sơ. Điều này không chỉ giúp giảm bớt áp lực công việc cho các cơ quan hành chính mà còn mang lại trải nghiệm thuận tiện và chính xác hơn cho người dân khi thực hiện các thủ tục hành chính.

Hiện, lực lượng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đang thực hiện 110 thủ tục hành chính, trong đó lĩnh vực cư trú là 11 thủ tục, lĩnh vực căn cước là 35 thủ tục. Trong 9 tháng kể từ đầu năm 2024, toàn hệ thống đã tiếp nhận giải quyết 449.465 hồ sơ, trong đó lĩnh vực cư trú là 90.866 hồ sơ, lĩnh vực cấp căn cước là 358.779 hồ sơ.

Theo đánh giá của lãnh đạo Công an tỉnh Quảng Ninh, với số lượng hồ sơ lớn như trên, việc xây dựng, phát triển "Trợ lý ảo" sẽ giúp người dân thuận tiện, dễ dàng thực hiện dịch vụ công, giảm chi phí đi lại, giảm áp lực cho cán bộ tiếp dân. Qua thời gian triển khai thử nghiệm tại 3 điểm tiếp dân, "Trợ lý ảo" đã hỗ trợ được hơn 500 hồ sơ đăng ký cư trú, đặc biệt trong đợt cao điểm 45 ngày đêm triển khai Luật Căn cước do Công an tỉnh Quảng Ninh phát động (từ ngày 01/7/2024), "Trợ lý ảo" đã hỗ trợ thực hiện được hơn 1.500 hồ sơ cấp căn cước.

Tại Hội nghị đánh giá sáng kiến "Trợ lý ảo" của Công an tỉnh Quảng Ninh, Thiếu tướng Trần Nguyên Quân, Phó Cục trưởng Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp - Bộ Công an khẳng định, sáng kiến đã thể hiện sự đầu tư, nghiên cứu nghiêm túc của các đơn vị thuộc Công an tỉnh Quảng Ninh, sự vận dụng sáng tạo khoa học công nghệ nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Việc công nhận sáng kiến không chỉ khẳng định hiệu quả và tính ứng dụng cao của "Trợ lý ảo" mà còn là động lực để các cơ quan, tổ chức tiếp tục đổi mới, sáng tạo trong cải cách hành chính. Sự nỗ lực không ngừng của đội ngũ phát triển trong việc nghiên cứu và ứng dụng công nghệ vào cải cách thủ tục hành chính, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ, và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người dân trong thời đại số hóa.

Nhóm phát triển sáng kiến "Trợ lý ảo" của Công an tỉnh Quảng Ninh hiện đang tiếp tục hoàn thiện sản phẩm, mở rộng phạm vi ứng dụng không chỉ trong lĩnh vực căn cước và cư trú mà còn ở nhiều lĩnh vực khác như y tế, giáo dục và tài chính, với mục tiêu hướng đến là xây dựng một hệ sinh thái số hóa toàn diện, mang lại sự tiện lợi và hiệu quả cao nhất cho người dân và xã hội.

Qua thời gian triển khai thử nghiệm tại 3 điểm tiếp dân, trợ lý ảo đã hỗ trợ được hơn 500 hồ sơ đăng ký cư trú (với 4/11 thủ tục gồm: Đăng ký thường trú, xác nhận thông tin cư trú, tách hộ, xóa đăng ký thường trú), đặc biệt trong Đợt cao điểm 45 ngày đêm triển khai Luật Căn cước do Công an tỉnh Quảng Ninh phát động (từ ngày 01/7/2024 đến ngày 15/9/2024), trợ lý ảo đã hỗ trợ thực hiện được hơn 1.500 hồ sơ cấp căn cước.

Nguồn: tienphong.vn

TUYÊN QUANG: KHO BẠC NHÀ NƯỚC ĐẨY MẠNH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TẠO THUẬN LỢI CHO KHÁCH HÀNG

Kho bạc Nhà nước tỉnh Tuyên Quang đẩy mạnh ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin để tạo thuận lợi hơn nữa cho khách hàng và đơn vị sử dụng ngân sách trên địa bàn tỉnh.

Kho bạc Nhà nước tỉnh Tuyên Quang cho biết, để nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng cũng như thực hiện hiện đại hóa theo Chiến lược phát triển Kho bạc Nhà nước đến năm 2030 thời gian tới tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính toàn diện trên các mặt hoạt động nghiệp vụ, cũng như cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, cải cách chế độ công vụ, cải cách tài chính công và hiện đại hóa hành chính.

Bên cạnh đó, đẩy mạnh ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin và chia sẻ thông tin, dữ liệu điện tử nhằm đơn giản hóa về hồ sơ, thủ tục hành chính và nội dung kiểm soát thanh toán, rút ngắn thời gian giải quyết; tiếp tục đẩy mạnh triển khai dịch vụ công trực tuyến, để tạo thuận lợi hơn nữa cho khách hàng và đơn vị sử dụng ngân sách trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Kho bạc Nhà nước tỉnh Tuyên Quang cũng đẩy mạnh việc giao dịch, kiểm soát trên dịch vụ công trực tuyến. Do đó, các đơn vị sử dụng ngân sách không phải đến trực tiếp kho bạc, nhưng vẫn hoàn thành các thủ tục để thanh toán vốn. Qua dịch vụ công trực tuyến, khách hàng giao dịch có thể ở bất cứ địa điểm nào có kết nối mạng, tiết kiệm được chi phí và thời gian đi lại, khách hàng, đơn vị sử dụng ngân sách có thể theo dõi hồ sơ gửi đến kho bạc đang được xử lý ở khâu nào, bước nào.

Thời gian qua, Kho bạc Nhà nước tỉnh Tuyên Quang đã thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, đơn vị đã phối hợp chặt chẽ với các đơn vị có giao dịch, trong đó đề nghị từ ngày 01/9/2024, các giao dịch thu, chi ngân sách tại các đơn vị Kho bạc Nhà nước trên địa bàn tỉnh được thực hiện hoàn toàn bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng.

Kho bạc Nhà nước tỉnh Tuyên Quang cũng yêu cầu các đơn vị sự nghiệp công mở tài khoản tại ngân hàng thương mại cho các khoản thu từ hoạt động sự nghiệp, hoạt động kinh doanh, dịch vụ.

Ngoài ra, Kho bạc Nhà nước cũng khuyến khích các đơn vị hạn chế giao dịch bằng tiền mặt và tăng cường sử dụng các hình thức thanh toán điện tử.

Nguồn: [bnews.vn/ttxvn](#)

NAM ĐỊNH: NÂNG CHẤT LƯỢNG, TĂNG HIỆU QUẢ TRONG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Trong 9 tháng năm 2024, tỉnh Nam Định đã thực hiện hiệu quả Bộ Chỉ số Chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử (Bộ Chỉ số), đứng trong top 10 trên toàn quốc. Nhưng riêng tháng 9 và 10, kết quả thực hiện bộ chỉ số này lại bị hạ xuống đứng thứ 21 và 34/63 tỉnh, thành phố. Hiện, tỉnh Nam Định đang nỗ lực đưa nhiều giải pháp tháo gỡ để nhanh chóng lấy lại vị trí top đầu của cả nước.

Nỗ lực đứng trong top 10 toàn quốc

Thực hiện Đề án Sắp xếp đơn vị hành chính, tỉnh Nam Định có 2 đơn vị hành chính cấp huyện thực hiện sắp xếp (huyện Mỹ Lộc và TP. Nam Định) và có 77 đơn vị cấp xã (gồm 55 xã, 17 phường, 5 thị trấn). Sau sắp xếp, tỉnh còn 9 đơn vị hành chính cấp huyện (gồm 8 huyện và TP. Nam Định); 175 đơn vị hành chính cấp xã (gồm 146 xã, 14 phường, 15 thị trấn), giảm 1 đơn vị hành chính cấp huyện, 51 đơn vị hành chính cấp xã.

Tương ứng với đó là cán bộ, công chức phải thay đổi mã định danh theo địa chỉ mới, để nhanh chóng tiếp nhận sự chỉ đạo, điều hành của các cấp cũng như không làm gián đoạn việc phục vụ giao dịch hành chính trên môi trường mạng. Với tiêu chí các đơn vị, cá nhân duy trì hoạt động thường xuyên các nền tảng số, dịch vụ số dùng chung của tỉnh bảo đảm nhanh chóng, chính xác, không bị gián đoạn thông tin, Sở Thông tin và Truyền thông đã triển khai thực hiện 11 nhiệm vụ ngay sau khi có quyết định sắp xếp lại đơn vị hành chính.

Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và các doanh nghiệp viễn thông tổ chức thay đổi tên, mã đơn vị. Đồng thời, phân quyền cho 1 đơn vị cấp huyện, 51 đơn vị xã, phường, thị trấn với gần 600 tài khoản trên Cổng dịch vụ công tỉnh và gần 100 tài khoản trên phần mềm chứng thực điện tử, hệ thống báo cáo Chính phủ, hệ thống phản ánh kiến nghị, thay đổi mã định danh cho gần 200 đơn vị trên Cổng dịch vụ công của tỉnh và quốc gia.

Bên cạnh đó, dừng hoạt động 48 mã định danh, tạo mới 8 mã định danh trên trực Liên thông văn bản của tỉnh và trực quốc gia; tạo mới khoảng 1.000 tài khoản trên hệ thống quản lý văn bản điều hành, cấp gần 300 tài khoản email công vụ cho các phòng, ban, các xã sáp nhập vào TP. Nam Định.

Ngay sau sáp nhập, ở tất cả các đơn vị có biến động về địa giới hành chính và cá nhân cán bộ, công chức có thay đổi chức danh công việc đều được hướng dẫn và chuẩn hóa thông tin, để đáp ứng yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp. Bộ phận Một

cửa của các đơn vị hành chính sau sáp nhập chủ động bố trí cán bộ hiểu rõ địa bàn, nắm vững từng hộ dân để dễ dàng hướng dẫn công dân đến giải quyết thủ tục hành chính.

Qua đó, góp phần hoàn thành thắng lợi một trong những mục tiêu sắp xếp đơn vị hành chính của tỉnh là cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức theo vị trí việc làm; sàng lọc, nâng cao chất lượng và trách nhiệm công vụ của cán bộ, công chức, viên chức, mở rộng không gian phát triển, tập trung nguồn lực, phát huy tiềm năng, lợi thế của các địa phương nhằm phát triển bền vững.

Chủ động tháo gỡ điểm nghẽn

Mặc dù Sở Thông tin và Truyền thông cùng các sở, ngành và địa phương nỗ lực bảo đảm thông tin thông suốt, song, trong quá trình chuyển đổi còn một số cán bộ chưa thích nghi ngay với công việc. Đơn cử như cán bộ của huyện Mỹ Lộc trước đây chưa bắt kịp quy trình công nghệ của hệ thống đăng nhập một lần, do hệ thống này mới chỉ áp dụng trên địa bàn TP. Nam Định. Nhiều người dân, doanh nghiệp chưa thực hiện việc chuyển đổi thông tin cá nhân và đơn vị mình hoặc chuyển đổi rồi nhưng vẫn nhầm lẫn giữa thông tin cũ khiến cho việc giải quyết thủ tục hành chính phải mất thêm công đoạn chuẩn hóa thông tin cá nhân.

Nguyên nhân khách quan dẫn đến việc tỷ lệ thủ tục hành chính cập nhật, công khai đúng hạn còn thấp là do tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng dịch vụ công quốc gia chưa khớp với số liệu thực tế giải quyết tại địa phương, tỷ lệ thanh toán trực tuyến thấp... Đây cũng chính là nguyên nhân cơ bản làm giảm thứ hạng của tỉnh Nam Định trong việc thực hiện Bộ Chỉ số.

Nhận diện rõ những tồn tại làm giảm điểm thực hiện Bộ Chỉ số trong tháng 9 và 10; hiện nay, toàn tỉnh Nam Định đang tổ chức rà soát, đánh giá lại toàn bộ nhiệm vụ, chỉ tiêu giao về công tác cải cách, kiểm soát thủ tục hành chính, xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số. Trên cơ sở đó, các sở, ngành, địa phương tiếp tục thực hiện đúng quy định về công bố, công khai thủ tục hành chính, tái cấu trúc xây dựng dịch vụ công trực tuyến toàn trình, sử dụng lại hồ sơ, dữ liệu số hóa... nhằm tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính; cung cấp đầy đủ thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

Bên cạnh đó, nhanh chóng khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa để tránh lãng phí dữ liệu; người dân, doanh nghiệp không phải nộp lại đầy đủ thành phần hồ sơ khi thực hiện thủ tục hành chính. Sở Thông tin và Truyền thông tăng cường hỗ trợ các đơn vị xử lý các vấn đề phát sinh trên các cổng điện tử... Theo đó, tích cực hoàn thiện, nâng cấp kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân; giúp nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ công của các cơ quan hành chính Nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi nhất để người dân, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính.

Nguồn: daibieunhandan.vn

KHÁNH HÒA: TIẾP TỤC NỖ LỰC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỂ NGƯỜI DÂN HÀI LÒNG

Đây là một trong các nội dung kết luận của Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa Lê Hữu Hoàng tại cuộc họp nghe báo cáo quá trình triển khai khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) trên địa bàn tỉnh năm 2024, diễn ra chiều ngày 11/11/2024.

Theo báo cáo của Sở Nội vụ, từ năm 2012 đến 2016, Bộ Nội vụ phối hợp với Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức điều tra xã hội học đối với chất lượng phục vụ tại Bộ phận Một cửa, chất lượng cung cấp dịch vụ y tế công và dịch vụ giáo dục công tại địa phương phục vụ xác định chỉ số cải cách hành chính của các địa phương. Giai đoạn này, Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh biến động từ vị thứ 12 đến 34/63 tỉnh, thành phố. Từ năm 2017, Bộ Nội vụ bắt đầu khảo sát, công bố Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính của 63 tỉnh, thành phố và sử dụng kết quả Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính phục vụ đánh giá, chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính. Từ năm 2017 đến 2021, kết quả Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính và Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh Khánh Hòa tăng giảm không ổn định. Năm 2023, tiêu chí đánh giá dựa trên kết quả Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính được quy định chiếm 10% tổng điểm của Chỉ số cải cách hành chính. Từ năm 2022 đến 2023, Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh Khánh Hòa tăng từ vị trí thứ 25 lên 14; Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính của tỉnh từ vị trí thứ 53 lên 43.

Kết luận cuộc họp, ông Lê Hữu Hoàng yêu cầu các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện nghiêm các hướng dẫn của Bộ Nội vụ; nỗ lực phối hợp, bảo đảm công tác khảo sát trên địa bàn được tiến hành thuận lợi nhất. Các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục tích cực thực hiện tốt công tác cải cách hành chính nhằm mang lại sự hài lòng cao hơn cho người dân, tổ chức. Các cơ quan báo chí của tỉnh tăng cường tuyên truyền về các sáng kiến cải cách hành chính; nỗ lực của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ, ứng dụng công nghệ thông tin, trả kết quả đúng và trước hạn...

Được biết, năm 2024, Sở Nội vụ đã phối hợp với các Ủy ban nhân dân: TP. Nha Trang, huyện Diên Khánh, huyện Khánh Sơn chọn mẫu khảo sát Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính theo hướng dẫn tại phụ lục kèm theo Công văn số 6351/BNV-CCHC ngày 08/10/2024 của Bộ Nội vụ và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa. Tỉnh Khánh Hòa được phân bổ 468 phiếu khảo sát. Dự kiến, ngày 21 và 22/11/2024, điều tra viên sẽ phát phiếu khảo sát; ngày 27 và 28/11/2024, bưu điện sẽ giao nộp phiếu khảo sát cho Bộ Nội vụ, từ ngày 16 đến 27/11/2024, Bộ Nội vụ phối hợp Bưu điện Việt Nam kiểm tra việc phát, thu phiếu của điều tra viên ở một số tỉnh, thành.

Nguồn: baokhanhhoa.vn

BÌNH DƯƠNG: HIỆU QUẢ TỪ THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH PHÂN CẤP, ỦY QUYỀN

Việc đẩy mạnh triển khai thực hiện các quy định phân cấp, ủy quyền trong quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh cơ bản có sự thống nhất và hiệu quả. Phân cấp, ủy quyền đã phát huy quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tính năng động, sáng tạo của các cơ quan, địa phương, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý

Thời gian qua, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương đã đẩy mạnh triển khai thực hiện các nhiệm vụ phân cấp, ủy quyền thẩm quyền quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh. Cụ thể là, các lĩnh vực tài nguyên và môi trường, giao thông - vận tải, y tế, giáo dục và đào tạo, văn hóa, thể thao và du lịch, lao động - thương binh và xã hội (trừ mua sắm tài sản công), giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến 31/7/2024.

Theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương đã triển khai các nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền theo quy định tại Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 24/6/2020 và Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 01/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước; ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật trên các lĩnh vực để cụ thể hóa các quy định của trung ương; quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn, thẩm quyền và trách nhiệm của các sở, ngành, địa phương trong công tác quản lý nhà nước ở địa phương. Việc tăng cường phân cấp, phân quyền trong thời gian qua đã tạo sự chủ động, tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên địa bàn.

Theo Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương, hiện nay, tình hình biên chế công chức của tỉnh được Trung ương giao thấp, biên chế bố trí cho các sở, ngành, địa phương không bảo đảm thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; đồng thời, vẫn phải thực hiện nhiệm vụ giảm 5% biên chế công chức so với năm 2021. Do đó, thực hiện phân cấp, ủy quyền cho các cơ quan chuyên môn và Ủy ban nhân dân cấp huyện trong công tác quản lý nhà nước đối với lĩnh vực, địa bàn quản lý gặp nhiều áp lực và khó khăn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được phân cấp, ủy quyền...

Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Trịnh Đức Tài cho biết, Sở nghiêm túc triển khai, cụ thể hóa việc phân cấp, ủy quyền bảo đảm theo đúng quy định ở các lĩnh vực thuộc Văn phòng sở; lĩnh vực thuộc Phòng Bảo trợ xã hội; lĩnh vực thuộc Phòng Chính sách lao động; lĩnh vực thuộc Phòng Người có công; lĩnh vực thuộc Phòng Kế hoạch - Tài chính; lĩnh vực thuộc Phòng Giáo dục nghề nghiệp. Trong đó, lĩnh vực thuộc Phòng Chính sách lao động, sở thực hiện ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc cấp giấy chứng nhận lao động cho người nước ngoài. Từ ngày 12/6/2023 đến ngày 17/9/2023, Sở đã tiếp nhận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài, chấp thuận vị trí công việc sử dụng người lao động nước ngoài trên địa bàn tỉnh Bình Dương cho

2.389 người sử dụng lao động với 3.417 vị trí công việc được chấp thuận; không chấp thuận vị trí công việc sử dụng người lao động nước ngoài với 1.200 người sử dụng lao động.

“Việc được ủy quyền đã tạo nhiều thuận lợi cho sở chủ động trong việc thực hiện kiểm tra, giải quyết đề nghị của người sử dụng lao động. Sở có nhiều thời gian để xử lý hồ sơ theo thủ tục hành chính, hạn chế tối đa hồ sơ bị trễ hạn. Đối với người sử dụng lao động, Sở đã tiếp nhận, kiểm tra và giải quyết bảo đảm thời gian theo quy định. Qua đó, người sử dụng lao động chủ động được công việc và không làm ảnh hưởng đến các công việc có liên quan khác”, ông Trịnh Đức Tài cho hay.

Tương tự, việc phân cấp, ủy quyền cho Giám đốc Sở Giao thông vận tải đã nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của ngành. Đơn cử, việc Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương phân cấp cho Sở thực hiện thẩm quyền người quyết định đầu tư xây dựng đối với các công trình sử dụng kinh phí quản lý, bảo trì đường tỉnh trên địa bàn tỉnh. “Với việc phân cấp cho Giám đốc Sở thực hiện thẩm quyền người quyết định đầu tư xây dựng đối với các công trình sử dụng kinh phí quản lý, bảo trì đường tỉnh theo phân cấp đã tạo điều kiện cho chủ đầu tư công trình chủ động trong quá trình thực hiện, rút ngắn thời gian thực hiện công trình duy tu, sửa chữa, góp phần bảo đảm an toàn giao thông, kịp thời giải quyết các kiến nghị của cử tri liên quan đến công tác bảo đảm an toàn giao thông”, Giám đốc Sở Giao thông vận tải Nguyễn Anh Minh cho biết.

Kiến nghị biên chế, nâng cao hiệu quả phân cấp, ủy quyền

Theo Giám đốc Sở Tài Nguyên và Môi trường Ngô Quang Sự, đối với thực hiện nhiệm vụ được phân cấp trong lĩnh vực môi trường đang gặp khó khăn về số lượng biên chế để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ chính trị được giao. Cụ thể, hiện nay Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 giao cho ngành Môi trường một số nhiệm vụ mới, như cấp phép xả nước thải vào nguồn nước lồng ghép trong giấy phép môi trường; quản lý rác thải sinh hoạt; thực hiện công tác bảo tồn đa dạng sinh học... nên sẽ có một số vị trí việc làm mới và phải bố trí biên chế để thực hiện, đặc biệt có sự phân cấp mạnh về cho địa phương làm khối lượng công việc ngày càng tăng. Trong khi đó, biên chế cho ngành Môi trường ngày càng giảm, do đó, với số lượng biên chế được giao như hiện nay thì đội ngũ công chức, viên chức đang gặp áp lực và khó khăn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được phân cấp.

Ông Trịnh Đức Tài chia sẻ khối lượng các công việc sau khi Sở được phân cấp, ủy quyền phải giải quyết tăng thêm, trong khi thiếu biên chế đã gây áp lực về nhân sự trong thực hiện nhiệm vụ, công tác này tại sở. Các địa phương cũng phản ánh về khó khăn, vướng mắc chung trong thực hiện nhiệm vụ phân cấp, ủy quyền, như biên chế, cơ sở vật chất, kinh phí; các địa phương phải tự cân đối kinh phí hoặc giao thêm nhiệm vụ cho cán bộ, công chức để bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ.

Do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương kiến nghị Hội đồng nhân dân tỉnh quan tâm, đồng thuận và kiến nghị các cấp có thẩm quyền bổ sung biên chế công chức cho tỉnh để bảo đảm nguồn nhân lực thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước ở địa phương. Đồng thời, Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung hoàn thiện dự thảo Đề án phân cấp, ủy quyền trong quản lý nhà

nước trên địa bàn tỉnh và trình kỳ họp cuối năm 2024, Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương xem xét, thông qua để triển khai thực hiện...

Nguồn: baobinhduong.vn

ĐỒNG THÁP: NHIỀU GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Từ năm 2024 đến nay, Ủy ban nhân dân huyện Tháp Mười luôn quan tâm chỉ đạo thực hiện công tác cải cách hành chính trên nhiều lĩnh vực. Công tác cải cách hành chính từng bước đi vào chiều sâu, có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Tạo sự hài lòng cho người dân

Huyện Tháp Mười tập trung cải cách về: thể chế, thủ tục hành chính, tổ chức bộ máy, chế độ công vụ, tài chính công và xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số. Ủy ban nhân dân huyện Tháp Mười đã ban hành nhiều kế hoạch triển khai đến các ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn thực hiện công tác cải cách hành chính; quan tâm nâng cao hiệu quả công tác rà soát, đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính; thực hiện tốt cơ chế một cửa, một cửa liên thông; tăng cường công tác kiểm tra cải cách hành chính, kỷ luật, kỷ cương trong cơ quan hành chính nhà nước. Qua đó, các ngành chuyên môn huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn đẩy mạnh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính. Việc thực hiện tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả huyện và cấp xã đều được cập nhật và lưu trữ vào phần mềm “một cửa” góp phần tích cực vào công tác quản lý thông tin hồ sơ. Tình hình tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả thủ tục hành chính được thực hiện đúng quy định.

Huyện Tháp Mười tổ chức Đoàn kiểm tra tại 13/13 xã, thị trấn, 6 cơ quan chuyên môn, 3 đơn vị sự nghiệp công lập, lồng ghép, kết hợp công tác kiểm tra hoạt động công vụ. Tại các buổi kiểm tra, đã kiểm tra, nhắc nhở các cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy trình trong công tác tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa, xử lý hồ sơ trên phần mềm “một cửa” không để xảy ra trường hợp trễ hạn hồ sơ, nêu cao tinh thần, thái độ phục vụ tạo sự hài lòng cho người dân khi đến giải quyết thủ tục hành chính. Từ đầu năm 2024 đến nay, tỷ lệ hồ sơ giải quyết trước và đúng hạn cho tổ chức, công dân đạt cao, cấp huyện đạt 99,87%, cấp xã đạt 99,9%.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin

Ngoài ra, thực hiện xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, Ủy ban nhân dân huyện Tháp Mười đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chỉ đạo, điều hành, nhất là trong công tác cải cách hành chính, sử dụng hiệu quả các phần mềm trong thực hiện thủ tục hành chính. Đặc biệt, nhiều mô hình hiệu quả trong công tác cải cách hành chính được các xã, thị trấn duy trì. Nổi bật là các mô hình: “Không gian hành chính phục vụ”; “Tuyên truyền, hướng dẫn người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến”; “Công dân điện tử”

tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của huyện; “3 trong 1” về cấp giấy chứng tử, xóa tên người mất trong sổ hộ khẩu và chi trả mai táng phí cho đối tượng bảo trợ xã hội... Bước đầu các mô hình mang lại nhiều hiệu quả tích cực, giúp đơn vị, cá nhân tiết kiệm thời gian, chi phí trong thực hiện thủ tục hành chính.

Tại xã Thanh Mỹ, thời gian qua, địa phương thực hiện hiệu quả các mô hình: “Trang thông tin Ủy ban nhân dân xã Thanh Mỹ trên Zalo” kết hợp với Tổ cải cách hành chính và chuyển đổi số hỗ trợ, hướng dẫn người dân thực hiện hồ sơ dịch vụ công trực tuyến; “Niêm yết, tra cứu thông tin thủ tục hành chính bằng mã QR-Code” ở lĩnh vực nội vụ; Tổ chuyển đổi số của xã và 4 Tổ chuyển đổi số cộng đồng ở các ấp.

Thực hiện các mô hình, Ủy ban nhân dân xã Thanh Mỹ thường xuyên tuyên truyền cho người dân qua Trang thông tin Zalo Ủy ban nhân dân xã Thanh Mỹ về công tác cải cách hành chính, các video clip hướng dẫn đăng ký dịch vụ công trực tuyến tại nhà. Hàng tuần, cán bộ, công chức chuyên môn, cán bộ Đoàn của xã luân phiên trực tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của xã Thanh Mỹ hỗ trợ người dân, doanh nghiệp đăng ký tài khoản, nộp hồ sơ, thanh toán lệ phí trực tuyến và sử dụng các dịch vụ công trực tuyến.

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Thanh Mỹ Trần Thanh Nhân cho biết: “Các mô hình mới trong công tác cải cách hành chính giúp rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính, tạo được niềm tin, sự hài lòng cho người dân, doanh nghiệp đối với cơ quan nhà nước. Để nâng cao hơn nữa chất lượng công tác cải cách hành chính, Ủy ban nhân dân xã Thanh Mỹ tuyên truyền sâu rộng công tác cải cách hành chính đến toàn thể công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan, đơn vị để mỗi cá nhân nhận thức sâu sắc tầm quan trọng trong công tác cải cách hành chính. Cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính, trong đó chú trọng đơn giản hóa thủ tục hành chính trên các lĩnh vực thuộc cấp xã thực hiện, nhân rộng các mô hình có hiệu quả trong công tác cải cách hành chính”.

Trong thời gian tới, Ủy ban nhân dân huyện tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền công tác cải cách hành chính trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân nhằm hướng đến mục tiêu xây dựng chính quyền phục vụ Nhân dân; đề cao tinh thần, trách nhiệm, ý thức công vụ và đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Đồng thời, thực hiện tốt cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; duy trì các mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong công tác cải cách hành chính; triển khai đồng bộ các giải pháp nâng cao việc sử dụng các dịch vụ công trực tuyến trong Nhân dân; tăng cường kiểm tra về kỷ luật, kỷ cương hành chính... nhằm tiếp tục nâng chất lượng công tác cải cách hành chính.

Nguồn: baodongthap.vn

KIÊN GIANG: TRIỂN KHAI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH PHI ĐỊA GIỚI TẠI 3 THÀNH PHỐ TRONG TỈNH

Ngày 01/3/2024, Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai thực hiện quy chế tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính theo hình thức phi địa giới hành chính tại TP. Rạch Giá, TP. Hà Tiên và TP. Phú Quốc. Với mục tiêu chuyển đổi từ tư duy cấp phép sang tư duy phục vụ, quy chế này cho phép người dân nộp và nhận hồ sơ đất đai mà không phụ thuộc vào địa giới hành chính, giúp tiết kiệm thời gian, chi phí và tạo thuận lợi trong đi lại.

Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Trần Thị Thùy Trang cho biết, đầu năm 2024, Sở đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành quy chế thực hiện thí điểm việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đất đai cho hộ gia đình, cá nhân theo hình thức phi địa giới hành chính trên địa bàn 3 thành phố Rạch Giá, Hà Tiên, Phú Quốc, thời gian thực hiện kể từ ngày 01/3/2024. Sở cùng với Ủy ban nhân dân các TP. Rạch Giá, Hà Tiên, Phú Quốc tổ chức triển khai, bố trí nhân sự, máy móc, trang thiết bị và các điều kiện cần thiết để thực hiện tốt quy chế.

Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông, VNPT tỉnh Kiên Giang tổ chức tập huấn quy trình chi tiết đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có tham gia vào quá trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ. Sở đã phối hợp Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang, Báo Kiên Giang, Cổng thông tin điện tử của tỉnh; cổng thông tin Sở Tài nguyên và Môi trường... đăng nhiều tin, bài, thông tin cùng nhiều hình thức tuyên truyền khác như vận động công chức, viên chức, người lao động chia sẻ trên các ứng dụng mạng xã hội để người dân dễ dàng tiếp cận thông tin. Từ đó, công tác tổ chức triển khai được chuẩn bị khá kỹ lưỡng, quá trình vận hành được thuận lợi, nhịp nhàng, cơ bản đảm bảo đạt được mục tiêu, kế hoạch đề ra.

Phóng viên: Vì sao phải xây dựng quy chế? Quy chế quy định những nội dung cụ thể gì?

Bà Trần Thị Thùy Trang: Thứ nhất, về lý do xây dựng quy chế:

- Kiên Giang là tỉnh có địa hình tương đối phức tạp, khoảng cách địa lý giữa 3 thành phố tương đối xa, điều kiện đi lại của người dân gặp nhiều khó khăn, phải mất từ 2 đến 3 giờ đi tàu xe.
- Số lượng hồ sơ biến động về quyền sử dụng đất phát sinh trên địa bàn 3 thành phố tương đối nhiều, nhất là người dân có đất tại tỉnh Kiên Giang nhưng thường trú tại các tỉnh khác.
- Thủ tục hành chính về lĩnh vực đất đai được công bố theo quy định vẫn còn phức tạp; thời gian đi lại của người dân từ khi nộp hồ sơ đến khi nhận kết quả còn nhiều lần.
- Sở Tài nguyên và Môi trường luôn có tinh thần cầu thị; mong muốn từng bước thực hiện tốt hơn nữa công tác cải cách thủ tục hành chính, nhất là lĩnh vực đất đai; với mục tiêu chuyển từ tư duy cấp phép sang tư duy phục vụ, trong đó quan tâm đúng mức đến việc hoàn thiện cơ sở dữ liệu gắn với việc thực hiện chuyển đổi số trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

Thứ hai, về nội dung cụ thể của quy chế: Quy chế quy định về cơ chế phối hợp, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc tiếp nhận và giải quyết các thủ tục hành chính về lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường.

trường đối với hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu nộp và trả kết quả theo hình thức phi địa giới hành chính trên địa bàn 3 thành phố: Rạch Giá, Hà Tiên, Phú Quốc.

Cụ thể, phía người dân, người dân có đất tại 1 trong 3 thành phố nói trên, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nếu có nhu cầu thực hiện các quyền của người sử dụng đất thông qua hình thức cấp đổi, chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế quyền sử dụng đất có thể lựa chọn hình thức nộp hồ sơ thực hiện một số thủ tục hành chính tại nơi có đất hoặc được nộp và trả kết quả tại 1 trong 2 địa phương còn lại. Ví dụ: Người dân có đất trên địa bàn TP. Phú Quốc có thể nộp hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả TP. Rạch Giá hoặc TP. Hà Tiên và ngược lại.

Về phía cơ quan nhà nước: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ sẽ thực hiện việc luân chuyển hồ sơ thông qua phần mềm một cửa điện tử, đồng thời chuyển hồ sơ số về chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai nơi có đất để xử lý hồ sơ theo quy trình.

Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai nơi có đất phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan để luân chuyển và giải quyết hồ sơ theo quy trình đã ban hành, đến khi có kết quả thì chuyển về nơi tiếp nhận để trả kết quả cho người dân.

Người dân có thể nhận được thông báo thực hiện nghĩa vụ tài chính tại nơi tiếp nhận hồ sơ hoặc thông qua hệ thống một cửa điện tử hoặc thông qua bưu điện do cơ quan thuế gửi; nộp chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính tại nơi nộp hồ sơ hoặc yêu cầu cơ quan thuế xác nhận mà không phải đến địa phương nơi có đất để thực hiện như quy định. Qua thực hiện quy trình này đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại của người dân từ nơi ở đến thành phố nơi có đất.

Phóng viên: Quá trình triển khai thực hiện quy chế, đến nay đã đạt được kết quả ra sao; có những thuận lợi và khó khăn gì cho người dân cũng như cơ quan nhà nước?

Bà Trần Thị Thùy Trang: Về kết quả đạt được: Kể từ thời điểm triển khai thực hiện quy chế cho đến nay, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiếp nhận, xử lý được gần 200 hồ sơ. Số lượng hồ sơ nộp tương đối ít; thường phân bố không đồng đều giữa các địa phương, chủ yếu người dân có đất trên địa bàn TP. Phú Quốc chọn nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TP. Rạch Giá. Mặc dù số lượng hồ sơ tiếp nhận chưa nhiều, nhưng qua phản hồi của người dân thì phần lớn đều hài lòng với kết quả thực hiện do những thuận tiện của quy chế mang lại.

Quy chế này đã mang đến sự thuận lợi cho người dân khi thực hiện thủ tục hành chính. Đối với khoảng cách giữa các TP. Rạch Giá, Hà Tiên và Phú Quốc cách nhau rất xa, khó khăn trong quá trình di chuyển. Do đó, khi triển khai thực hiện thì người dân có thể tiết kiệm được thời gian, chi phí và sức khỏe. Ví dụ: Một người dân sinh sống trên địa bàn TP. Rạch Giá muốn thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên địa bàn TP. Phú Quốc, sau khi chuẩn bị đầy đủ hồ sơ cần thiết theo quy định thì việc chọn nơi nộp hồ sơ và trả kết quả theo quy chế trên có thể tiết kiệm được khoảng 3 ngày làm việc và khoảng 4 triệu đồng/1 hồ sơ (chỉ ước tính chi phí đi lại cho 2 lần nộp và nhận kết quả). Ngoài ra, đối với những người không đủ sức khỏe thì việc đi lại giữa các địa phương để thực hiện cũng rất khó khăn, thậm

chí không thể thực hiện. Do đó, việc triển khai thực hiện quy chế thực sự mang lại nhiều lợi ích thiết thực cho người dân.

Bên cạnh những thuận lợi, khi triển khai thực hiện cũng có một số khó khăn nhất định. Do mới thí điểm nên người dân chưa tiếp cận được nhiều thông tin, do đó số lượng hồ sơ tiếp nhận tương đối ít. Các chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai phải bố trí thêm nhân sự, trang thiết bị để phục vụ riêng cho việc vận hành quy chế này, trong khi đó văn phòng đăng ký đất đai lại là đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi phí thường xuyên. Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị đôi khi chưa nhịp nhàng.

Phóng viên: Bà đánh giá thời gian tới có nên tiếp tục triển khai thực hiện quy chế trên hay không? Nếu tiếp tục thì có những giải pháp nào để nâng cao hơn nữa hiệu quả thực hiện?

Bà Trần Thị Thùy Trang: So với một số khó khăn nhất định thì quy chế này vẫn mang đến nhiều hiệu quả đáng ghi nhận, nhất là lợi ích của người dân khi tham gia thực hiện thủ tục hành chính về đất đai theo hình thức phi địa giới hành chính này. Do đó, thời gian sắp tới Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ tiếp tục triển khai thí điểm quy chế.

Mặt khác, để nâng cao hơn nữa hiệu quả của việc thực hiện quy chế, Sở Tài nguyên và Môi trường với tinh thần cầu thị, luôn mong muốn được sự tham gia, sự chia sẻ, đồng hành và góp ý của người dân trong thời gian tới. Đồng thời, sẽ chỉ đạo thực hiện các giải pháp sau: Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến sâu rộng đến người dân thông qua các phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương; tuyên truyền, phổ biến thông qua chia sẻ thông tin trên các ứng dụng mạng xã hội.

Tiếp tục đặt trọng tâm và quyết tâm cao nhất trong lãnh đạo đối với công tác cải cách hành chính, trong đó quan tâm đúng mức đến việc hoàn thiện cơ sở dữ liệu gắn với việc thực hiện chuyển đổi số.

Đẩy mạnh hơn nữa việc ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình xử lý, luân chuyển hồ sơ, đảm bảo hồ sơ được giải quyết đúng hoặc sớm hơn; ngày càng tạo được niềm tin của người dân đối với những nỗ lực của cơ quan nhà nước trong cải cách hành chính nói chung, cải cách thủ tục hành chính nói riêng.

Sau 1 năm thực hiện sẽ tổ chức sơ kết, nếu quy chế tiếp tục phát huy được hiệu quả, đạt được mục tiêu đề ra, Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cho tiếp tục nhân rộng mô hình tại một số địa phương có điều kiện đi lại khó khăn như Kiên Hải, Giang Thành, Vĩnh Thuận..., từng bước triển khai trên địa bàn toàn tỉnh.

Phóng viên: Xin cảm ơn Phó Giám đốc!

Nguồn: baokiengiang.vn

TIỀN GIANG: ĐẢM BẢO AN TOÀN THÔNG TIN TRONG CHUYỂN ĐỔI SỐ

Với sự phát triển vượt bậc của Internet và công nghệ số, không gian mạng đã trở thành một chiến trường mới, nơi các cuộc tấn công mạng có thể gây ra những hậu quả khôn lường cho an ninh quốc gia và sự ổn định của xã hội. Vì vậy, bảo vệ bí mật nhà nước trên không gian mạng không chỉ là trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, mà còn là nhiệm vụ của mỗi cá nhân và tổ chức. Việc bảo đảm an toàn thông tin được tỉnh Tiền Giang khẳng định là nhiệm vụ cấp thiết trong quá trình chuyển đổi số. Thời gian qua, tỉnh Tiền Giang đã thực hiện nghiêm các quy định về an ninh mạng, an toàn thông tin và bảo vệ bí mật nhà nước trên không gian mạng.

Tiềm ẩn nguy cơ từ hạn chế

Hiện nay, các nền tảng xuyên biên giới không ngừng phát triển. Công cuộc chuyển đổi số cũng diễn ra mạnh mẽ, sâu rộng trên tất cả mọi lĩnh vực, ngành nghề. Bên cạnh những mặt tích cực góp phần thúc đẩy kinh tế, xã hội, thì nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia từ không gian mạng cũng đang có chiều hướng gia tăng. Thực tế này đặt ra những yêu cầu có tính cấp bách đối với công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng trong tình hình mới.

Tại tỉnh Tiền Giang, thời gian qua, cấp ủy, chính quyền, các ngành ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin và bảo vệ bí mật nhà nước trên không gian mạng, chủ động phòng ngừa các hoạt động tấn công mạng, sự cố về an ninh mạng.

Tuy nhiên, thời gian gần đây, các thế lực thù địch, tội phạm mạng gia tăng các hoạt động tấn công mạng, gián điệp mạng nhằm thu thập thông tin, đánh cắp bí mật nhà nước, thông tin nội bộ, tấn công mã hóa dữ liệu đòi tiền chuộc, chiếm quyền quản trị, lây nhiễm mã độc, phá hoại hệ thống thông tin.

Qua kết quả kiểm tra thực tế của Đoàn Kiểm tra Tiểu ban An toàn, An ninh mạng tỉnh Tiền Giang năm 2024 tại 2 đơn vị cấp tỉnh, 11 đơn vị cấp huyện và 20 đơn vị cấp xã, Đoàn Kiểm tra đã phát hiện công tác bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin và bảo vệ bí mật nhà nước trên không gian mạng của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh còn nhiều hạn chế, tiềm ẩn nguy cơ mất an ninh, an toàn.

Cụ thể, công tác chỉ đạo, quán triệt thực hiện các quy định trong công tác bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin và bảo vệ bí mật nhà nước trên không gian mạng tại một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa được quan tâm thực hiện thường xuyên, liên tục; có trường hợp cán bộ, công chức, viên chức do chủ quan, không nắm vững các quy định, hướng dẫn về bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin và bảo vệ bí mật nhà nước dẫn đến sai phạm. Nhiều đơn vị được kiểm tra còn thiếu sót, chưa chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu, trang thiết bị phục vụ công tác kiểm tra.

Đa số máy tính sử dụng soạn thảo, lưu giữ tài liệu có chứa nội dung bí mật nhà nước chưa được kiểm tra an ninh thông tin thiết bị trước khi đưa vào sử dụng theo quy định. Nhất là, nhiều máy tính chưa được cài đặt phần mềm diệt mã độc hoặc cài đặt phần mềm diệt mã độc không có bản quyền; máy tính sử dụng hệ điều hành phiên bản cũ, không bản quyền, tồn tại nhiều lỗ hổng bảo mật; một số đơn vị, địa phương chưa thực hiện việc sao lưu dữ liệu dự phòng.

Bên cạnh đó, tình trạng máy tính sử dụng soạn thảo, lưu giữ tài liệu có chứa nội dung bí mật nhà nước kết nối Internet, thiết bị ngoại vi (USB, điện thoại di động) trái quy định; máy tính kết nối mạng nội bộ, mạng Internet; kết nối, chia sẻ, khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư có soạn thảo, lưu giữ tài liệu có chứa nội dung bí mật nhà nước còn tồn tại phổ biến ở các đơn vị được kiểm tra; ghi nhận nhiều trường hợp cán bộ, công chức, viên chức sử dụng mạng xã hội (Zalo) trao đổi hình ảnh, thông tin, tài liệu có chứa nội dung bí mật nhà nước, thông tin nội bộ. Nhiều cán bộ, công chức, viên chức lưu thông tin đăng nhập tài khoản công vụ trên trình duyệt và sử dụng mật khẩu mặc định, tiềm ẩn nguy cơ lộ, mất quyền quản trị tài khoản.

Nguyên nhân của những hạn chế trên chủ yếu do thủ trưởng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương có lúc, có nơi chưa xem trọng công tác bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin và bảo vệ bí mật nhà nước trên không gian mạng; chưa thường xuyên triển khai, quán triệt, kiểm tra, nhắc nhở cán bộ, công chức, viên chức chấp hành nghiêm các quy định về bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin và bảo vệ bí mật nhà nước trên không gian mạng.

Một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức nhận thức chưa đầy đủ, đúng đắn về tầm quan trọng trong công tác bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin và bảo vệ bí mật nhà nước trên không gian mạng.

Bên cạnh đó, số lượng, trình độ công nghệ thông tin của cán bộ phụ trách công tác bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu công tác; máy vi tính, trang thiết bị công nghệ thông tin còn thiếu, lạc hậu, chưa đáp ứng được yêu cầu công tác bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin.

Qua kiểm tra, Đoàn Kiểm tra chưa phát hiện xảy ra hậu quả nhưng những hạn chế trên, tiềm ẩn nhiều nguy cơ bị tấn công, xâm nhập, chiếm quyền quản trị, đánh cắp thông tin, tài liệu, lộ bí mật nhà nước, gây mất an ninh, an toàn thông tin đối với hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Đề xuất các giải pháp

Để kịp thời chấn chỉnh, khắc phục những hạn chế nêu trên, tăng cường thực hiện nghiêm các quy định bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin và bảo vệ bí mật nhà nước trên không gian mạng trong thời gian tới, các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị và các ban Đảng thuộc Tỉnh ủy, các đoàn thể tỉnh Tiền Giang tiếp tục triển khai, quán triệt đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức nhận thức đầy đủ, sâu sắc về tính chất, tầm quan trọng của công tác bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin và bảo vệ bí mật nhà nước trên không gian mạng.

Nhằm nâng cao nhận thức, kỹ năng an toàn thông tin đáp ứng quá trình chuyển đổi số nhanh và toàn diện, Sở Thông tin và Truyền thông đã triển khai Chương trình đào tạo trực

tuyên về an toàn thông tin cơ bản cho cơ quan nhà nước, đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức tham gia khóa học từ ngày 30/9 đến ngày 30/11/2024.

Đồng thời, kết quả học tập của học viên sẽ đánh giá Bộ Chỉ số đánh giá chuyển đổi số (DTI) của tỉnh Tiền Giang và Tiêu chí chấm điểm số 7 về xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số của Chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị.

Trong đó, triển khai, thực hiện nghiêm túc Luật An ninh mạng năm 2018, Luật Bảo vệ bí mật nhà nước, Nghị định của Chính phủ về bảo vệ dữ liệu cá nhân, Nghị quyết của Bộ Chính trị về Chiến lược an ninh mạng quốc gia, Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc ban hành Quy chế bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang...

Đồng thời, mở hồ sơ theo dõi, cập nhật đầy đủ các tài liệu, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn liên quan công tác bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin, bảo vệ bí mật nhà nước trên không gian mạng và kết quả triển khai thực hiện công tác này. Cần có hình thức xử lý nghiêm đối với cán bộ, công chức, viên chức vi phạm và xem xét xử lý trách nhiệm của lãnh đạo do thiếu quản lý, kiểm tra, nhắc nhở để xảy ra hậu quả nghiêm trọng.

Bên cạnh đó, tất cả các máy tính của đơn vị phải được cài đặt các giải pháp phòng, chống mã độc và thiết lập chế độ tự động cập nhật, tự động quét và diệt mã độc; các máy tính phải được cấu hình vô hiệu hóa tính năng tự động thực thi (autoplay); đặt mật khẩu bảo vệ màn hình Windows.

Khi phát hiện máy tính có dấu hiệu bị nhiễm mã độc (như: Máy hoạt động chậm bất thường; cảnh báo từ phần mềm phòng, chống mã độc; ổ cứng hết dung lượng trống; mất dữ liệu, dữ liệu bị thay đổi...), kịp thời ngắt kết nối từ máy tính đến mạng LAN nội bộ, mạng WAN nội tỉnh, mạng Internet... và báo cáo bộ phận có trách nhiệm của đơn vị để xử lý.

Đối với máy tính dùng để soạn thảo, lưu giữ tài liệu có chứa nội dung bí mật nhà nước phải được kiểm tra an ninh thông tin trước khi đưa vào sử dụng, cần dự phòng các thiết bị dễ hư hỏng (chuột, bàn phím) để kiểm tra an ninh thông tin, kịp thời thay thế, sử dụng đúng quy định; tuyệt đối không kết nối thiết bị thu phát sóng vô tuyến, mạng wifi, mạng Internet, điện thoại di động, thiết bị ngoại vi (USB, ổ cứng di động...) trái quy định.

Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành tỉnh Tiền Giang đảm bảo liên thông 3 cấp chính quyền (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã) và kết nối với Trục liên thông Văn bản quốc gia, được tích hợp chữ ký số đảm bảo an toàn, bảo mật cho gửi, nhận văn bản điện tử. Cụ thể, từ ngày 15/6 đến ngày 14/9/2024, có 885.316 văn bản gửi, nhận (trong đó có 730.913 văn bản đến và 154.403 văn bản đi).

Đối với máy tính kết nối mạng nội bộ, mạng Internet; kết nối, chia sẻ, khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, tuyệt đối không soạn thảo, lưu giữ, truyền đưa tài liệu có chứa nội dung bí mật nhà nước và thường xuyên rà soát, kiểm tra để xóa bỏ tài liệu có chứa nội dung bí mật nhà nước đã lưu giữ trên máy tính. Các cơ quan, đơn vị quán triệt cán bộ, công chức, viên chức chấp hành nghiêm quy định không trao đổi hình ảnh, thông tin, tài liệu có chứa nội dung bí mật nhà nước, thông tin nội bộ trên các nền tảng mạng xã hội (Zalo, Facebook...).

Đồng thời, sử dụng tài khoản dịch vụ công theo quy định của đơn vị chủ quản; đặt mật khẩu đủ mạnh và thường xuyên thay đổi mật khẩu; không lưu trữ tài khoản truy cập hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước trên trình duyệt để bảo đảm an toàn thông tin; quan tâm bố trí nguồn kinh phí mua sắm, trang bị máy tính có cấu hình đủ mạnh để đảm bảo cài đặt, sử dụng hệ điều hành từ Windows 10 trở lên (có bản quyền) và phần mềm diệt mã độc do tỉnh trang bị.

Cùng với đó là chú trọng đầu tư, trang bị máy tính dùng để soạn thảo, lưu giữ tài liệu có chứa nội dung bí mật nhà nước tại các đơn vị, bộ phận có điều kiện, thường xuyên làm việc, tiếp xúc với tài liệu bí mật nhà nước; khai thác, sử dụng có hiệu quả thiết bị tường lửa, thiết bị lưu trữ tập trung và mạng truyền số liệu chuyên dùng...

Nguồn: baoapbac.vn

LONG AN: ĐỔI MỚI, XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN THÂN THIỆN

Những năm qua, tỉnh Long An không ngừng nỗ lực đổi mới, sáng tạo để xây dựng một nền hành chính phục vụ, hiệu quả. Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý hành chính công đã mang lại những kết quả đáng ghi nhận, góp phần cải thiện đáng kể chất lượng cuộc sống của người dân.

Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Long An Phạm Tấn Hòa cho biết, cải cách hành chính là một quá trình không có điểm dừng và ứng dụng công nghệ thông tin vào cải cách hành chính là một trong những yếu tố then chốt giúp tỉnh thực hiện mục tiêu nâng cao hiệu quả công việc, cải thiện chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp và xây dựng nền hành chính phục vụ.

Thời gian qua, tỉnh Long An triển khai các dịch vụ công trực tuyến, xây dựng cổng thông tin điện tử, thành lập Trung tâm IOC tỉnh, nâng cấp hệ thống phần mềm quản lý hồ sơ công việc và tổ chức các buổi tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức.

Về xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, Ủy ban nhân dân tỉnh Long An ban hành nhiều văn bản để tập trung thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số và triển khai Đề án 06. Trung tâm dữ liệu tỉnh Long An được đầu tư, thiết kế các thành phần chức năng cơ bản đáp ứng yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật theo chuẩn Trung tâm dữ liệu theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Các nền tảng, hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh như Hệ thống quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính (phân hệ Một cửa); Hệ thống thư điện tử công vụ; Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP); Hệ thống quản lý cán bộ công chức, viên chức; Kho dữ liệu dùng chung, Cổng dữ liệu mở; cơ sở dữ liệu các ngành;... đều được cài đặt, vận hành tập trung tại Trung tâm dữ liệu tỉnh Long An.

Về Trung tâm điều hành thông minh IOC, hệ thống 1022 tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Long An qua các kênh tương tác: Tổng đài 1022, app Long An Số (app công dân của tỉnh Long An), website 1022.longan.gov.vn, email 1022@longan.gov.vn,... các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện theo quy chế được Ủy ban nhân dân tỉnh Long An ban hành.

Hệ thống camera giám sát được triển khai ở những điểm trọng yếu, nơi tiếp giáp các đơn vị hành chính, liên tỉnh,... giúp phát hiện hành vi vi phạm giao thông (vượt đèn đỏ, chở ba, không đội mũ bảo hiểm,...) và giám sát an ninh, trật tự; đồng thời, theo dõi các chỉ tiêu về kinh tế - xã hội, giải ngân đầu tư, các Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính,... qua app Long An IOC cho lãnh đạo các cấp nắm bắt kịp thời.

Nỗ lực cải cách thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế "một cửa", "một cửa liên thông"

Từ ngày 01/01 đến 31/10/2024, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Long An tiếp nhận 78.020 hồ sơ. Trong đó, tồn kỳ trước 2.041 hồ sơ; tiếp nhận mới 75.979 hồ sơ. Hồ sơ tiếp nhận thông qua Cổng dịch vụ công trực tuyến đạt 97,54%. Số lượng hồ sơ đã giải quyết là 75.871 hồ sơ; trong đó, trước và đúng hạn 75.720 hồ sơ, chiếm 99,8%; quá hạn 151 hồ sơ, chiếm 0,2%.

Về kết quả đánh giá mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm, tổng số lượt đánh giá là 6.903, trong đó: Hài lòng là 6.823 lượt, chiếm 98,84%; bình thường là 61 lượt, chiếm 0,88%; không hài lòng là 19 lượt, chiếm 0,28%.

Để đạt kết quả này, thời gian qua, Trung tâm áp dụng các giải pháp tuyên truyền, thúc đẩy người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến. Trung tâm thực hiện mô hình Quầy thanh niên hỗ trợ công dân hỗ trợ người dân đăng ký tài khoản, tạo lập hồ sơ và thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công của tỉnh, Cổng dịch vụ công quốc gia, góp phần tăng tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến, giúp tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại cho người dân và doanh nghiệp; đồng thời, giúp người dân hiểu và biết rõ quy trình thực hiện, dần hình thành thói quen nộp hồ sơ trực tuyến.

Ngoài ra, Trung tâm phối hợp các đơn vị viễn thông: VNPT, Viettel hỗ trợ, cung cấp chữ ký số miễn phí cho công dân tại Trung tâm. Trung tâm còn phối hợp Bưu điện triển khai dịch vụ trả kết quả hồ sơ, giấy tờ hành chính công qua hệ thống bưu chính công ích áp dụng cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu tự nguyện nhận kết quả tại nhà, sau khi hoàn thành các thủ tục tại Trung tâm, không để thời gian hoàn thành hồ sơ kéo dài, sớm chuyển kết quả đến cá nhân, doanh nghiệp, mang lại sự hài lòng cao.

Đối với hồ sơ trễ hạn, Trung tâm theo dõi, phối hợp, đôn đốc các sở, ngành thực hiện xin lỗi bằng văn bản theo quy chế phối hợp và thủ trưởng đơn vị có hồ sơ trễ hạn chịu trách nhiệm giải trình vào các kỳ kiểm tra, đánh giá.

Ông Phạm Tấn Hòa cho biết, trong bối cảnh của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, việc cải cách hành chính trên môi trường mạng không chỉ là một xu thế tất yếu mà còn là yếu tố quyết định trong việc nâng cao chất lượng phục vụ người dân, giúp giảm thiểu thủ tục hành

chính, giảm thời gian xử lý công việc và tạo môi trường công khai, minh bạch trong các hoạt động hành chính, mang đến sự tiện lợi hơn cho người dân và doanh nghiệp.

*** Chuyển đổi số, cải cách hành chính để phục vụ người dân, doanh nghiệp tốt hơn**

Thời gian qua, Sở Xây dựng tập trung thực hiện chuyển đổi số góp phần nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, vận dụng linh hoạt các quy định của Nhà nước phù hợp với tình hình của địa phương nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, nhà đầu tư thực hiện thủ tục hành chính.

100% hồ sơ được số hóa

Chuyển đổi số ngành Xây dựng được Nhà nước đặc biệt chú trọng phát triển. Cùng với đó, để chuyển đổi số ngành Xây dựng đạt hiệu quả, Sở Xây dựng lựa chọn một số nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2024 để thực hiện. Theo đó, Sở xây dựng kế hoạch, đặt mục tiêu cụ thể: Dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ đạt 90%; số hồ sơ hành chính xử lý trực tuyến đạt 70%; số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 100%; hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng đạt 88%; cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản đạt 80%.

Với kế hoạch và mục tiêu trên, Sở giao các phòng, ban phối hợp Đoàn Thanh niên tuyên truyền, hướng dẫn tổ chức, cá nhân cách sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán số. Bên cạnh đó, việc phổ biến, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cũng được tuyên truyền trên website của Sở, trong các buổi sinh hoạt sau lễ chào cờ đầu tuần và các nền tảng số khác. Đồng thời, Sở phối hợp các Bộ, ngành trong triển khai xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành bảo đảm đồng bộ, hiệu quả, tránh trùng lặp trên quy mô quốc gia; tập trung xây dựng, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và đẩy nhanh tiến độ đưa dữ liệu vào Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh theo Quyết định số 7361/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Long An.

Sở Xây dựng triển khai cung cấp dữ liệu mở phục vụ người dân, doanh nghiệp, thúc đẩy đổi mới sáng tạo dựa trên dữ liệu theo Quyết định số 7360/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An về việc ban hành Danh mục dữ liệu mở và Kế hoạch cung cấp dữ liệu mở trên địa bàn tỉnh Long An về Kho dữ liệu mở của tỉnh, đăng tải các dữ liệu của ngành trên Trang thông tin điện tử của Sở. Sở kết nối, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa Bộ Xây dựng và tỉnh Long An qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP); tiếp tục triển khai Kế hoạch số 800/KH-UBND ngày 16/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030, trong đó chú trọng triển khai làm sạch các cơ sở dữ liệu có liên quan; thu thập, tập hợp các dữ liệu chuyên ngành Xây dựng để làm căn cứ xây dựng dữ liệu số phục vụ công tác quản lý, hoạch định chính sách, chỉ đạo điều hành cho tỉnh, Bộ Xây dựng theo Chỉ thị số 02/CT-BXD ngày 06/4/2022 của Bộ Xây dựng về việc đẩy mạnh chuyển đổi số ngành Xây dựng.

Song song đó, Sở Xây dựng sử dụng các nền tảng số quốc gia đã được công bố, triển khai như nền tảng định danh và xác thực điện tử, nền tảng học trực tuyến mở đại trà - MOOCS; nền tảng khảo sát, thu thập ý kiến người dân; sử dụng các nền tảng của tỉnh đã đưa vào vận hành chính thức, trọng tâm là Nền tảng đô thị thông minh thông qua khai thác sử dụng ứng dụng công dân số Long An Số và ứng dụng Long An IOC.

Cải cách hành chính để phục vụ người dân, doanh nghiệp

Giám đốc Sở Xây dựng Nguyễn Văn Hùng khẳng định, công tác cải cách hành chính tiếp tục được Sở xác định là nhiệm vụ trọng tâm và ban hành nhiều văn bản chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị trực thuộc triển khai tại cơ quan, đơn vị trực thuộc. Từ đó, các đơn vị trực thuộc chủ động ban hành kế hoạch năm và triển khai, thực hiện có chất lượng, đúng tiến độ.

Công tác cải cách hành chính cơ bản thuận lợi, các văn bản quy phạm pháp luật ban hành theo đúng trình tự được quy định, được kiểm soát chặt chẽ, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, khả thi trong toàn tỉnh, mang lại hiệu quả thiết thực, hướng đến chất lượng phục vụ, đáp ứng được yêu cầu của người dân, doanh nghiệp.

Theo đó, trong năm 2024, Sở ban hành, triển khai Kế hoạch số 277/KH-SXD ngày 23/01/2024 triển khai hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính; thực hiện cơ chế "một cửa", "một cửa liên thông" trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực ngành Xây dựng năm 2024.

Sở tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Long An công bố nhiều thủ tục hành chính liên quan đến công tác quản lý nhà nước về xây dựng trên địa bàn tỉnh. Sở bố trí 1 viên chức có trình độ đại học chuyên ngành Xây dựng đáp ứng yêu cầu công việc, có tác phong và ngôn phong chuẩn mực phục vụ Bộ phận "Một cửa" tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Việc tiếp nhận, luân chuyển, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính đều thực hiện trên môi trường mạng. Hồ sơ giải quyết đúng hạn đạt 100%. Đến nay, 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.

Đầu năm 2024, Sở ban hành Kế hoạch số 271/KH-SXD ngày 23/01/2024 kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của ngành Xây dựng năm 2024; Công văn số 234/SXD-VP ngày 18/01/2024 về việc rà soát hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2019 - 2023 thuộc lĩnh vực ngành Xây dựng trên địa bàn tỉnh Long An; Công văn số 1490/SXD-VP ngày 24/4/2024 về việc tăng cường rà soát và xử lý văn bản quy phạm pháp luật sau rà soát hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật kỳ 2019 - 2023 trên địa bàn tỉnh. Qua đó, có 33 văn bản được rà soát và phát hiện 2 văn bản không còn phù hợp được đề xuất dự thảo văn bản thay thế.

Sở cũng rà soát, rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực xây dựng nhằm xây dựng môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, minh bạch, hấp dẫn và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, kinh doanh.

Cũng theo ông Nguyễn Văn Hùng, sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh Long An công bố kết quả Bộ Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành và địa phương (DDCI) và sơ kết Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số Xanh cấp tỉnh (PGI) trong năm 2023 của tỉnh, Sở Xây dựng tiếp tục triển khai, thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ đề ra của Kế hoạch

thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2024 của tỉnh Long An. Trong đó, Sở tăng cường vai trò, trách nhiệm người đứng đầu trong chỉ đạo thực hiện cải cách hành chính, xác định nhiệm vụ cải cách hành chính là nhiệm vụ trọng tâm, bảo đảm tính toàn diện, đồng bộ, thông suốt. Qua đó, nâng cao tinh thần trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ; gắn kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính với đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức và xét thi đua, khen thưởng hàng năm.

Việc bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm đúng trình độ chuyên môn; tăng cường công tác giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, tác phong, kỹ năng thực thi công vụ; thực hiện phương pháp đo lường sự hài lòng của tổ chức, công dân trong thực hiện thủ tục hành chính;... cũng được Sở thực hiện thường xuyên và định kỳ.

Nguồn: baolongan.vn

NHỮNG ĐẶC TRƯNG CỦA NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 27-NQ/TW

Nghị quyết số 27-NQ/TW Hội nghị Trung ương lần thứ sáu khóa XIII về “Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong tình hình mới” đã làm rõ hơn, phong phú và sâu sắc hơn những đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đó là những nội dung cơ bản của bài viết này.

Nhận thức mới của Đảng ta về những đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Tại Hội nghị Trung ương lần thứ sáu khóa XIII, Đảng ta đã thông qua Nghị quyết số 27-NQ/TW về “Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong tình hình mới”, trong đó quán triệt sâu sắc việc “xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị; được tiến hành đồng bộ với thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”(1). So với các nghị quyết về xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong các Hội nghị trước đây và các Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng từ khóa VI đến khóa XIII, Nghị quyết số 27-NQ/TW khóa XIII đã thể hiện rõ tư duy mới, đột phá, toàn diện của Đảng ta về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trong đó, nhận thức của Đảng ta về các đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam sáng tỏ, đầy đủ và toàn diện hơn: “Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân; quyền con người, quyền công dân được công nhận, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ theo Hiến pháp và pháp luật; Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật; quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ và kiểm soát hiệu quả giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp; hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, nhân đạo, đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, kịp thời, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, dễ tiếp cận, được thực hiện nghiêm minh và nhất quán; độc lập của tòa án theo thẩm quyền xét xử, thẩm phán, hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; tôn trọng và bảo đảm thực hiện các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế”(2).

Những đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo nhận thức mới của Đảng ta

Tại Nghị quyết số 27-NQ/TW Hội nghị Trung ương lần thứ sáu khóa XIII, Đảng ta đã chỉ rõ tám đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay với những nội dung nổi bật như sau:

Đặc trưng thứ nhất - Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

Đặc trưng này thể hiện tính đặc thù của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tương hợp với thể chế chính trị và cơ chế vận hành của hệ thống chính trị Việt Nam. Địa vị chính trị, pháp lý và vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam trong lãnh đạo Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được hiến định tại Điều 4 Hiến pháp năm 1980, Hiến pháp năm 1992, Hiến pháp năm 2013. Điều 4 Hiến pháp năm 2013 ghi nhận và khẳng định: Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội; gắn bó mật thiết với Nhân dân, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình; các tổ chức của Đảng và đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng “Cương lĩnh, chiến lược, các chủ trương, chính sách lớn, bằng công tác tổ chức, cán bộ, bằng kiểm tra, giám sát; lãnh đạo thể chế hóa các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng thành chính sách, pháp luật; lãnh đạo xây dựng tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; lãnh đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách, Hiến pháp và pháp luật; chú trọng lãnh đạo đổi mới, nâng cao chất lượng lập pháp, cải cách hành chính và cải cách tư pháp. Các tổ chức của Đảng và đảng viên, nhất là tổ chức, đảng viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước vừa phải gương mẫu tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, vừa phải nêu cao vai trò tiên phong trong thực hiện chủ trương, đường lối, các quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước”(3).

Đặc trưng thứ hai - Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân.

Đặc trưng này đã thể chế hóa Cương lĩnh xây dựng và phát triển đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011). Hiến pháp năm 2013 đã hiến định: Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.

Một là, Nhà nước của Nhân dân. Điều này xác định rõ địa vị chính trị - pháp lý của Nhân dân - chủ thể sở hữu đối với Nhà nước mà cụ thể là quyền lực nhà nước. Nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước, tất cả quyền lực nhà nước đều thuộc về Nhân dân, nghĩa là Nhân dân là chủ thể đích thực và duy nhất của Nhà nước, Nhân dân là chủ “sở hữu” đích thực, duy nhất đối với quyền lực nhà nước.

Nhân dân là chủ của Nhà nước thì Nhân dân được hưởng mọi quyền dân chủ, có quyền sống tự do và làm việc theo khả năng, sở thích của mình trong phạm vi pháp luật không cấm. Nhà nước phải bảo hộ quyền làm chủ của Nhân dân thông qua việc xây dựng, hoàn thiện thể chế và thiết chế dân chủ để Nhân dân được làm chủ thực sự trong thực tế trên tất cả các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Đặc biệt, Nhân dân thực hiện quyền kiểm soát Nhà nước thông qua cơ chế bầu cử, bãi miễn đại biểu (Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp),

khieu nại, khieu kiện, tố cáo, kiến nghị, giám sát và phản biện xã hội đối với cơ quan nhà nước hoặc cá nhân được cơ quan nhà nước ủy quyền trong quá trình hoạch định và thực hiện chính sách, pháp luật. Cho nên, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là chính thể hợp hiến, hợp pháp, là chủ thể đại diện của quốc gia thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam; Nhân dân là chủ nhân chân chính, tối cao của Nhà nước và mọi quyền hành, lực lượng đều xuất phát từ Nhân dân.

Hai là, Nhà nước do Nhân dân. Nhà nước do Nhân dân nghĩa là Nhà nước do Nhân dân trực tiếp dựng lên; cán bộ nhà nước do Nhân dân lựa chọn bầu ra (trực tiếp hoặc gián tiếp); tài chính của Nhà nước do Nhân dân đóng góp; chính sách, pháp luật, cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước do Nhân dân tham gia xây dựng; các hoạt động của Nhà nước đặt dưới sự giám sát của Nhân dân. Tất cả các cán bộ, công chức và cơ quan nhà nước phải dựa vào Nhân dân, liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến, chịu trách nhiệm trước Nhân dân và do Nhân dân kiểm tra, giám sát(4). Mọi chính sách, pháp luật do Nhân dân thực hiện; Nhân dân chăm lo sản xuất để tạo ra của cải vật chất phát triển kinh tế - xã hội, “nuôi sống” Nhà nước; Nhân dân có quyền bãi miễn đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân nếu những đại biểu ấy tỏ ra không xứng đáng với sự tín nhiệm của Nhân dân.

Ba là, Nhà nước vì Nhân dân. Nhà nước vì Nhân dân lấy lợi ích chính đáng của Nhân dân làm mục tiêu, tất cả đều vì lợi ích của Nhân dân, ngoài ra không có bất cứ một lợi ích nào khác, đó là nhà nước trong sạch, không có bất cứ một đặc quyền đặc lợi nào. Nhà nước chăm lo đời sống của Nhân dân cả vật chất và tinh thần, “Bao nhiêu lợi ích đều vì dân”, mọi chính sách, pháp luật của Nhà nước phải hướng đến Nhân dân; tất cả cán bộ, công chức, viên chức nhà nước phải phục vụ Nhân dân, là “đầy tớ” thật sự trung thành của Nhân dân, nghĩa là Nhà nước phục vụ cho lợi ích và nguyện vọng chính đáng của Nhân dân.

Nhà nước bảo đảm quyền bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và tương trợ lẫn nhau giữa các dân tộc. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam phục vụ Nhân dân, phụng sự Tổ quốc, có mục đích duy nhất là mưu cầu tự do, hạnh phúc cho Nhân dân, đặt quyền lợi của Nhân dân là trên hết, trước hết; toàn bộ thể chế nhà nước, từ chính sách, pháp luật, các thiết chế và cơ chế thực thi quyền lực, các nguồn lực đang nắm giữ phải được vận hành, quản lý, sử dụng hợp pháp, hợp lý và hiệu quả để đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng, ý chí và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân và của quốc gia - dân tộc.

Đặc trưng thứ ba - quyền con người, quyền công dân được công nhận, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ theo Hiến pháp và pháp luật.

Công nhận, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân là mục tiêu, động lực và bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa; là trách nhiệm, nghĩa vụ của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, là giá trị cao cả của xã hội.

Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn thống nhất và nhất quán quan điểm lấy người dân là trung tâm, bảo đảm quyền con người và phát triển con người toàn diện: “Phát huy tối đa nhân tố con người; con người là trung tâm, chủ thể, là nguồn lực chủ yếu và mục tiêu của sự phát triển”(5); “Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ

quốc; mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ cuộc sống, nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của Nhân dân, lấy hạnh phúc, ấm no của Nhân dân là mục tiêu phấn đấu”(6). Tuy nhiên, Khoản 4 Điều 15 Hiến pháp năm 2013 quy định “Việc thực hiện quyền con người, quyền công dân không được xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác”.

Đặc trưng thứ tư - Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật.

Đây là đặc trưng xuyên suốt, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm, tổ chức bộ máy nhà nước do Hiến pháp và pháp luật quy định; mọi hoạt động của các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ chỉ được làm những gì Hiến pháp và pháp luật quy định, không được tự mình đặt ra những thẩm quyền ngoài quy định của Hiến pháp và pháp luật. Các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức nhà nước phải có trách nhiệm và nêu gương tinh thần thượng tôn Hiến pháp và bảo vệ sự tôn nghiêm của Hiến pháp. Mọi hành vi vi phạm Hiến pháp và pháp luật phải được phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm minh; xây dựng cơ chế bảo vệ Hiến pháp phù hợp, hiệu lực, hiệu quả theo luật định như hiến định trong Hiến pháp năm 2013 (Khoản 2 Điều 119) và quan điểm “hoàn thiện cơ chế bảo vệ Hiến pháp”(7) của Đảng ta được khẳng định tại Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

Đặc trưng thứ năm - quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ và kiểm soát hiệu quả giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

Đây là giá trị đặc thù của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, gắn với thể chế chính trị và vận hành hệ thống chính trị Việt Nam. Nhân dân là chủ thể tối cao và duy nhất của quyền lực nhà nước; quyền lực nhà nước thống nhất ở Nhân dân, được hình thành trên cơ sở của sức mạnh đoàn kết dân tộc, những truyền thống tốt đẹp trong lịch sử dựng nước và giữ nước. Để thực hiện hiệu quả quyền lực nhà nước, phòng ngừa sự tha hóa quyền lực nhà nước, bảo đảm chủ quyền Nhân dân, quyền lực nhà nước phải được phân công rành mạch hợp lý, bảo đảm tính thống nhất, phối hợp chặt chẽ và kiểm soát hiệu quả giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Nhân dân trao quyền cho Quốc hội thực hiện quyền lập pháp, Chính phủ thực hiện quyền hành pháp và Tòa án thực hiện quyền tư pháp. Cơ chế trao quyền và phạm vi thẩm quyền của các chủ thể này được quy định trong Hiến pháp (Chương V, VII, VIII của Hiến pháp năm 2013) và Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2020); Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019); Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014.

Đặc trưng thứ sáu - hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, nhân đạo, đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, kịp thời, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, dễ tiếp cận, được thực hiện nghiêm minh và nhất quán.

Đây là đặc trưng mang tính phổ biến của nhà nước pháp quyền, trong đó có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; đồng thời, là điều kiện cần và đủ để bảo đảm xã hội có trật tự, kỷ cương, xác lập được vị trí tối thượng của pháp luật trong điều chỉnh các quan hệ xã hội. Trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, hệ thống pháp luật phải đáp ứng các yêu cầu sau:

Một là, hệ thống pháp luật phải dân chủ, công bằng, nhân đạo, vì con người. Yêu cầu này đòi hỏi hệ thống pháp luật phải được xây dựng theo phương thức dân chủ, phản ánh ý chí, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân, ghi nhận, bảo đảm, bảo vệ quyền làm chủ của người dân, cơ chế để người dân thực hành quyền làm chủ của mình. Thêm vào đó, hệ thống pháp luật phải bảo đảm sự bình đẳng của mọi chủ thể trước pháp luật, trước cơ quan tài phán, tạo ra khuôn khổ pháp lý cho các chủ thể khác quan trong xã hội phát huy hết trí tuệ, năng lực của mình cho sự phát triển của đất nước và được phân phối sản phẩm lao động xã hội một cách công bằng, thực sự thụ hưởng xứng đáng thành quả lao động của bản thân mình.

Hai là, hệ thống pháp luật phải đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, kịp thời, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, dễ tiếp cận. Bên cạnh đó, hệ thống pháp luật phải thỏa mãn yêu cầu không chứa đựng những quy định mâu thuẫn, chòng chẹo, những chỉ dẫn trái ngược nhau đối với hành vi xử sự của các chủ thể pháp luật.

Trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, hệ thống pháp luật phải được thực hiện nghiêm minh, nhất quán và hiệu quả. Tính nghiêm minh, nhất quán trong việc thực hiện pháp luật đòi hỏi các tình huống pháp lý, vụ việc vi phạm pháp luật tương tự nhau phải được xử lý theo các cách thức và hệ quả pháp lý tương tự như nhau. Tính hiệu quả trong thực hiện pháp luật được thể hiện bằng cách thức thực hiện ít tốn kém nhất mà vẫn đạt được mục tiêu, yêu cầu điều chỉnh tốt các quan hệ xã hội đặt ra.

Đặc trưng thứ bảy - độc lập của Tòa án theo thẩm quyền xét xử, thẩm phán, hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật.

Đây là một trong những giá trị cốt lõi, được cộng đồng quốc tế thừa nhận như là một giá trị phổ biến không thể thiếu của Nhà nước pháp quyền; là điều kiện để thực hiện chức năng quan trọng của Nhà nước: thực hiện pháp luật công bằng, nghiêm minh, bảo vệ hiệu quả các quyền con người, quyền công dân, duy trì và bảo vệ công lý.

Độc lập của Tòa án theo thẩm quyền xét xử thể hiện ở chỗ mỗi cấp phải có sự độc lập đối với cơ quan thực hiện quyền lập pháp, quyền hành pháp cùng cấp và cấp ủy cùng cấp. Theo đó, Tòa án các cấp không bị chỉ đạo, lệ thuộc về mặt tổ chức, nhân sự, kinh phí, chế độ trách nhiệm từ phía chính quyền cùng cấp.

Bên cạnh đó, tính độc lập của Tòa án đã được hiến định tại Khoản 2 Điều 103 Hiến pháp năm 2013: “Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm”. Sự độc lập của Thẩm phán và Hội thẩm trong xét xử được thể hiện trên các phương diện sau: 1) Độc lập với tất cả các yếu tố tác động từ bên ngoài hệ thống Tòa án, ngay cả Tòa án cấp trên và từ bên trong nội bộ Tòa án mà Thẩm phán, Hội thẩm tiến hành xét xử; 2) Thẩm phán và Hội thẩm

phải độc lập với nhau trong việc đánh giá tính chất, mức độ của vụ án và áp dụng pháp luật; 3) Thẩm phán và Hội thẩm phải độc lập với các bên tiến hành và tham gia tố tụng khác (kiểm sát viên, người bào chữa); 4) Thẩm phán và Hội thẩm phải độc lập với các bên đương sự mà họ đang giải quyết; 5) Thẩm phán và Hội thẩm phải không chịu sự tác động bởi các lợi ích cá nhân hay “nhóm lợi ích” đối với bản thân họ.

Ngoài ra, trong mối quan hệ với các tổ chức xã hội, Tòa án không chịu sức ép bởi các bình luận, nhận định, dư luận xã hội và công chúng về thông tin vụ án.

Đặc trưng thứ tám - tôn trọng và bảo đảm thực hiện các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế.

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam tôn trọng Hiến chương Liên hợp quốc, tuân thủ pháp luật quốc tế và thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế của Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế trên cơ sở giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; tăng cường sức mạnh quốc gia, nâng cao vị thế, uy tín của đất nước; góp phần tích cực vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

PGS. TS. Trương Hồ Hải, Viện Nhà nước và Pháp luật, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

TS. Đặng Việt Đạt, Học viện Chính trị khu vực IV

Nguồn: tcnn.vn

Ghi chú:

(1), (2) Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết số 27-NQ/TW về “Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong tình hình mới”, tr.6; tr.6.

(3), (5), (6), (7) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, H.2021, tr.197, tr.47, tr.27-28, tr.176.

(4) Nguyễn Duy Quý và Nguyễn Tất Viễn, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân: Lý luận và thực tiễn, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, H.2008, tr.92.

ĐỪNG ĐỂ DOANH NGHIỆP "CHÔN CHÂN" VÌ... THỦ TỤC

Cần quyết tâm mạnh mẽ hơn nữa trong tháo gỡ các rào cản về giấy phép, điều kiện kinh doanh, từ đó tạo điều kiện cho doanh nghiệp vươn lên, đóng góp vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Tại các phiên thảo luận về kinh tế - xã hội, kỳ họp thứ 8, quốc hội khóa XV, vấn đề về cải cách thủ tục hành chính, đặc biệt là cắt giảm điều kiện kinh doanh tiếp tục được nhiều đại biểu nhấn mạnh, cho thấy tính bức thiết của vấn đề này.

Rào cản vô hình bóp nghẹt khát vọng

Đại biểu Lê Thanh Tân, đoàn đại biểu Quốc hội TP. Hải Phòng phản ánh môi trường kinh doanh ở Việt Nam đã thông thoáng hơn rất nhiều, tuy nhiên các doanh nghiệp vẫn than phiền về những rủi ro, khó khăn gặp phải ngay từ khi bắt đầu khởi nghiệp. Đó là các điều kiện kinh doanh, tiêu chuẩn, quy chuẩn khó thực thi.

"Nhiều rào cản như khó khăn thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện, phát sinh chi phí không chính thức,... khiến doanh nghiệp phải trì hoãn, thậm chí hủy bỏ kế hoạch kinh doanh, gây lãng phí cả về thời gian, nguồn lực và cơ hội". Đại biểu cho biết đây cũng là một trong những nguyên nhân của tình trạng "doanh nghiệp chậm lớn".

Mặc dù đã có nhiều nỗ lực cải cách hành chính, đơn giản hóa thủ tục, song môi trường kinh doanh tại Việt Nam vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định. Nhiều quy định, điều kiện kinh doanh còn chồng chéo, phức tạp, gây khó khăn cho doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Kết quả khảo sát Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (năm 2021, 2022) cho thấy khoảng 61% doanh nghiệp gặp khó khăn khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp phép kinh doanh có điều kiện. Tỷ lệ doanh nghiệp trả chi phí không chính thức trong hoạt động cấp giấy phép kinh doanh có điều kiện chiếm 61,36%. Những phiền hà về cấp giấy phép kinh doanh là nguyên nhân khiến khoảng 21,7% doanh nghiệp phải trì hoãn hoặc hủy bỏ kế hoạch kinh doanh.

"Doanh nghiệp không cần cái gì cũng hỗ trợ bằng tiền. Họ mong muốn thông thoáng về thủ tục hành chính", bà Trịnh Thị Ngân, Trưởng ban cố vấn, Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa TP. Hà Nội trao đổi với phóng viên Báo vnbusiness. Bà cho biết, hiện nay doanh nghiệp còn vướng rất nhiều thủ tục, nhất khi thành lập.

"Ban đầu doanh nghiệp đăng ký kinh doanh ở địa điểm A, người ta không cho thuê, phải chuyển đến địa điểm B, lại phải đi thay đổi. Đăng ký kinh doanh mặt hàng A, mặt hàng B thì khi thay đổi, bổ sung thì cũng lại phải đi thay đổi, bổ sung. Hoặc, vấn đề về tên người đại diện cũng tương tự", bà Ngân kiến nghị các cấp có thẩm quyền xem xét giảm các thủ tục không cần thiết.

Cũng theo bà Ngân, hiện nay còn rất nhiều "giấy phép con" - giấy phép chuyên ngành với các quy định hết sức ngặt nghèo.

"Ví dụ như quy định về an toàn thực phẩm, quy định về phòng, chống cháy nổ,... Phòng, chống cháy nổ là quan trọng, cần thiết nhưng cần dựa theo tính đặc thù của từng loại sản phẩm, lĩnh vực sản xuất để đưa ra các tiêu chí. Chứ không phải nhất nhất doanh nghiệp nào cũng phải áp dụng giống nhau như hiện nay", đại diện Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa TP. Hà Nội kiến nghị.

Theo thống kê, từ năm 2021 đến hết tháng 3/2024, có 2.866 quy định kinh doanh đã được cắt giảm, đơn giản hóa tại 243 văn bản quy phạm pháp luật. Tuy nhiên, kết quả này được đánh giá còn khiêm tốn so với yêu cầu thực tiễn. Đặc biệt, số lượng thủ tục hành chính về cấp phép (từ gia nhập thị trường đến thực hiện một hoạt động cụ thể trong quá trình đầu tư, sản xuất, kinh doanh) còn rất lớn, với 5.183 thủ tục - chiếm 81,6% tổng số thủ tục hành chính của cả nước.

Điều kiện kinh doanh vẫn tạo nhiều rào cản, hạn chế về quyền tự do kinh doanh và ẩn chứa rủi ro với doanh nghiệp. Giữa "vòng vây" các quy định còn tồn tại, mục tiêu đến năm 2030 có 2 triệu doanh nghiệp được nhận định là thách thức lớn.

Quyết tâm "cởi trói" cho doanh nghiệp

Theo các doanh nghiệp, hiệp hội và chuyên gia, nhiều sản phẩm, dịch vụ được áp dụng điều kiện kinh doanh là biện pháp quản lý quá mức cần thiết, không phù hợp. Thay vì đặt ra điều kiện kinh doanh, nên ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn phù hợp như yêu cầu đối với sản phẩm, hàng hóa trước khi lưu thông vào thị trường; nghĩa vụ doanh nghiệp phải thực hiện trong quá trình sản xuất, kinh doanh hay các chế tài đủ mạnh để răn đe đối với các hành vi vi phạm.

Tại kỳ họp này, trên cơ sở ý kiến thảo luận của đại biểu Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã đồng ý bỏ quy định kinh doanh dịch vụ phòng cháy, chữa cháy là ngành nghề kinh doanh có điều kiện trong dự thảo Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

Quyết định này tạo điều kiện thông thoáng cho doanh nghiệp, tăng cường chế độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm dưới sự kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước.

Theo đại biểu Lã Thanh Tân, đây chính là đổi mới công tác lập pháp theo hướng vừa bảo đảm quản lý nhà nước, vừa khơi thông nguồn lực để phát triển; quyết tâm từ bỏ tư duy "không quản được thì cấm" và phòng chống lãng phí trong công tác xây dựng pháp luật. Quan trọng hơn, điều này cho thấy việc cắt giảm điều kiện kinh doanh có thể thực hiện được.

Để chuẩn bị cho giai đoạn 2025 - 2030, Văn phòng Chính phủ đang xây dựng dự thảo Nghị quyết của Chính phủ phê duyệt Chương trình cắt giảm giấy phép và đổi mới hoạt động cấp phép tại Bộ, ngành, địa phương giai đoạn này.

Dự thảo Nghị quyết đặt ra 5 nhóm nhiệm vụ trọng tâm bao gồm: thực hiện cắt giảm giấy phép, đơn giản hóa thủ tục cấp phép dựa trên công nghệ số, dữ liệu số; rà soát, cắt giảm ngành nghề đầu tư, kinh doanh số có điều kiện và điều kiện đầu tư, kinh doanh; đẩy mạnh phân cấp

trong thực hiện thủ tục hành chính; chuyển giao một số hoạt động hoặc thủ tục cấp phép cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội đảm nhiệm và đổi mới việc thực hiện hoạt động cấp phép.

Trong đó, đối với nhiệm vụ rà soát, cắt giảm ngành, nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư, kinh doanh, đặt mục tiêu đến năm 2026, sửa đổi hoặc bãi bỏ 100% các điều kiện đầu tư, kinh doanh quy định chung chung, không rõ ràng, thiếu cụ thể. Hằng năm, rà soát, bãi bỏ tối thiểu 5% điều kiện đầu tư, kinh doanh không hợp pháp hoặc không còn phù hợp thực tiễn hoặc can thiệp sâu vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp hoặc có thể thay thế bằng biện pháp quản lý khác hiệu quả hơn, bảo đảm đến năm 2030 bãi bỏ tối thiểu 30% điều kiện đầu tư, kinh doanh so với năm 2024. Đến năm 2030, bãi bỏ hoặc thu hẹp phạm vi của các ngành, nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện tối thiểu 20% so với năm 2024.

Theo Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, dự thảo đã đề ra các mục tiêu rất cụ thể, rõ ràng, thể hiện tinh thần quyết liệt trong hoạt động cải cách và thúc đẩy môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi. Cộng đồng doanh nghiệp đánh giá rất cao Nghị quyết và kỳ vọng những tác động tích cực của Nghị quyết vào môi trường đầu tư kinh doanh trong thời gian tới, tạo động lực cho doanh nghiệp phát triển, góp phần đưa đất nước tiến lên trong kỷ nguyên mới.

Nguồn: vnbusiness.vn

TUYÊN QUANG: TĂNG CƯỜNG KỶ LUẬT, KỶ CƯƠNG HÀNH CHÍNH

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương là một trong những nội dung nằm trong 5 nhiệm vụ trọng tâm mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XVII đề ra trong nhiệm kỳ 2020 - 2025. Việc bổ sung nội dung tăng cường kỷ luật, kỷ cương là điểm mới và cũng là một bước đi thiết yếu để đảm bảo hiệu quả công vụ, nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân trong nhiệm kỳ này.

Kỷ luật, kỷ cương được đề cao

Trong thời gian qua, các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trong tỉnh đã quan tâm, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo với nhiều biện pháp đồng bộ, quyết liệt nhằm chấn chỉnh tác phong, lề lối làm việc, nâng cao trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức.

Các cơ quan, đơn vị đã từng bước xây dựng phong cách ứng xử, lề lối làm việc, đạo đức, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu xây dựng nền hành chính phục vụ; quan tâm lãnh đạo thực hiện hiệu quả cải cách công vụ, cải cách hành chính trong cơ quan và thực hiện đồng bộ các giải pháp chống quan liêu, cửa quyền, sách nhiễu trong quá trình thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, đảng viên; xây dựng chương trình, kế hoạch công tác trên cơ sở chức danh, vị trí việc làm hiện có phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm cụ thể của từng tổ chức, bộ phận và của từng cá nhân đồng thời

định kỳ đánh giá kết quả thực hiện chương trình, kế hoạch công tác gắn với kết quả thực hiện để tổng hợp, đưa vào đánh giá, xếp loại, thi đua, khen thưởng.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Tuyên Quang cũng đã ban hành Quy định về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung nhằm khắc phục tình trạng né tránh, đùn đẩy, thiếu trách nhiệm khi thực hiện chức trách, nhiệm vụ khác được giao. Cùng với đó, các cơ quan, đơn vị tăng cường công tác theo dõi, kiểm tra thực hiện đạo đức công vụ, việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính. Thông qua tăng cường kiểm tra cũng là biện pháp cảnh báo, phòng ngừa không để lơ là, vi phạm, làm ảnh hưởng đến hình ảnh, uy tín của cán bộ, công chức và hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước.

Việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, tác phong, lề lối làm việc, tinh thần trách nhiệm trong xử lý công việc, chất lượng công tác tham mưu, tiến độ giải quyết công việc, hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành và quản lý nhà nước, thái độ phục vụ Nhân dân, tổ chức, doanh nghiệp của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh bước đầu đã có chuyển biến tích cực; cán bộ, công chức, viên chức nâng cao ý thức trách nhiệm, thực hiện đúng và tốt hơn chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, góp phần quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh.

Vẫn còn tình trạng thiếu chấp hành kỷ luật, kỷ cương

Tuy nhiên, qua đánh giá của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang cho thấy vẫn còn một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa chấp hành nghiêm sự chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; còn tình trạng thực hiện nhiệm vụ chưa kịp thời, có việc còn chậm, muộn kéo dài. Một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị thiếu chủ động, né tránh, đùn đẩy, không làm hết trách nhiệm trong giải quyết công việc, như: Cơ quan được phối hợp tham gia ý kiến về nội dung công việc có liên quan trả lời còn chung chung, không thể hiện quan điểm, chính kiến theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị mình; cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì tham mưu, đề xuất, tổng hợp chưa làm hết trách nhiệm của cơ quan chủ trì, chưa thể hiện quan điểm, chính kiến rõ ràng, chưa rà soát hết trách nhiệm của các cơ quan liên quan, còn đẩy việc lên Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định...; công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp trong thực hiện một số nhiệm vụ được giao chưa chặt chẽ, thiếu thống nhất; một số cán bộ, công chức, viên chức còn vi phạm các quy định của Đảng và pháp luật Nhà nước đến mức phải xử lý, kỷ luật...

Những tồn tại này không chỉ làm giảm tính nghiêm minh trong việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, thực thi công vụ, ảnh hưởng lớn đến tiến độ, hiệu quả xử lý từng công việc cụ thể, đồng thời tác động đến nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, mục tiêu cải thiện, nâng cao Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)... và là yếu tố kìm hãm sự phát triển của tỉnh.

Nguyên nhân chủ yếu của những tồn tại, hạn chế nêu trên do: công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt, tổ chức thực hiện các quy định về kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ

của một cấp ủy, chính quyền chưa được quan tâm đúng mức, chưa thường xuyên, thiếu quyết liệt. Phương pháp quản lý cán bộ, công chức chưa phù hợp, chưa phát huy được năng lực, sở trường, thiếu đổi mới, sáng tạo. Việc quán triệt, tổ chức thực hiện các quy định, quy chế thiếu thường xuyên, chưa gắn việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính vào việc đánh giá, xếp loại đối với tổ chức đảng, đảng viên, tập thể và cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý, đội ngũ cán bộ, công chức hằng năm. Trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu còn hạn chế. Chưa phát huy tốt vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; công tác kiểm tra, giám sát chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính chưa thường xuyên nên việc phát hiện cán bộ, công chức vi phạm chưa kịp thời, xử lý thiếu nghiêm minh, chưa đủ sức răn đe, giáo dục...

Nâng cao ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức

Việc tăng cường kỷ luật kỷ cương đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang Nguyễn Văn Sơn nêu ra nhiều lần qua các kỳ họp thường kỳ của Ủy ban nhân dân tỉnh. Một trong những yếu tố quan trọng để tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính là việc nâng cao ý thức trách nhiệm và tinh thần phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Chủ tịch Nguyễn Văn Sơn đã đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương cần bám sát Quy chế làm việc, bám sát sự chỉ đạo Chính phủ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, chương trình công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang để triển khai tốt nhiệm vụ; phải tăng cường quán triệt, tuyên truyền, tạo bước chuyển biến căn bản, rõ nét trong nhận thức, ý thức trách nhiệm và hành động của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu trong việc đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường kỷ luật, kỷ cương, khắc phục tình trạng né tránh, đùn đẩy, sợ trách nhiệm, không làm đúng, đầy đủ chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị phải nêu gương trong thực thi nhiệm vụ, đi đầu về tác phong, lề lối làm việc; là trung tâm đoàn kết, tấm gương về tinh thần công hiến và tư duy đổi mới, khát vọng phát triển để lan tỏa, truyền cảm hứng cho cán bộ, công chức, viên chức cấp dưới học tập, noi theo.

Chú trọng công tác kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm kỷ luật hành chính. Cơ quan thanh tra của tỉnh đã thực hiện nhiều cuộc kiểm tra đột xuất và định kỳ nhằm phát hiện, ngăn chặn các hành vi tiêu cực, những nhiễu. Các trường hợp vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định, từ phê bình, khiển trách cho đến đình chỉ công tác hoặc xử lý kỷ luật nghiêm khắc. Điều này không chỉ nâng cao tính răn đe mà còn tăng cường sự minh bạch, công bằng trong các hoạt động công vụ.

Song song với việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương cần đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp khi làm thủ tục. Hệ thống công nghệ thông tin, dịch vụ công trực tuyến được triển khai nhằm giúp người dân có thể thực hiện các thủ tục một cách nhanh chóng, tiện lợi, tiết kiệm thời gian và chi phí. Điều này cũng góp phần giảm thiểu tình trạng nhiễu, tăng cường tính minh bạch, hiệu quả trong công tác hành chính.

Vừa qua Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã có Chỉ thị về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao trách nhiệm thực thi nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị

trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Chỉ thị đề ra các nhiệm vụ trọng tâm cho người đứng đầu các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố triển khai thực hiện ngay. Trong đó, phải nêu gương trong thực thi nhiệm vụ, đi đầu về tác phong, lề lối làm việc.

Đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo; chịu trách nhiệm cá nhân, trực tiếp và toàn diện trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và trước pháp luật đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền, được phân công, ủy quyền, được giao nhiệm vụ. Chủ động, tích cực giải quyết công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Đồng chí Nguyễn Văn Sơn cũng đặt các yêu cầu đối với cán bộ công chức, người lao động phải nêu cao tinh thần trách nhiệm, thái độ làm việc; thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính; tuân thủ các quy định về chuẩn mực giao tiếp, quy tắc ứng xử trong thực thi công vụ, hoạt động nghề nghiệp, kỷ luật phát ngôn...

Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ Nguyễn Văn Việt: Trách nhiệm thực thi công vụ

Năm 2023 và 2024, Sở đã tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang tổ chức kiểm tra trách nhiệm người đứng đầu trong việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính và kiểm tra việc chấp hành các quy định về đạo đức công vụ, văn hóa công sở của cán bộ, công chức, viên chức tại 32 cơ quan, đơn vị. Qua đó, góp phần tạo sự chuyển biến, nâng cao trách nhiệm trong xử lý công việc, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị và trách nhiệm trong thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Trong thời gian tới, Sở Nội vụ tiếp tục tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang tăng cường kiểm tra trách nhiệm người đứng đầu và việc chấp hành các quy định về văn hóa công sở của cán bộ, công chức, đặc biệt là các nội dung theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 22/10/2024 về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao trách nhiệm thực thi nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Phạm Mạnh Duyệt: Nỗ lực cải cách hành chính

Xác định cải cách hành chính là khâu đột phá và là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục, Sở Tài nguyên và Môi trường đặc biệt quan tâm đến công tác chỉ đạo, điều hành, đồng thời không ngừng nâng cao chức trách, nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong quá trình thực thi nhiệm vụ. Chỉ tính riêng 10 tháng của năm 2024, ngành đã tiếp nhận trực tuyến trên 37.000 hồ sơ, đạt tỷ lệ 91,2% tổng số hồ sơ nộp vào; số hồ sơ đã được giải quyết đúng hạn đạt 98,5%, mang đến sự hài lòng, niềm tin cho Nhân dân, doanh nghiệp. Tuy nhiên, nỗ lực riêng của ngành là chưa đủ, bởi nhiều thủ tục hành chính liên quan đến rất nhiều ngành, cơ quan, đơn vị. Do đó, ngành mong muốn, các ngành, cơ quan liên quan tích cực, chủ động, phối hợp chặt chẽ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Có như vậy mới cải cách hiệu quả các thủ tục hành chính, mang lại sự hài lòng thực sự cho người dân, doanh nghiệp.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương Giang Tuấn Anh: Xây dựng phong cách, lễ lối làm việc

Huyện Sơn Dương đã và đang triển khai nhiều giải pháp đồng bộ nhằm chấn chỉnh nâng cao ý thức trách nhiệm và tinh thần phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Trong đó, đặc biệt coi trọng và thực hiện nghiêm túc công tác tổ chức phổ biến, quán triệt và tuyên truyền thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính các cấp; chỉ đạo làm tốt vai trò người đứng đầu trong gương mẫu thực hiện... Năm 2021, huyện đã ban hành Chỉ thị số 01/CT-UBND về tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính, nâng cao tinh thần trách nhiệm trong thực thi công vụ, nhiệm vụ của đội ngũ công chức, viên chức trên địa bàn huyện. Qua đó, việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp nhà nước trên địa bàn huyện đã có sự chuyển biến rõ nét trong nhận thức và hành động của người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức.

Chủ tịch Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Tuyên Quang Nguyễn Hữu Thập: Nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức

Trong bối cảnh phát triển và hội nhập, vai trò của cán bộ, công chức trong việc phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng trở nên quan trọng. Để xây dựng môi trường kinh doanh lành mạnh và phát triển bền vững, ý thức và trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức là điều tiên quyết. Họ là những người thực thi chính sách, nhưng cũng là cầu nối giữa Nhà nước và người dân, doanh nghiệp. Tinh thần phục vụ tận tâm, lắng nghe, sẵn sàng hỗ trợ và giải quyết khó khăn của doanh nghiệp sẽ tạo ra động lực lớn cho cộng đồng doanh nghiệp phát triển, đóng góp vào ngân sách nhà nước và tạo công ăn việc làm cho người lao động. Tôi tin rằng ý thức và trách nhiệm phục vụ của cán bộ, công chức sẽ là yếu tố then chốt để nâng cao uy tín và hiệu quả của bộ máy hành chính, đồng thời xây dựng niềm tin của người dân và doanh nghiệp đối với Nhà nước.

Nguồn: baotuyenquang.com.vn

CHÍNH PHỦ: QUY ĐỊNH MỚI VỀ QUẢN LÝ, CUNG CẤP, SỬ DỤNG DỊCH VỤ INTERNET VÀ THÔNG TIN TRÊN MẠNG

Ngày 09/11/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 147/2024/NĐ-CP quy định quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

Nghị định này quy định biện pháp thi hành việc quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet, thông tin trên mạng, bao gồm: Dịch vụ Internet, tài nguyên Internet; Thông tin trên mạng; Cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động; Giám sát thông tin và ngăn chặn, gỡ bỏ thông tin vi phạm pháp luật trên mạng.

Điều kiện hoạt động của điểm truy nhập Internet công cộng

Nghị định quy định, đại lý Internet được phép hoạt động khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: Đăng ký kinh doanh đại lý Internet; Ký hợp đồng đại lý Internet với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truy nhập Internet; Trường hợp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử phải tuân thủ quy định tại Khoản 1 Điều 62 Nghị định này.

Chủ điểm truy nhập Internet công cộng của doanh nghiệp không phải đăng ký kinh doanh đại lý Internet và ký hợp đồng đại lý Internet. Trường hợp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử phải tuân thủ quy định tại Khoản 1 Điều 62 Nghị định này.

Chủ điểm truy nhập Internet công cộng tại khách sạn, nhà hàng, sân bay, bến tàu, bến xe, quán cà phê và các điểm công cộng khác khi cung cấp dịch vụ truy nhập Internet cho người sử dụng trong phạm vi các địa điểm này: Không phải đăng ký kinh doanh đại lý Internet và ký hợp đồng đại lý Internet nếu không thu cước; Phải đăng ký kinh doanh đại lý Internet và ký hợp đồng đại lý Internet nếu có thu cước.

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định các biện pháp về thời gian hoạt động của các đại lý Internet và điểm truy nhập Internet công cộng không cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên địa bàn.

Điều kiện thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, cung cấp dịch vụ mạng xã hội

Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong nước chỉ được thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp khi có Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp.

Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong nước chỉ được cung cấp dịch vụ mạng xã hội khi đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 4 Điều này.

Điều kiện cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp: Là cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được thành lập theo pháp luật Việt Nam, có chức năng, nhiệm vụ hoặc ngành nghề đăng ký kinh doanh đã được đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp phù hợp với dịch vụ và nội dung thông tin cung cấp; Đã đăng ký sử dụng tên miền để thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp và đáp ứng quy định tại Điều 26 Nghị định này; Đáp

ứng các điều kiện về tổ chức, nhân sự và kỹ thuật theo quy định tại Điều 27 Nghị định này; Có biện pháp quản lý nội dung, thông tin theo quy định tại Điều 28 Nghị định này.

Điều kiện cung cấp dịch vụ mạng xã hội trong nước: Là cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được thành lập theo pháp luật Việt Nam, có chức năng, nhiệm vụ hoặc ngành nghề đăng ký kinh doanh đã được đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp phù hợp với dịch vụ mạng xã hội cung cấp; Đã đăng ký sử dụng tên miền để cung cấp dịch vụ mạng xã hội và đáp ứng quy định tại Điều 26 Nghị định này; Đáp ứng các điều kiện về tổ chức, nhân sự và kỹ thuật theo quy định tại Điều 27 Nghị định này; Có biện pháp quản lý nội dung, thông tin theo quy định tại Điều 28 Nghị định này.

Điều kiện cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội: Mạng xã hội có số lượng người truy cập thường xuyên lớn. Trong trường hợp mạng xã hội có số lượng người truy cập thường xuyên thấp có nhu cầu cấp Giấy phép để cung cấp tính năng livestream hoặc các hoạt động có phát sinh doanh thu thì vẫn được xem xét cấp phép; Đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Khoản 4 Điều này.

Điều kiện hoạt động của điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng

Nghị định nêu rõ, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng khi đáp ứng các điều kiện sau đây: Có đăng ký kinh doanh điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng; Có biển hiệu "Điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng" ghi rõ tên điểm, địa chỉ, số điện thoại liên hệ, số đăng ký kinh doanh. Trường hợp điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng đồng thời là đại lý Internet thì thêm nội dung "Đại lý Internet". Trường hợp điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng đồng thời là điểm truy nhập Internet công cộng của doanh nghiệp thì thêm nội dung "Điểm truy nhập Internet công cộng"; Có thiết bị và nội quy phòng cháy, chữa cháy theo quy định về phòng, chống cháy, nổ của Bộ Công an.

Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng có thời hạn 03 năm.

Thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng

Nghị định quy định chủ điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ Điều kiện hoạt động đối với một trong các trường hợp sau: Có hành vi gian dối hoặc cung cấp thông tin giả mạo để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng hết hiệu lực.

Nghị định cũng nêu rõ, trường hợp bị thu hồi theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 67 Nghị định này, sau thời hạn 01 năm kể từ ngày bị thu hồi Giấy chứng nhận, chủ điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng có quyền đề nghị cấp Giấy chứng nhận mới nếu đáp ứng đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận theo quy định.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 25/12/2024.

Anh Cao - Trung tâm Thông tin

BỘ CÔNG AN: SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY ĐỊNH VỀ CÔNG TÁC PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ

Ngày 31/10/2024, Bộ trưởng Bộ Công an ký ban hành Thông tư số 55/2024/TT-BCA sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 141/2020/TT-BCA ngày 23/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định công tác kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Công an nhân dân; Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành; Thông tư số 82/2021/TT-BCA ngày 06/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, tập huấn, kiểm tra nghiệp vụ thẩm duyệt thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Thông tư số 06/2022/TT-BCA ngày 17/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình thực hiện nhiệm vụ công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trong Công an nhân dân.

Theo đó, Thông tư này sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 141/2020/TT-BCA ngày 23/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định công tác kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Công an nhân dân.

Cụ thể, sửa đổi, bổ sung điểm b Khoản 1 Điều 6 như sau: “b) Kiểm tra trách nhiệm phòng cháy, chữa cháy của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở; kiểm tra an toàn về phòng cháy, chữa cháy của cơ sở, khu dân cư, hộ gia đình, hộ gia đình kết hợp sản xuất kinh doanh theo nội dung quy định tại các Điều 5, 6 và Điều 7 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy (sau đây viết gọn là Nghị định số 136/2020/NĐ-CP), được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy (sau đây viết gọn là Nghị định số 50/2024/NĐ-CP).”.

Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Thông tư số 150/2020/TT-BCA như sau: “1. Danh mục, số lượng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ trang bị cho lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành được quy định tại Phụ lục II và Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.”.

Đối với Khoản 3 Thông tư số 150/2020/TT-BCA được sửa đổi, bổ sung như sau: “3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý cơ sở căn cứ vào tính chất, đặc điểm hoạt

động, sản xuất, kinh doanh và yêu cầu của công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại cơ sở để xem xét, quyết định số lượng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trang bị cho lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành bảo đảm theo quy định tại Phụ lục II và Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này và xem xét, quyết định trang bị cụ thể loại phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho các chức danh của lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành khi thực hiện nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.”.

Khoản 4 Thông tư số 150/2020/TT-BCA được sửa đổi, bổ sung thành: “4. Ngoài danh mục phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trang bị cho lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành quy định tại Phụ lục II và Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này, người đứng đầu cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý cơ sở căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm về cháy, nổ tại cơ sở và khả năng bảo đảm kinh phí, có thể quyết định việc trang bị thêm cho lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý các loại phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cần thiết khác quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 50/2024/NĐ-CP.”.

Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 82/2021/TT-BCA như sau: “1. Đối tượng tập huấn: a) Lãnh đạo phòng, chỉ huy đội, cán bộ thực hiện công tác thẩm duyệt thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy; b) Lãnh đạo phòng, chỉ huy đội, cán bộ được dự kiến phân công thực hiện công tác thẩm duyệt thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy.”.

Đối với Thông tư số 06/2022/TT-BCA được sửa đổi, bổ sung như sau:

Tại Điều 4 của Thông tư, sửa đổi, bổ sung một số nội dung liên quan Hồ sơ thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, như sau:

Về hồ sơ và việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy thực hiện theo quy định tại các Khoản 4, 6, 7 và Khoản 8 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại điểm c Khoản 5 Điều 1, Khoản 1, 2, 3 và Khoản 5 Điều 4, điểm d Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP.

Trường hợp hồ sơ đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy không thuộc thẩm quyền giải quyết, cán bộ, chiến sĩ tiếp nhận hồ sơ ghi thông tin vào Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính hoặc thông báo qua thư điện tử hoặc tin nhắn điện thoại trong trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến và trả hồ sơ cho cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Thông tư cũng sửa đổi, bổ sung quy định về kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy, cụ thể:

Về hồ sơ và việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy thực hiện theo quy định tại các Khoản 4, 6, 7 và Khoản 8 Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại điểm c Khoản 5 Điều 1, Khoản 1, 2, 3 và Khoản 5 Điều 4, điểm d Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP.

Trường hợp hồ sơ đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy không thuộc thẩm quyền giải quyết, cán bộ, chiến sĩ tiếp nhận hồ sơ ghi thông tin vào Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP hoặc thông báo qua thư điện tử hoặc tin nhắn điện thoại trong trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến và trả hồ sơ cho cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Sửa đổi, bổ sung quy định về cấp, cấp đổi, cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy: Hồ sơ và việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ cấp, cấp đổi, cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy thực hiện theo quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và Khoản 9 Điều 45 Nghị định 136/2020/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại các điểm a, b, c, d và điểm đ Khoản 17 Điều 1, điểm c, điểm d Khoản 1 Điều 5 Nghị định 50/2024/NĐ-CP.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 16/12/2024.

Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

BỘ TÀI CHÍNH: SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY ĐỊNH VỀ SỬ DỤNG, QUYẾT TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

Ngày 31/10/2024, Bộ trưởng Bộ Tài chính ký ban hành Thông tư số 75/2024/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 55/2023/TT-BTC quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025.

Theo đó, Thông tư này sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 như sau:

Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 3 như sau: “2. Việc mua sắm thuốc, trang thiết bị, vật tư, hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng tài sản: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu; đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên; xây dựng, công nghệ thông tin; quản lý, sử dụng tài sản công và quy định pháp luật có liên quan trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

Trường hợp giao chủ dự án tự thực hiện việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ để thực hiện dự án phát triển sản xuất được thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia”.

Sửa đổi, bổ sung Khoản 5 Điều 3 như sau: “Việc kiểm soát chi, tạm ứng, thanh toán kinh phí thực hiện theo quy định tại Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước; Thông tư số 17/2024/TT-BTC ngày 14/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên qua Kho bạc Nhà nước”.

Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng “-” thứ hai điểm e Khoản 2 Điều 4 như sau: “Chi thuê dẫn chương trình; chi biên soạn đề thi, đáp án, thù lao cho ban giám khảo, ban tổ chức; chi giải thưởng cho cá nhân, tập thể; thuê văn nghệ, diễn viên; hỗ trợ tiền ăn, thuê phòng nghỉ cho thành viên ban tổ chức, thành viên hội đồng nghệ thuật, thí sinh; nghệ nhân, diễn viên: Áp dụng quy định tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18/8/2023 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở; Thông tư số 40/2017/TT-BTC; Thông tư số 09/2016/TT-BVHTTDL ngày 14/10/2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành quy định về tổ chức thi, liên hoan văn nghệ quần chúng và thực tế phát sinh trên cơ sở các hóa đơn, chứng từ hợp pháp”.

Đối với gạch đầu dòng “-” thứ ba điểm e Khoản 2 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung thành:

“- Chi thù lao cho các hoạt động tập luyện, biểu diễn của diễn viên, người tham gia cuộc thi, ngày hội, giao lưu, liên hoan, trình diễn, tái hiện, thực nghiệm:

+ Thù lao luyện tập chương trình mới: Mức thù lao cho 01 buổi tập chương trình mới là 75.000 đồng/người/buổi/4 giờ. Trường hợp buổi tập không đảm bảo 04 giờ, mức thù lao cho 01 buổi tập chương trình mới là 60.000 đồng/người/buổi. Số buổi tập tối đa cho một chương trình mới là 10 buổi.

+ Mức thù lao trong chương trình biểu diễn lưu động:

. Mức thù lao cho 01 buổi biểu diễn lưu động đối với vai chính là 100.000 đồng/người. Số lượng tuyên truyền viên đóng vai chính trong các chương trình biểu diễn lưu động do Giám đốc Trung tâm Văn hóa, Trung tâm Thông tin truyền lãm hoặc Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp tỉnh, cấp huyện quyết định.

. Mức thù lao cho 01 buổi biểu diễn lưu động đối với các vai diễn khác là 80.000 đồng/người”.

Còn đối với Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau: “Điều 9. Chi phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân.

Nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ, phương thức hỗ trợ đối với các hoạt động phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân: Thực hiện theo quy định tại Chương II Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính

phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về các hoạt động lâm nghiệp được sử dụng vốn sự nghiệp cho Tiểu dự án 1.”.

Sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 12 như sau: “4. Chi hỗ trợ vật tư, nguyên liệu, giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, công cụ, dụng cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ: Nội dung và mức hỗ trợ theo quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án trong phạm vi mức hỗ trợ một (01) dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế đã được phê duyệt và thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 và khoản 10 Điều 4 Thông tư này.”.

Đối với điểm a Khoản 5 Điều 14 được sửa đổi thành: “5. Hỗ trợ tổ chức các hoạt động thu hút đầu tư, hội chợ, triển khai thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

a) Chi tổ chức các hoạt động xúc tiến, thu hút đầu tư, các hoạt động xúc tiến thương mại sản phẩm vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tại thị trường nội địa; kết nối tiêu thụ sản phẩm, các phiên chợ, tuần hàng, hội chợ, giao lưu, diễn đàn, các lễ hội gắn thương mại với du lịch; chi hỗ trợ xây dựng và thực hiện một số mô hình nhằm tiêu thụ sản phẩm của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, cung ứng các mặt hàng thiết yếu cho địa phương: Nội dung và mức chi thực hiện theo Thông tư số 11/2019/TT-BCT ngày 30/7/2019 của Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại, Thông tư số 80/2022/TT-BTC ngày 30/12/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn về định mức sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước và quy chế quản lý tài chính đối với hoạt động xúc tiến đầu tư và Điều 4 Thông tư này, thực tế phát sinh trên cơ sở các hóa đơn, chứng từ hợp pháp;”.

Thông tư cũng quy định bổ sung điểm g Khoản 4 Điều 35 như sau: “g. Tổ chức giám sát, hỗ trợ kỹ thuật giữa các tuyến: Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 54 Thông tư này.”.

Đối với Khoản 6 Điều 35 được bổ sung như sau: “6. Chi lập hồ sơ, sổ theo dõi định kỳ; tư vấn tại cộng đồng (bao gồm cả hướng dẫn về tuân thủ điều trị và tư vấn chăm sóc sức khỏe): Mức chi 50.000 đồng/trẻ/tháng và tối đa 300.000 đồng/cơ sở y tế/tháng.”.

Sửa đổi, bổ sung Điều 46 như sau: “Điều 46. Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín.

Chi cho các hoạt động biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 10 mục III Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg và hướng dẫn của Ủy ban Dân tộc. Nội dung và mức chi tương ứng theo quy định tại Điều 4 Thông tư này. Việc mua sắm thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Riêng đối với chi tặng quà cho các điển hình tiên tiến: Mức chi tối đa trị giá 500.000 đồng/người/lần và không quá 02 (hai) lần/năm.”.

Bổ sung Khoản 5 Điều 59 như sau: “5. Chi tổ chức kiểm tra, giám sát các hoạt động can thiệp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng giữa các tuyến: Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 54 Thông tư này.”.

Bổ sung Khoản 4 Điều 71 như sau: “4. Chi tập huấn, hướng dẫn tổ chức các giao dịch việc làm: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này.”.

Sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 76 như sau: “4. Chi tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động của đài truyền thanh xã đặc biệt khó khăn, xã đảo, huyện đảo (trong trường hợp huyện đảo không có đơn vị hành chính cấp xã): Thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông và quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương đối với các xã thực hiện nhiệm vụ thiết lập mới đài truyền thanh xã bình quân tối đa 300 triệu đồng/xã/huyện đảo (tính trên địa bàn tỉnh); mức hỗ trợ nâng cấp, chuyển đổi công nghệ bình quân tối đa bằng 70% mức bình quân tối đa hỗ trợ thiết lập mới. Việc mua sắm thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và quản lý, sử dụng tài sản công.”.

Bổ sung điểm e Khoản 2 Điều 77 như sau: “e) Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập. Mức chi theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Thông tư số 40/2017/TT-BTC.”.

Sửa đổi, bổ sung điểm b Khoản 2 Điều 93 như sau: “b) Việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân triển khai các đề tài, dự án, mô hình (sau đây gọi chung là nhiệm vụ khoa học công nghệ) của chương trình: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN ngày 12/10/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;”.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 16/12/2024.

Anh Cao - Trung tâm Thông tin

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO: HƯỚNG DẪN ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH GIÁ DỊCH VỤ GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO

Ngày 31/10/2024, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ký ban hành Thông tư số 14/2024/TT-BGDĐT hướng dẫn quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và phương pháp định giá dịch vụ giáo dục, đào tạo.

Phương pháp xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật

Thông tư này quy định 04 phương pháp xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật như sau:

Một là, phương pháp tiêu chuẩn: căn cứ vào các tiêu chuẩn, quy định của pháp luật về thời gian lao động, chế độ nghỉ ngơi, mức tiêu hao máy móc, thiết bị để xây dựng các định mức lao động, thiết bị, vật tư và cơ sở vật chất đối với từng công việc, làm cơ sở tính toán xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật.

Hai là, phương pháp thống kê tổng hợp: căn cứ số liệu thống kê hằng năm hoặc trong các kỳ báo cáo trong thời gian 03 năm liên tục trước thời điểm xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật và thực tế giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục để xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật.

Ba là, phương pháp phân tích thực nghiệm: thực hiện tổ chức khảo sát, thực nghiệm theo từng quy trình, nội dung công việc; căn cứ kết quả khảo sát, thực nghiệm để phân tích, tính toán từng yếu tố cấu thành định mức.

Bốn là, phương pháp so sánh: căn cứ vào các định mức của công việc, sản phẩm tương đương đã thực hiện trong thực tế để xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật.

Nguyên tắc tính giá dịch vụ giáo dục, đào tạo

Thông tư quy định rõ nguyên tắc tính giá dịch vụ giáo dục, đào tạo. Theo đó, giá dịch vụ giáo dục, đào tạo là toàn bộ các khoản chi phí thực tế hợp lý phát sinh để hoàn thành việc giáo dục, đào tạo cho người học đạt được các tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan có thẩm quyền ban hành, bao gồm chi phí tiền lương, chi phí vật tư, chi phí quản lý, chi phí khấu hao hao mòn tài sản cố định, các chi phí khác và tích lũy (nếu có) hoặc lợi nhuận (nếu có).

Giá dịch vụ giáo dục, đào tạo được phân biệt theo cấp học, trình độ, lĩnh vực, ngành, nhóm ngành, chương trình đào tạo và hình thức giáo dục, đào tạo.

Giá dịch vụ giáo dục, đào tạo được điều chỉnh hằng năm khi các yếu tố hình thành giá dịch vụ giáo dục, đào tạo thay đổi.

Công thức xác định giá dịch vụ giáo dục, đào tạo

Giá dịch vụ giáo dục, đào tạo xác định theo công thức sau:

Giá dịch vụ giáo dục, đào tạo	=	Chi phí tiền lương	+	Chi phí vật tư	+	Chi phí quản lý	+	Chi phí khấu hao/hao mòn tài sản cố định	+	Chi phí khác	+	Tích lũy (nếu có) hoặc lợi nhuận (nếu có)
-------------------------------	---	--------------------	---	----------------	---	-----------------	---	--	---	--------------	---	---

Trong đó, chi phí tiền lương: gồm các khoản tiền phải trả cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý và người lao động trực tiếp tham gia thực hiện dịch vụ giáo dục, đào tạo gồm tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp có tính chất lương, chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn và các chi phí khác phải chi trả theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chi phí vật tư: là chi phí phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập, thực hành, thực nghiệm và nghiên cứu khoa học; hoạt động cung cấp dịch vụ gồm: chi phí văn phòng phẩm, công cụ, dụng cụ, điện nước... và các chi phí khác được xác định trên cơ sở mức tiêu hao vật tư và đơn giá vật tư.

Chi phí quản lý: là chi phí phục vụ các phòng, ban của bộ phận quản lý trong cơ sở giáo dục, bao gồm chi phí tuyển sinh; các khoản chi mua và sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế...

Chi phí khấu hao hoặc hao mòn tài sản cố định: là chi phí khấu hao hoặc hao mòn nhà cửa, máy móc thiết bị và các tài sản cố định khác sử dụng trong hoạt động cung cấp dịch vụ giáo dục,

đào tạo được tính theo quy định của Bộ Tài chính và lộ trình kết cấu chi phí khấu hao hoặc hao mòn tài sản cố định vào giá dịch vụ giáo dục, đào tạo do cơ quan có thẩm quyền quy định.

Chi phí khác: gồm các loại thuế khác theo quy định, tiền thuê đất và các khoản phí, lệ phí khác.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 16/12/2024.

Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ: HƯỚNG DẪN CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THỐNG KÊ NGÀNH THỐNG KÊ

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ký ban hành Thông tư số 20/2024/TT-BKHĐT quy định chế độ báo cáo thống kê ngành Thống kê.

Thông tư quy định chế độ báo cáo thống kê ngành Thống kê nhằm thu thập thông tin để biên soạn các chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Thống kê và phục vụ biên soạn báo cáo tình hình kinh tế - xã hội.

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện Chế độ báo cáo thống kê ngành Thống kê, bao gồm: Cơ quan thống kê trung ương; Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Tổ chức, cá nhân có liên quan.

Số liệu báo cáo trong hệ thống biểu mẫu thuộc phạm vi trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Đơn vị báo cáo là Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được ghi cụ thể tại góc trên bên phải của từng biểu mẫu thống kê.

Đơn vị nhận báo cáo là cơ quan thống kê trung ương (Tổng cục Thống kê) được ghi cụ thể tại góc trên bên phải của từng biểu mẫu thống kê, dưới dòng đơn vị báo cáo.

Biểu mẫu báo cáo và giải thích biểu mẫu báo cáo thống kê

Chế độ báo cáo thống kê ngành Thống kê bao gồm: Danh mục biểu mẫu báo cáo thống kê; các biểu mẫu báo cáo thống kê, giải thích và hướng dẫn cách ghi biểu báo cáo của các lĩnh vực quy định tại các Phụ lục (từ Phụ lục số 1 đến Phụ lục số VI) ban hành kèm theo Thông tư này gồm: Phụ lục I: Biểu mẫu báo cáo thống kê tài khoản quốc gia. Phụ lục II: Biểu mẫu báo cáo thống kê nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản. Phụ lục III: Biểu mẫu báo cáo thống kê công nghiệp. Phụ lục IV: Biểu mẫu báo cáo thống kê vốn đầu tư và xây dựng. Phụ lục V: Biểu mẫu báo cáo thống kê thương mại và dịch vụ. Phụ lục VI: Biểu mẫu báo cáo thống kê xã hội và môi trường.

Báo cáo thống kê bằng báo cáo điện tử hoặc bản giấy

Kỳ báo cáo được ghi ở phần giữa của từng biểu mẫu thống kê (sau tên biểu báo cáo). Kỳ báo cáo thống kê được tính theo ngày dương lịch và được quy định cụ thể của từng biểu mẫu báo cáo thống kê, bao gồm: a) Báo cáo thống kê tháng; b) Báo cáo thống kê quý; c) Báo cáo thống kê 6 tháng; d) Báo cáo thống kê 9 tháng; đ) Báo cáo thống kê năm; e) Báo cáo thống kê theo Vụ; g) Báo cáo thống kê đột xuất trong trường hợp khi có sự vật, hiện tượng đột xuất xảy ra: Thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn. Ngoài ra còn có kỳ báo cáo khác được ghi cụ thể ở biểu mẫu báo cáo.

Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gửi báo cáo thống kê bằng báo cáo điện tử hoặc bản giấy theo thời gian quy định trên từng biểu mẫu. Báo cáo phải được ký số (đối với báo cáo điện tử) hoặc có chữ ký của Thủ trưởng, đóng dấu của đơn vị (đối với báo cáo bằng bản giấy) để bảo đảm tính chính xác của số liệu, thuận lợi cho việc kiểm tra, đối chiếu, xử lý số liệu.

Tổng cục Thống kê có trách nhiệm: Thu thập, tổng hợp, biên soạn số liệu thống kê theo quy định của Thông tư. Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình triển khai Thông tư: Hoàn thiện và triển khai phần mềm báo cáo thống kê áp dụng đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, tích hợp, khai thác số liệu thống kê từ các phần mềm ứng dụng chuyên ngành, từ các cơ sở dữ liệu hành chính khác thuộc trách nhiệm được giao để phục vụ cho lập báo cáo thống kê.

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm: Tổ chức, chỉ đạo, đôn đốc các Sở, ban, ngành thu thập, tổng hợp các chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh thuộc lĩnh vực quản lý và gửi Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để báo cáo Tổng cục Thống kê theo quy định.

Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm: Chấp hành đầy đủ, chính xác về nội dung, thời điểm, thời kỳ của từng biểu mẫu thuộc chế độ báo cáo và gửi báo cáo đúng thời gian quy định. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về chuyên môn nghiệp vụ thống kê, phân công, hướng dẫn các Sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh, thành phố thực hiện hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025.

Nguồn: baohinhphu.vn

NHÂN SỰ MỚI CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

* Bộ Chính trị:

Điều động, bổ nhiệm ông Phạm Gia Túc, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Nam Định giữ chức vụ Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng.

Điều động, chỉ định ông Đặng Khánh Toàn, Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy Nam Định nhiệm kỳ 2020 - 2025.

* Thủ tướng Chính phủ:

Quyết định số 1379/QĐ-TTg về việc bổ nhiệm ông Lê Tiến Đạt, Cục trưởng Cục Giám sát, thẩm định và xử lý sau thanh tra, Thanh tra Chính phủ giữ chức vụ Phó Tổng Thanh tra Chính phủ.

Quyết định số 1358/QĐ-TTg ngày 08/11/2024 về việc bổ nhiệm lại ông Trần Quốc Phương giữ chức Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Quyết định số 1356/QĐ-TTg ngày 08/11/2024 về việc định kéo dài thời gian giữ chức vụ đến hết tuổi phục vụ tại ngũ đối với Trung tướng Nguyễn Văn Bông, Chính ủy Quân chủng Hải Quân, Bộ Quốc phòng.

Quyết định số 1355/QĐ-TTg ngày 08/11/2024 về việc bổ nhiệm lại Trung tướng Nguyễn Hồng Thái, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ủy viên Quân ủy Trung ương giữ chức Tư lệnh Quân khu 1, Bộ Quốc phòng.

Quyết định số 1349/QĐ-TTg về việc phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Lê Trung Hồ, Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thuận.

Quyết định số 1348/QĐ-TTg về việc phê chuẩn kết quả miễn nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang, nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Nguyễn Lưu Trung để nhận nhiệm vụ mới.

* Bộ Thông tin và Truyền thông:

Ông Lê Văn Tuấn, Cục trưởng Cục An toàn thông tin được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Cục trưởng Cục Chuyển đổi số Quốc gia, Bộ Thông tin và Truyền thông.

Ông Trần Quang Hưng, Phó Cục trưởng Cục An toàn thông tin được giao Quyền Cục trưởng Cục An toàn thông tin, Bộ Thông tin và Truyền thông.

Ông Lê Anh Tuấn, Phó Vụ trưởng Vụ Kinh tế số và Xã hội số được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Cục trưởng Cục An toàn thông tin, Bộ Thông tin và Truyền thông.

Bà Đinh Thị Linh Hương, Chuyên viên chính, Vụ Kế hoạch - Tài chính được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông.

*** Ban Tuyên giáo Trung ương:**

Bà Trần Thị Phương Lan, Phó Vụ trưởng Vụ Văn hóa - Văn nghệ được bổ nhiệm giữ chức vụ Vụ trưởng Văn hóa - Văn nghệ, kể từ ngày 08/11/2024.

Bà Hồ Hoài Linh, Chuyên viên chính Vụ Thông tin đối ngoại và hợp tác quốc tế được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Vụ trưởng Vụ Thông tin đối ngoại và hợp tác quốc tế, kể từ ngày 08/11/2024.

*** TP. Hà Nội:**

Phân công ông Nguyễn Văn Phong, Phó Bí thư Thành ủy làm Phó Bí thư Thường trực Thành ủy khóa XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

*** Tỉnh Hưng Yên:**

Ông Vũ Tuấn Anh, Phó Giám đốc Sở Tư pháp được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, kể từ ngày 01/11/2024.

*** Tỉnh Hà Giang:**

Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy, Trưởng ban Ban Pháp chế, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026 được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

Ông Trịnh Văn Bình, Chi cục trưởng Chi cục Chăn nuôi và Thú y trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Bà Đào Thị Thu Loan, Chánh Văn phòng Sở Kế hoạch và Đầu tư được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

*** Tỉnh Thái Bình:**

Ông Nguyễn Minh Hồng, Phó Trưởng ban Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông.

Ông Đỗ Như Lâm, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Trưởng ban Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

Ông Phạm Dũng, Phó Giám đốc Sở Xây dựng được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Giao thông vận tải.

Ông Nguyễn Cảnh Toàn, Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

*** Tỉnh Nghệ An:**

Ông Nguyễn Đức Trung, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được bầu giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

*** Tỉnh Quảng Ngãi:**

Ông Võ Văn Đông, Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Bình Sơn, nhiệm kỳ 2021 - 2026 được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Trưởng ban Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, kể từ ngày 11/11/2024.

Bà Võ Thị Tuyết Nhung, Trưởng phòng Phòng Tổng hợp - Dân tộc và Tôn giáo, Ban Dân vận Tỉnh ủy được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Trưởng ban Ban Dân vận Tỉnh ủy, kể từ ngày 11/11/2024.

*** Tỉnh Gia Lai:**

Ông Vũ Tiến Anh, Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ông Đỗ Việt Hưng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Pleiku thôi tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Thành ủy, thôi giữ chức vụ Phó Bí thư Thành ủy Pleiku được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Bà Nay Kđam Tha My, Chánh Văn phòng Ban Nội chính Tỉnh ủy được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Trưởng ban Ban Nội chính Tỉnh ủy, kể từ ngày 06/11/2024.

Ông Đoàn Hữu Dũng, Giám đốc Sở Giao thông vận tải được điều động, chỉ định tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ TP. Pleiku, Ban Thường vụ Thành ủy, giữ chức vụ Phó Bí thư Thành ủy Pleiku, nhiệm kỳ 2020 - 2025 và giới thiệu để Hội đồng nhân dân TP. Pleiku bầu giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Nguyễn Quảng Hà, Phó Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

*** Tỉnh Bình Thuận:**

Ông Nguyễn Quốc Thắng, Phó Giám đốc Sở Tư pháp được điều động, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy Phú Quý, nhiệm kỳ 2020 - 2025, kể từ ngày 11/11/2024.

*** Tỉnh An Giang:**

Ông Ngô Công Thức, Giám đốc Sở Giao thông vận tải được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

*** Tỉnh Cà Mau:**

Ông Phạm Thành Ngại, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Nguồn: baochinhpvu.vn